

**CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN ĐỨC
THUAN DUC JOINT STOCK
COMPANY**

Số: 1907/2024/CBTT-TDP
No: 1907/2024/CBTT-TDP

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness**

Hung Yên, ngày 19 tháng 07 năm 2024
Hung Yen, day 19 month 07 year 2024

**CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG
EXTRAORDINARY INFORMATION DISCLOSURE**

**Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh.**

**To: - The State Securities Commission;
- Hochiminh Stock Exchange.**

1. Tên tổ chức/*Name of organization*: Công ty cổ phần Thuận Đức

- Mã chứng khoán/*Stock code*: TDP

- Địa chỉ/*Address*: Thôn Bằng Ngang, Thị trấn Lương Bằng, Huyện Kim Động, Tỉnh Hưng Yên.

- Điện thoại liên hệ/*Tel.*: 02213.810.705

Fax: 02213.810.706

- E-mail: info@thuanducjsc.vn

2. Nội dung thông tin công bố/*Contents of disclosure*:

- Quyết định về việc chấp thuận niêm yết trái phiếu Công ty cổ phần Thuận Đức số 824/QĐ-SGDHN do Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội cấp ngày 18/07/2024.

- Bản Cáo bạch niêm yết trái phiếu chào bán ra công chúng và các tài liệu kèm theo.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày tại đường dẫn/*This information was published on the company's website on (date), as in the link:*

Ngày 19/07/2024 tại đường dẫn: <https://thuanducjsc.vn/quan-he-co-dong/cong-bo-cong-tin>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố/*We hereby certify that the information provided is true and correct and we bear the full responsibility to the law.*

Tài liệu đính kèm/*Attached documents:*

Tài liệu liên quan đến nội dung thông tin công bố/*Documents on disclosed information.*

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CBTT

Person authorized to disclose information

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)
(*Signature, full name, position, and seal*)



**TỔNG GIÁM ĐỐC
BÙI QUANG SỸ**

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN CẤP ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN ĐỨC

(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0503000198 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên cấp lần đầu ngày 22/01/2007, cấp thay đổi số 0900264799 lần thứ 16 ngày 21/05/2024)



Thuanduc Jsc.,

NIÊM YẾT TRÁI PHIẾU TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

(Quyết định đăng ký niêm yết số: .../SGD...- QĐ do cấp ngày..... tháng..... năm.....)

Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp tại những địa điểm dưới đây từ ngày/...../2024.

1. CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN ĐỨC

Địa chỉ : Thôn Bằng Ngang, thị trấn Lương Bằng, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên.
Điện thoại : (022) 1381 0705 Fax: (022) 1381 0706
Website : <https://thuanducjsc.vn/> Email: info@thuanducjsc.vn

2. CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MB

Địa chỉ : Tầng 7-8, tòa nhà MB, 21 Cát Linh, phường Cát Linh, Q. Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại : (024) 7304 5688
Website : <https://mbs.com.vn/>

3. PHỤ TRÁCH CÔNG BỐ THÔNG TIN

Họ tên : Ông Bùi Quang Sỹ
Chức vụ : Tổng Giám đốc
Điện thoại : 0983 057 777

CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN ĐỨC

(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0503000198 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên cấp lần đầu ngày 22/01/2007, cấp thay đổi số 0900264799 lần thứ 16 ngày 21/05/2024)

NIÊM YẾT TRÁI PHIẾU TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

Tên trái phiếu	: Trái Phiếu TDPH2326001
Loại trái phiếu	: Trái phiếu doanh nghiệp không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, được bảo đảm bằng tài sản
Mã trái phiếu	: TDP124010
Thời điểm đáo hạn	: 29/03/2027
Lãi suất	Lãi suất áp dụng cho 04 Kỳ Thanh Toán Lãi đầu tiên là: 11,2%/năm; Lãi suất cho các kỳ tính lãi tiếp theo được tính bằng (i) trung bình cộng của lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng Đồng Việt Nam, trả sau thông thường, áp dụng cho kỳ hạn 12 tháng được công bố trên trang điện tử chính thức của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (mỗi ngân hàng nêu trên gọi riêng là “Ngân Hàng Tham Chiếu” và gọi chung là “Các Ngân Hàng Tham Chiếu”) tại Ngày Xác Định Lãi Suất (“Lãi Suất Tham Chiếu”) cộng với (ii) biên độ 3,8%/năm. Lãi suất áp dụng cho các kỳ tính lãi tiếp theo tối thiểu là 11% trong mọi trường hợp.
Kỳ trả lãi	: 03 tháng/lần
Mệnh giá	: 100.000 đồng/trái phiếu
Tổng số lượng trái phiếu niêm yết	: 2.276.200 trái phiếu
Tổng giá trị trái phiếu niêm yết	: 227.620.000.000 đồng (Bằng chữ: Hai trăm hai mươi bảy tỷ sáu trăm hai mươi triệu đồng)

1. TỔ CHỨC KIỂM TOÁN

Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam

Địa chỉ trụ sở chính : Tầng 8, CornerStone Building, 16 Phan Chu Trinh, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Điện thoại : (024) 3831 5100

Website : <http://www.ey.com>

2. TỔ CHỨC TƯ VẤN VÀ ĐẠI LÝ PHÁT HÀNH, ĐẠI DIỆN NGƯỜI SỞ HỮU TRÁI PHIẾU, TỔ CHỨC QUẢN LÝ TÀI SẢN BẢO ĐẢM

Công ty cổ phần Chứng khoán MB

Địa chỉ trụ sở chính : Tầng 7-8, tòa nhà MB, số 21 Cát Linh, phường Cát Linh, quận Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại : (024) 7304 5688

Website : <https://mbs.com.vn/>

MỤC LỤC

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO.....	8
1. Rủi ro về kinh tế.....	8
2. Rủi ro về luật pháp.....	11
3. Rủi ro đặc thù ngành.....	11
4. Rủi ro về quản trị công ty.....	13
5. Rủi ro khác.....	13
II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH..	15
1. Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết.....	15
2. Tổ chức Tư vấn và Đại lý Phát hành.....	15
III. CÁC KHÁI NIỆM.....	16
IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT.....	17
1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển.....	17
2. Cơ cấu tổ chức của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết.....	27
3. Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết.....	27
4. Thông tin về cổ đông.....	32
5. Thông tin về công ty mẹ, công ty con của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối đối với Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết, những công ty mà Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối.....	33
6. Hoạt động kinh doanh.....	35
7. Kết quả hoạt động kinh doanh.....	46
8. Vị thế của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết trong ngành.....	49
9. Chính sách đối với người lao động.....	55
10. Chính sách cổ tức.....	57
11. Tình hình hoạt động tài chính.....	58
12. Thông tin về Hội đồng quản trị, Ban tổng giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng.....	68
13. Tài sản.....	80
14. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong các năm tiếp theo.....	83
15. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức.....	85
16. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết.....	85
17. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả chứng khoán niêm yết (nếu có).....	86
V. CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT.....	87
1. Mã Trái Phiếu.....	87
2. Tên Trái Phiếu.....	87
3. Loại chứng khoán.....	87
4. Mệnh giá.....	87
5. Tổng số lượng chứng khoán niêm yết.....	87
6. Số lượng cổ phiếu, trái phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết.....	87
7. Xếp hạng tín nhiệm.....	88
8. Ngày Phát Hành.....	88

9. Ngày Đáo Hạn.....	88
10. Kỳ hạn Trái Phiếu: 03 năm	88
11. Phương pháp tính giá	88
12. Phương pháp tính lợi suất khi đáo hạn	91
13. Phương thức thực hiện quyền.....	92
14. Mục đích sử dụng vốn thu được từ phát hành trái phiếu.....	102
15. Đánh giá tác động của tình hình lạm phát đối với trái phiếu niêm yết	102
16. Cam kết về tỷ lệ đảm bảo	104
17. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài	111
18. Các loại thuế có liên quan	111
VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT.....	113
VII. PHỤ LỤC	114

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 1: Quá trình tăng vốn điều lệ	20
Bảng 2: Cơ cấu tổ chức và trách nhiệm của các phòng ban tại TDP	30
Bảng 3: Danh sách các nhà máy của TDP	30
Bảng 4: Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty	32
Bảng 5: Cơ cấu cổ đông tại thời điểm ngày 13/06/2024	33
Bảng 6: Danh sách công ty con của TDP	33
Bảng 7: Danh sách công ty liên kết của TDP	34
Bảng 8: Sản lượng sản xuất theo sản phẩm giai đoạn 2022 - Quý 1/2024 (hợp nhất)	35
Bảng 9: Cơ cấu doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ giai đoạn 2022 - Quý 1/2024 (hợp nhất)	36
Bảng 10: Cơ cấu doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ giai đoạn 2022 - Quý 1/2024 (Công ty mẹ)	36
Bảng 11: Lợi nhuận gộp theo sản phẩm giai đoạn 2022 - Quý 1/2024 (hợp nhất)	37
Bảng 12: Lợi nhuận gộp Công ty theo sản phẩm giai đoạn 2022 - Quý 1/2024 (công ty mẹ)	37
Bảng 13: Nguyên vật liệu được sử dụng trong sản xuất và đóng gói các sản phẩm giai đoạn 2020-2023 (hợp nhất)	38
Bảng 14: Nguyên vật liệu tái chế sử dụng trong sản xuất của TDP giai đoạn 2020-2023 (Hợp nhất)	38
Bảng 15: Cơ cấu chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố giai đoạn 2022 - Quý 1/2024 (hợp nhất)	39
Bảng 16: Cơ cấu chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố giai đoạn 2022 - Quý 1/2024 (công ty mẹ)	39
Bảng 17: Các hợp đồng lớn đã được thực hiện, hoặc đã được ký kết nhưng chưa thực hiện của TDP trong giai đoạn 2022 – Quý 1/2024	42
Bảng 18: Một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh giai đoạn 2022 - Quý 1/2024 (công ty mẹ)	46
Bảng 19: Một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh giai đoạn 2022 - Quý 1/2024 (hợp nhất)	47
Bảng 20: Các chỉ số tài chính cơ bản của một số doanh nghiệp trong cùng ngành	53
Bảng 21: Cơ cấu lao động của Công ty tại ngày 31/12/2023	56
Bảng 22: Chính sách chi trả cổ tức của TDP năm 2022-2023	58
Bảng 23: Sổ năm khấu hao tài sản cố định hữu hình	58
Bảng 24: Sổ năm khấu hao tài sản cố định vô hình	59
Bảng 25: Sổ năm khấu hao tài sản cho thuê tài chính	60
Bảng 26: Thu nhập bình quân của nhân sự TDP	60
Bảng 27: Chi tiết các khoản phải nộp theo luật định (hợp nhất)	61
Bảng 28: Chi tiết các khoản phải nộp theo luật định (Công ty mẹ)	61
Bảng 29: Tình hình trích lập các quỹ của Công ty hợp nhất	61
Bảng 30: Tình hình trích lập các quỹ của Công ty mẹ	62
Bảng 31: Chi tiết các khoản vay ngân hàng (Công ty mẹ)	62
Bảng 32: Chi tiết các khoản vay ngân hàng (hợp nhất)	64
Bảng 33: Chi tiết các khoản phải thu của Công ty hợp nhất	65

Bảng 34: Chi tiết các khoản phải thu của công ty mẹ.....	66
Bảng 35: Chi tiết các khoản phải trả hợp nhất.....	66
Bảng 36: Chi tiết các khoản phải trả Công ty mẹ.....	66
Bảng 37: Một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Công ty hợp nhất.....	67
Bảng 38: Một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Công ty mẹ.....	67
Bảng 39: Tình hình tài sản của Công ty hợp nhất tại thời điểm ngày 31/12/2022.....	81
Bảng 40: Tình hình tài sản của Công ty mẹ tại thời điểm ngày 31/12/2022.....	81
Bảng 41: Tình hình tài sản của Công ty hợp nhất tại thời điểm ngày 31/12/2023.....	81
Bảng 42: Tình hình tài sản của Công ty mẹ tại thời điểm ngày 31/12/2023.....	82
Bảng 43: Tình hình tài sản của Công ty hợp nhất tại thời điểm ngày 31/03/2024.....	82
Bảng 44: Tình hình tài sản của Công ty mẹ tại thời điểm ngày 31/03/2024.....	82
Bảng 45: Kế hoạch sản xuất kinh doanh và lợi nhuận của TDP trong năm 2024.....	83
Bảng 46: Hoạt động sản xuất kinh doanh và lợi nhuận của TDP trong Quý I/2024.....	84
Bảng 47: Thông tin về các hợp đồng thuê đất của Công ty.....	85

DANH MỤC HÌNH

Hình 1: Tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam giai đoạn 2013-2023 (%).....	8
Hình 2: Tốc độ tăng chỉ số lạm phát (CPI) của các năm giai đoạn 2016-2023.....	9
Hình 3: Cơ cấu tổ chức của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết.....	27
Hình 4: Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết.....	28
Hình 5: Tốc độ tăng CPI bình quân so với năm trước (giai đoạn 2016-2023).....	103

NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

Nhà đầu tư nên xem xét cân trọng các nhân tố rủi ro và các nhân tố/sự kiện không chắc chắn được mô tả bên dưới, cùng với các thông tin trong Bản Cáo Bạch này. Hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính hoặc kết quả hoạt động của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết có thể bị ảnh hưởng bất lợi đáng kể bởi bất kỳ rủi ro nào trong số đó. Những rủi ro được mô tả dưới đây không phải là những rủi ro duy nhất liên quan đến Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết hoặc Trái Phiếu. Những rủi ro và những khả năng không chắc chắn khác mà Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết hiện không biết đến, hoặc cho là không quan trọng, cũng có thể ảnh hưởng bất lợi đến việc đầu tư vào Trái Phiếu.

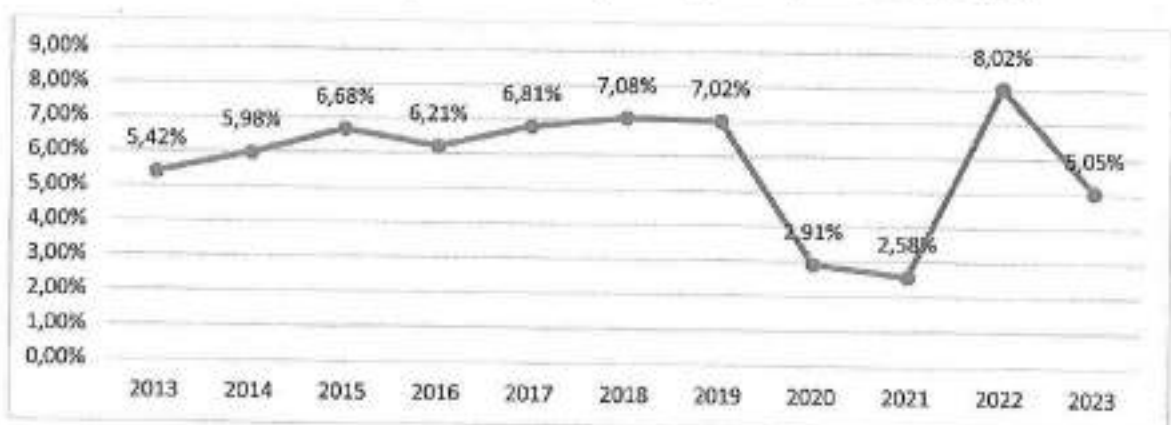
1. Rủi ro về kinh tế

Hoạt động của các doanh nghiệp đều chịu ảnh hưởng trực tiếp từ các biến động vĩ mô của nền kinh tế với các yếu tố như tốc độ tăng trưởng kinh tế (GDP), chỉ số lạm phát, lãi suất, tỷ giá hối đoái...

1.1 Tốc độ tăng trưởng kinh tế

Tốc độ tăng trưởng kinh tế là một trong những nhân tố quan trọng, ảnh hưởng trực tiếp đến tốc độ tăng trưởng của hầu hết các ngành, lĩnh vực của nền kinh tế. Tăng trưởng kinh tế nói chung sẽ làm tăng nhu cầu tiêu dùng xã hội, thúc đẩy sự gia tăng của sản lượng công nghiệp và giúp cho các doanh nghiệp mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm của mình.

Hình 1: Tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam giai đoạn 2013-2023 (%)



Nguồn: Tổng cục Thống kê

Năm 2023, kinh tế thế giới tiếp tục gặp nhiều khó khăn, thách thức. Cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn ngày càng gay gắt, toàn diện hơn, gia tăng căng thẳng địa chính trị; xung đột Nga – U-crai-na diễn biến phức tạp, giao tranh ở khu vực Trung đông đã tác động tiêu cực

tới quá trình phục hồi kinh tế thế giới sau dịch Covid-19. Mặc dù vậy, nền kinh tế Việt Nam luôn duy trì tốc độ tăng trưởng ở mức cao và ổn định so với các nước trong khu vực và trên thế giới ở những năm trước đại dịch. Năm 2023, nền kinh tế Việt Nam tiếp tục phục hồi và tăng trưởng, GDP đạt quy mô 430 tỉ USD, tăng trưởng 5,05%, cao gấp 1,5 lần so với mức tăng trưởng 2,9% của kinh tế toàn cầu. Tổng sản phẩm trong nước (GDP) quý I/2024 tăng 5,66% so với cùng kỳ năm trước, cao hơn tốc độ tăng của quý I các năm 2020-2023.

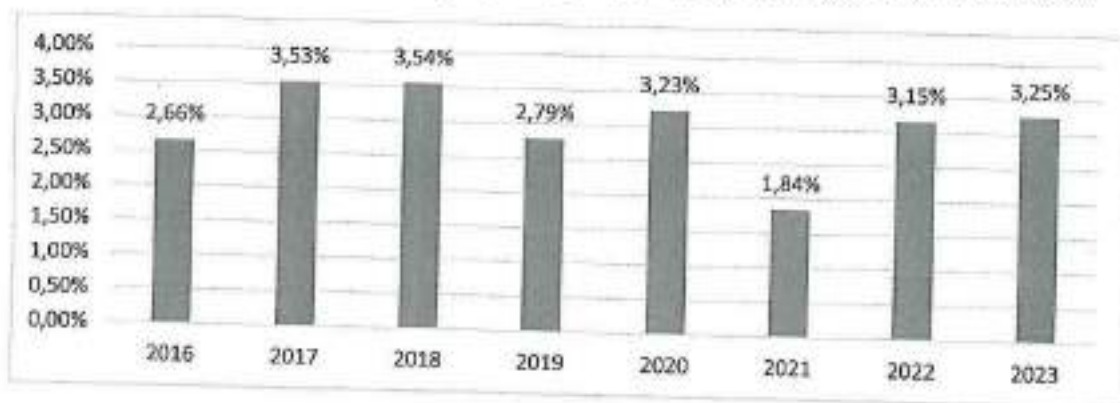
Ngành sản xuất bao bì là một ngành công nghiệp phụ trợ cho ngành sản xuất nông lâm nghiệp, thiết bị y tế, ngành sản xuất chung, ngành bán lẻ và đều giữ vai trò trọng điểm góp phần đáng kể cho sự tăng trưởng của kinh tế tài chính. Tuy nhiên, ngành sản xuất bao bì cũng là ngành có sức ảnh hưởng và khá phụ thuộc vào tình hình tăng trưởng kinh tế chung.

Trong xu hướng tổng thể kinh tế - xã hội đã có đà phát triển tốt, nhiều thuận lợi từ môi trường quốc tế có thể mang tới cơ hội cho Việt Nam nói chung cũng như ngành bao bì nói riêng, tuy nhiên những cơ hội này cũng tiềm ẩn nhiều rủi ro và thách thức. Tình hình kinh tế thế giới tiếp tục tăng trưởng chậm lại, căng thẳng thương mại giữa Mỹ - Trung, chiến tranh Nga - Ukraine gây ra với quy mô toàn cầu và vấn đề địa chính trị càng làm gia tăng đáng kể tính bất ổn của hệ thống thương mại và kinh tế, gây ảnh hưởng không nhỏ tới niềm tin kinh doanh, quyết định đầu tư và thương mại toàn cầu.

1.2 Rủi ro lạm phát

Các rủi ro tài chính của doanh nghiệp thường gắn liền với xu hướng lạm phát trong nền kinh tế. Lạm phát gia tăng sẽ ảnh hưởng đến hiệu quả đầu tư tài chính của các doanh nghiệp, ảnh hưởng đến sức mua của người tiêu dùng và gián tiếp tác động tiêu cực đến tỷ suất lợi nhuận của doanh nghiệp hoạt động trong ngành bao bì.

Hình 2: Tốc độ tăng chỉ số lạm phát (CPI) của các năm giai đoạn 2016-2023



Nguồn: Tổng cục thống kê

Trong những năm gần đây, Chính Phủ luôn đề ra mục tiêu tăng trưởng kinh tế cao đi kèm với

kiểm soát lạm phát ở mức dưới 4% bằng việc thực hiện các chính sách tài khóa và chính sách tiền tệ linh hoạt.

Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, lạm phát cơ bản năm 2022 và 2023 lần lượt tăng 3,15% và 3,25% so với cùng kỳ năm trước, đạt mục tiêu Quốc hội đề ra. Sang năm 2024, Quốc hội tiếp tục đặt mục tiêu kiểm soát lạm phát ở mức 4,0%-4,5%. Tuy vậy, chỉ trong quý I năm 2024, CPI đã tăng 3,77% so với cùng kỳ năm trước; lạm phát cơ bản tăng 2,81%.

Rủi ro về lạm phát giá cả ảnh hưởng tới chi tiêu của toàn nền kinh tế, tác động đến tất cả các ngành nghề kinh doanh nói chung và sản xuất bao bì nói riêng. Lạm phát gia tăng sẽ đẩy giá nguyên vật liệu, chi phí đầu vào của doanh nghiệp tăng. Nếu mức tăng giá của thành phẩm không đủ để bù mức tăng giá của chi phí đầu vào thì tỷ suất lợi nhuận của doanh nghiệp sẽ bị giảm tương ứng.

Tuy nhiên, một môi trường lạm phát được kiểm soát tốt sẽ hỗ trợ tích cực cho hoạt động kinh doanh sản xuất lâu dài của doanh nghiệp. Công ty cũng cần theo dõi sát sao tình hình kinh tế vĩ mô và các dự báo thị trường để giảm thiểu rủi ro về giá thông qua điều chỉnh định hướng kinh doanh linh hoạt, phù hợp tình hình.

1.3 Rủi ro về lãi suất

Đối với doanh nghiệp thì rủi ro lãi suất là rủi ro khi chi phí trả lãi vay của doanh nghiệp cao hơn khả năng tạo ra lợi nhuận của doanh nghiệp và mức độ rủi ro về lãi suất cũng khác nhau giữa các ngành với nhau tùy theo cơ cấu nợ vay của các ngành đó.

Trong năm 2022, theo số liệu của Ngân hàng Nhà nước tăng trưởng tín dụng đạt tốc độ 14,5% so với cuối năm 2021. Trong khi tín dụng cả năm tăng mạnh, các ngân hàng lại gặp khó trong việc huy động tiền gửi, bất chấp lãi suất huy động liên tục tăng cao, có thời điểm mức lãi suất phổ biến kỳ hạn 12 tháng lên tới 9-10%/năm.

Trong năm 2023, Ngân Hàng Nhà Nước đã điều chỉnh giảm liên tục 04 lần các mức lãi suất với mức giảm 0,5-2,0%/năm trong bối cảnh lãi suất thế giới tiếp tục tăng và neo ở mức cao; lãi suất tiền gửi và cho vay mới của các Ngân Hàng Thương Mại giảm khoảng hơn 2,0%/năm so với cuối năm 2022. Tính đến thời điểm 21/12/2023, tổng phương tiện thanh toán tăng 10,03% so với cuối năm 2022 (cùng thời điểm năm trước tăng 3,85%); huy động vốn của các tổ chức tín dụng tăng 10,85% (cùng thời điểm năm trước tăng 5,99%); tăng trưởng tín dụng của nền kinh tế đạt 11,09% (cùng thời điểm năm trước tăng 12,87%).

Để tài trợ cho hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty có sử dụng nguồn vốn vay ngắn hạn và dài hạn từ các ngân hàng. Tại ngày 31/03/2024, tổng nợ vay dài hạn và ngắn hạn của Công ty

là 2.412 tỷ đồng chiếm 66% tổng tài sản. Vì vậy, bất kỳ sự thay đổi nào của Ngân hàng Nhà nước và các ngân hàng thương mại về chính sách tiền tệ, lãi suất cũng sẽ ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Lãi suất tăng làm chi phí tài chính tăng ảnh hưởng không nhỏ đến hiệu quả kinh doanh của Công ty.

2. Rủi ro về luật pháp

Hoạt động dưới sự điều chỉnh của pháp luật Việt Nam, Công ty chịu nhiều rủi ro do hệ thống pháp luật chưa chặt chẽ và còn nhiều quy định chồng chéo. Bất kỳ điều chỉnh nào trong những quy định Luật Doanh nghiệp, Luật Thương mại, Luật Thuế thu nhập Doanh nghiệp và quy định khác liên quan đến ngành nghề hoạt động kinh doanh của Công ty đều có ảnh hưởng và tác động đến hoạt động và kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty.

Ngoài ra, với việc cổ phiếu của Công ty đang giao dịch trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, Công ty còn phải tuân thủ theo các quy định của Luật Chứng khoán, các văn bản pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán cùng với các quy định pháp luật liên quan khác.

Hệ thống pháp luật Việt Nam vẫn đang trong quá trình hoàn thiện, vì thế, các luật và văn bản hướng dẫn có thể sẽ còn được điều chỉnh cho phù hợp với sự phát triển của nền kinh tế. Những thay đổi của hệ thống pháp luật, chính sách trong nước có thể ảnh hưởng đến kế hoạch và hoạt động kinh doanh của Công ty. Để hạn chế rủi ro luật pháp, Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết luôn theo dõi các thay đổi về chính sách, kịp thời điều chỉnh hệ thống quy trình, quy định nội bộ để phù hợp với sự thay đổi đó...

3. Rủi ro đặc thù ngành

3.1 Rủi ro tỷ giá

Hàng hóa xuất khẩu của Công ty chiếm khoảng từ 30 - 40% tổng doanh thu từng thời kỳ, trên 50% lợi nhuận công ty, và khoảng 10% nguyên vật liệu (hạt nhựa nguyên sinh) của Công ty cũng được nhập khẩu. Hầu hết doanh thu xuất khẩu được thanh toán bằng USD, việc mua nguyên vật liệu chủ yếu được thanh toán bằng VND và một phần nhỏ là USD. Do đó việc điều hành chính sách tỷ giá hối đoái của Ngân hàng Nhà nước cũng như tỷ giá hối đoái trên thị trường sẽ ảnh hưởng đến hiệu quả kinh tế, tài chính chung của Công ty.

Hiện Ngân hàng Nhà nước đang điều hành chính sách tỷ giá linh hoạt và tỷ giá USD/VND thường có xu hướng tăng, tuy nhiên tỷ giá USD/VND vẫn có thể biến động giảm. Mà thị trường các nước liên minh châu Âu (EU) lại là thị trường lớn nhất của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết. Mặc dù Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết có thể hạn chế các rủi ro tỷ giá thông qua các

công cụ tài chính, Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết không thể đảm bảo rằng các biến động tỷ giá sẽ không ảnh hưởng tiêu cực đến tình hình kinh doanh và triển vọng của Công ty.

3.2 Rủi ro về các thị trường xuất khẩu

Những thay đổi trong các chính sách từ các thị trường nhập khẩu có thể có những ảnh hưởng theo chiều hướng khác nhau của Công ty.

Châu Âu đang siết chặt những các quy định về quản lý hóa chất ngành nhựa, nghị viện EU cũng đã thông qua luật cấm sử dụng sản phẩm nhựa 1 lần cũng như đã tạo điều kiện thuận lợi cho ngành sản xuất túi PP của Việt Nam. Tuy nhiên, nếu chính sách thay đổi thì có thể ảnh hưởng đến ngành sản xuất túi PP của Việt Nam.

Ngoài ra, hàng hóa của Việt Nam cũng như của một số quốc gia khác còn phải đối mặt với các nguy cơ bị kiện bán phá giá và áp mức thuế chống bán phá giá nhằm bảo vệ ngành bao bì nhựa của nước nhập khẩu như Mỹ, EU, Nhật Bản. Những thay đổi trong chính sách này có thể ảnh hưởng tiêu cực đến doanh thu của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết khi mà ~ 50% lợi nhuận đến từ các hoạt động xuất khẩu.

3.3 Rủi ro cạnh tranh

Cạnh tranh trên thị trường trong nước và ngoài nước có thể có những ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất cũng như khả năng sinh lời của Công ty cổ phần Thuận Đức.

Với mức biên lợi nhuận có tiềm năng phát triển lớn cũng như thời gian thu hồi vốn nhanh, nên những năm gần đây số lượng doanh nghiệp tham gia vào lĩnh vực sản xuất sản phẩm bao bì nhựa ngày càng gia tăng đáng kể. Quy mô của các doanh nghiệp này hầu hết vẫn là nhỏ lẻ, tuy nhiên nhiều doanh nghiệp tham gia sản xuất lĩnh vực này có khả năng tạo ra áp lực cạnh tranh đối với Công ty. Ngoài ra, sức ép cạnh tranh còn đến từ các doanh nghiệp FDI do có nhiều lợi thế hơn so với các doanh nghiệp trong nước về máy móc, công nghệ, kinh nghiệm quản trị và tài chính. Đặc biệt, các doanh nghiệp FDI chấp nhận lỗ từ 3 – 5 năm để chiếm lĩnh thị trường,

Bên cạnh đó, ngành nhựa Việt Nam hiện nay tuy phát triển nhưng vẫn còn là ngành khá non trẻ. Số lượng doanh nghiệp nhiều nhưng 80% là doanh nghiệp có quy mô vừa và nhỏ với trình độ công nghệ khá hạn chế, đa phần là xưởng gia công cho các doanh nghiệp nước ngoài, khoảng 85% thiết bị máy móc trong ngành phải nhập ngoại, trong đó có nhập từ Trung Quốc. Do đó, khi tham gia vào chuỗi cung ứng toàn cầu, các doanh nghiệp Việt Nam nói chung và TDP nói riêng phải đối mặt với nhiều đối thủ cạnh tranh lớn như Trung Quốc. Các doanh nghiệp nhựa Trung Quốc có thời gian hoạt động lâu năm với lợi thế nổi bật như mẫu mã đa dạng, giá thành rẻ, khả năng cung ứng nhanh. Tuy nhiên, các doanh nghiệp Trung

Quốc phải đối mặt với các hàng rào thuế quan khi xuất khẩu và tiêu thụ tại thị trường Việt Nam và khi xuất khẩu sang thị trường Mỹ và châu Âu thì phải chịu tác động của rào cản chiến tranh thương mại cùng các loại thuế suất khác.

3.4 Rủi ro về chất lượng sản phẩm

Là doanh nghiệp sản xuất trong lĩnh vực bao bì đòi hỏi sự chính xác và công nghệ cao, sản phẩm đầu ra có thể gặp rủi ro không đáp ứng được yêu cầu kỹ thuật và bị người mua từ chối. Sản phẩm của Công ty được quyết định bởi các yếu tố quan trọng là chất lượng thành phẩm, tiến độ giao hàng và sự ổn định nguồn nguyên liệu. Hiện nay, Công ty cổ phần Thuận Đức đang có nguồn nguyên liệu dồi dào và ổn định, do đó rủi ro về chất lượng đầu ra chủ yếu đến từ quá trình sản xuất, trong đó sai sót trong thao tác của người lao động là một trong những nguyên nhân chính, đặc biệt là tại các nhà máy. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty đã thiết lập một quy trình kiểm chất lượng sản phẩm nghiêm ngặt trước khi xuất kho.

Do ngành nhựa bao bì có mức độ cạnh tranh cao, nên chất lượng, mẫu mã cũng như thương hiệu của Công ty phải luôn luôn cải tiến và nâng cao chất lượng, vị thế trên thị trường.

4. Rủi ro về quản trị công ty

Quản trị công ty liên quan đến những biện pháp nội bộ để điều hành và kiểm soát hoạt động công ty trong các mối quan hệ giữa Ban giám đốc, Hội đồng quản trị và các cổ đông của công ty với các bên có quyền lợi liên quan.

Rủi ro quản trị công ty thường xảy ra trong trường hợp xung đột lợi ích giữa các mối quan hệ nêu trên, ảnh hưởng đến mục tiêu vì lợi ích chung, lợi ích của công ty. Xung đột lợi ích được thể hiện ở các vấn đề như giao dịch có nguy cơ tư lợi, lạm dụng tài sản hoặc cơ hội của công ty phục vụ lợi ích riêng và cạnh tranh với công ty. Việc không kiểm soát được các xung đột nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại lớn cho tài sản, bí mật kinh doanh và cơ hội kinh doanh của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết.

5. Rủi ro khác

Bên cạnh những nhân tố rủi ro trên, còn một số nhân tố rủi ro mang tính bất khả kháng như: thiên tai, chiến tranh hay dịch bệnh trên quy mô lớn. Nếu những rủi ro này xảy ra sẽ để lại những hậu quả thực sự nghiêm trọng, tác động trực tiếp đến hoạt động kinh doanh và phát triển của Công ty.

DANH MỤC CÁC NHÂN TỐ RỦI RO NÊU TRÊN KHÔNG PHẢI LÀ BẢNG LIỆT KÊ HAY GIẢI THÍCH ĐẦY ĐỦ VỀ TẤT CẢ CÁC RỦI RO LIÊN QUAN ĐẾN VIỆC ĐẦU TƯ VÀO TRÁI PHIẾU.

Handwritten notes in red ink on the right margin.

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết

Ông Nguyễn Đức Cường	Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông Bùi Quang Sỹ	Chức vụ: Tổng Giám đốc
Bà Đào Thị Nga	Chức vụ: Kế toán trưởng
Ông Bùi Huy Hoàng	Chức vụ: Trưởng Ban kiểm soát

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này. Trong phạm vi trách nhiệm và thông tin được biết, chúng tôi đảm bảo không có thông tin hoặc số liệu sai sót mà có thể gây ảnh hưởng đối với các thông tin trong Bản cáo bạch.

2. Tổ chức Tư vấn và Đại lý Phát hành

Người đại diện được ủy quyền:

Bà: Lê Thị Thu Hiền Chức vụ: Phó Giám đốc Khối Dịch vụ Ngân hàng Đầu tư

(Theo Giấy ủy quyền số 59/2022/MBS-UQ ngày 08 tháng 07 năm 2022 của Người đại diện theo pháp luật Công ty cổ phần Chứng khoán MB).

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng do Công ty cổ phần Chứng Khoán MB tham gia lập trên cơ sở Hợp đồng cung cấp dịch vụ tư vấn phát hành trái phiếu ra công chúng số 01/2023/MBS/IBHN-HĐTƯ ngày 31 tháng 03 năm 2023 với Công ty cổ phần Thuận Đức. Trong phạm vi trách nhiệm và thông tin được biết, chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trong Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cân trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty cổ phần Thuận Đức cung cấp.

[Phần còn lại của trang được cố ý để trống]

III. CÁC KHÁI NIỆM

UBCKNN	:	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
VSDC	:	Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam
TTCK	:	Thị trường chứng khoán
Sở KH&ĐT	:	Sở Kế hoạch và Đầu tư
Công ty/TDP/Thuận Đức	:	Công ty cổ phần Thuận Đức
Điều lệ	:	Điều lệ Công ty cổ phần Thuận Đức
MBS	:	Công ty cổ phần Chứng khoán MB
Giấy CNĐKDN	:	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
ĐHĐCĐ	:	Đại hội đồng cổ đông
HĐQT	:	Hội đồng Quản trị
KH&ĐT	:	Kế hoạch và Đầu tư
BKS	:	Ban Kiểm soát
BGD	:	Ban Giám đốc
CN	:	Chi nhánh
BCTC KT	:	Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
DTT	:	Doanh thu thuần
GVHB	:	Giá vốn hàng bán
LNTT	:	Lợi nhuận trước thuế
LNST	:	Lợi nhuận sau thuế
CK	:	Chứng khoán
TSCĐ	:	Tài sản cố định
Thuế TNDN	:	Thuế Thu nhập Doanh nghiệp
CD	:	Cổ đông
CDHH	:	Cổ đông hiện hữu
QBQ	:	Quyền biểu quyết
ĐVT	:	Đơn vị tính
CBCNV	:	Cán bộ, công nhân viên
HĐ	:	Hợp đồng
CBTT	:	Công bố thông tin
CPTPP	:	Hiệp định Đối tác kinh tế chiến lược xuyên Thái Bình Dương
FTA	:	Hiệp định thương mại tự do
SXKD	:	Sản xuất, kinh doanh

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

1.1 Giới thiệu chung về Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết

- Tên Công ty đầy đủ : CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN ĐỨC
- Tên Công ty viết tắt : THUANDUC.,JSC
- Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài : THUAN DUC JOINT STOCK COMPANY
- Giấy CNDKDN : Số 0503000198 do Sở KH&ĐT tỉnh Hưng Yên cấp lần đầu ngày 22/01/2007, cấp thay đổi số 0900264799 lần thứ 16 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên ngày 21/05/2024
- Trụ sở chính : Thôn Bằng Ngang, Thị trấn Lương Bằng, Huyện Kim Động, Tỉnh Hưng Yên
- Điện thoại : (022) 1381 0705
- Fax : (022) 1381 0706
- Vốn điều lệ : 802.022.020.000 đồng (*Bằng chữ: Tám trăm lẻ hai tỷ không trăm hai mươi hai triệu không trăm hai mươi nghìn đồng*).
- Ngành nghề kinh doanh chính : Sản xuất các sản phẩm từ plastic
Chi tiết: sản xuất nhựa tái chế, bao bì dệt các loại
- Người đại diện theo pháp luật : Nguyễn Đức Cường – Chủ tịch HĐQT
- Mã cổ phiếu : TDP
- Sàn niêm yết : Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh

1.2 Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

Công ty cổ phần Thuận Đức được thành lập năm 2007 với 01 nhà máy sản xuất bao bì hạt nhựa tái chế và bao dệt PP. Trải qua hơn 16 năm hình thành và phát triển, Công ty đã từng bước phát triển, nghiên cứu, đổi mới sản phẩm, phát triển mạng lưới.

Hiện tại, TDP là doanh nghiệp hàng đầu trong lĩnh vực sản xuất các sản phẩm từ Polypropylene (PP) tại Việt Nam dựa trên việc chú trọng đầu tư vào công nghệ, con người, sản phẩm và hệ thống khách hàng. Với các sản phẩm ưu việt như bao bì nông sản, bao bì thức ăn chăn nuôi, bao bì phân bón... TDP đang là đối tác cung cấp chính cho nhiều doanh nghiệp uy tín như Công ty cổ phần KKF, Công ty CP Vật tư Thiết bị Hải Nam, Công ty TNHH MTV Biotech Quế Lâm, Công ty TNHH Sunjin F&F... và hơn 400 đại lý, khách hàng cá nhân trên toàn quốc.

Đặc biệt, dòng sản phẩm túi siêu thị thân thiện với môi trường của Thuận Đức rất được ưa chuộng ở nhiều nước trên thế giới, ngay cả với các thị trường khó tính như Mỹ, Nhật Bản, EU. TDP hiện đang là nhà cung cấp chính và đối tác cung cấp lớn và thường xuyên của nhiều tập đoàn bán lẻ lớn trên thế giới.

❖ **Quá trình hình thành và phát triển của Công ty được tóm tắt như sau:**

- Năm 2007: Khánh thành nhà máy sản xuất bao bì hạt nhựa tái chế và bao dệt PP.
- Năm 2009: Công ty mở rộng sản xuất, đầu tư máy móc thiết bị phát triển màng bao dệt PP phục vụ cho ngành nông nghiệp.
- Năm 2014: Mở nhà máy thứ hai tại Kim Động – Hưng Yên, sản xuất bao bì và túi xách siêu thị phục vụ thị trường xuất khẩu.
- Năm 2017: Mở nhà máy thứ 3 sản xuất bao bì phục vụ ngành chế biến nông sản, chế biến thức ăn chăn nuôi và phân bón.
- Ngày 11/07/2018: Thuận Đức chính thức trở thành Công ty đại chúng.
- Ngày 30/08/2018: Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 73/2018/GCNCP-VSD, mã chứng khoán TDP, với 25 triệu cổ phiếu đăng ký.
- Ngày 16/10/2019: Tăng vốn điều lệ lên 479.999.990.000 đồng.
- Ngày 30/09/2019: Công ty TNHH Thuận Đức Hưng Yên trở thành công ty con của Thuận Đức.
- Ngày 23/04/2019: Thành lập chi nhánh Thanh Hóa; và đầu tư mở rộng thêm 01 nhà máy tại Thanh Hóa.
- Ngày 28/12/2020: Tăng vốn điều lệ lên 537.598.370.000 đồng.
- Ngày 12/10/2020: Chính thức niêm yết cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM với giá tham chiếu trong ngày đầu tiên 21.200 đồng/cổ phiếu.
- Ngày 16/08/2020: Khánh thành giai đoạn I Nhà máy Thái Yên tại Triệu Sơn, Thanh Hóa.
- Ngày 06/08/2020: Khởi công Nhà máy túi xuất khẩu.
- Ngày 11/11/2021: Góp vốn thành lập Công ty cổ phần Thuận Đức Bim Sơn – nhà máy sản xuất bao bì và túi xách siêu thị xuất khẩu.
- Ngày 12/08/2021: Tăng vốn điều lệ lên 602.109.020.000 đồng.
- Ngày 03/08/2021: TDP có thêm công ty con thứ hai - Công ty TNHH phát triển công nghệ Thuận Đức.
- Ngày 28/09/2022: Tăng vốn góp và tăng công suất dự án nhà máy sản xuất bao bì và túi xách siêu thị xuất khẩu vào CTCP Thuận Đức Bim Sơn.
- Ngày 11/01/2023: Tăng vốn điều lệ lên 674.359.400.000 đồng.

- Ngày 17/07/2023 : Tăng vốn điều lệ lên 755.279.930.000 đồng.
- Năm 2023: Công ty cổ phần Thuận Đức đứng vị trí số 2 trong bảng xếp hạng 10 Doanh nghiệp bao bì uy tín năm 2023 được Vietnam Report chính thức công bố ngày 04 tháng 10 năm 2023.
- Năm 2024: TDP đã hoàn tất đợt phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, tăng vốn điều lệ là 802.022.020.000 VND.

❖ **Các sự kiện nổi bật trong năm 2023:**

- Tháng 10, Thuận Đức được Hiệp hội Nhựa Việt Nam trao tặng chứng nhận vinh danh doanh nghiệp có nhiều đóng góp cho sự phát triển của ngành nhựa trong 05 giai đoạn 2018-2023.
- Ngày 02/11/2023, Saigon Rating – tổ chức xếp hạng tín nhiệm độc lập tại Việt Nam được Bộ tài chính cấp phép hoạt động công bố Thuận Đức được đánh giá là doanh nghiệp có điểm xếp hạng tín nhiệm ở mức “Vn BBB”, triển vọng “Ổn định” thông qua công bố báo cáo xếp hạng tín nhiệm tháng 11 năm 2023.

❖ **Danh hiệu, giải thưởng năm 2023:**

Trong năm 2023, TDP vinh dự đứng số 2 trong bảng xếp hạng 10 Doanh nghiệp bao bì uy tín năm 2023 được Vietnam Report chính thức công bố ngày 02 tháng 10 năm 2023. Bảng xếp hạng dựa trên 3 tiêu chí chính: (1) Năng lực tài chính thể hiện trên báo cáo tài chính năm gần nhất; (2) Uy tín truyền thông được đánh giá bằng phương pháp Media Coding – mã hóa các bài viết về công ty trên các kênh truyền thông có ảnh hưởng.

[Phần còn lại của trang này được cố ý để trống]

1.3 Giới thiệu về quá trình tăng vốn của Công ty

Công ty đã thực hiện nhiều đợt tăng vốn điều lệ nhằm mục đích mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư vào các dự án, chi tiết như sau những đợt tăng vốn điều lệ như sau:

Bảng 1: Quá trình tăng vốn điều lệ

Mốc thời gian	Vốn tăng (triệu đồng)	Vốn điều lệ sau khi tăng (triệu đồng)	Số lượng CP tăng thêm (cổ phần)	Hình thức tăng vốn	Căn cứ pháp lý	Đơn vị cấp
Thành lập		7.500	75.000	Thành lập mới	Giấy chứng nhận ĐKDN số 0503000198, cấp lần đầu ngày 22/01/2007	Sở KH&ĐT tỉnh Hưng Yên
Lần 1 năm 2012	32.500	40.000	325.000	Chào bán cổ phần cho CDHH theo mệnh giá 100.000 đồng/cổ phiếu, theo tỷ lệ 03:13	- Nghị quyết ĐHĐCĐ số 18/11/2011/TĐ-ĐHĐCĐ ngày 18/11/2011 - Nghị quyết HĐQT số 25.12/2011/HQQT ngày 25/12/2011 - Giấy ĐKDN số 0900264799 thay đổi lần 3 ngày 02/07/2012	ĐHĐCĐ TDP; HĐQT TDP; Sở KH&ĐT tỉnh Hưng Yên
Lần 2 năm 2013	60.000	100.000	600.000	Phát hành cho các CDHH theo mệnh giá 100.000 đồng/cổ phiếu, theo tỷ lệ 2:3	- Nghị quyết ĐHĐCĐ số 15.01/2013/TĐ- ĐHĐCĐ ngày 15/01/2013 - Nghị quyết HĐQT số 25.02/2013/HQQT ngày 25/02/2013 - Giấy ĐKDN số 0900264799 thay đổi lần 5 ngày 08/12/2014	ĐHĐCĐ TDP; HĐQT TDP; Sở KH&ĐT tỉnh Hưng Yên
Lần 3 năm	40.000	140.000	400.000	Phát hành cho các CDHH	- Nghị quyết ĐHĐCĐ 05.01/2015/TĐ-ĐHĐCĐ ngày	ĐHĐCĐ TDP;



Bản cáo bạch niêm yết trái phiếu chào bán ra công chúng

Mốc thời gian	Vốn tăng (triệu đồng)	Vốn điều lệ sau khi tăng (triệu đồng)	Số lượng CP tăng thêm (cổ phần)	Hình thức tăng vốn	Căn cứ pháp lý	Đơn vị cấp
2015				theo mệnh giá 100.000 đồng/cổ phiếu, theo tỷ lệ 5:2	05/01/2015 - Nghị quyết HĐQT số 28.01/2015/HĐQT ngày 28/01/2015 - Giấy ĐKDN số 0900264799 thay đổi lần 6 ngày 29/08/2016	HĐQT TDP; Sở KH&ĐT tỉnh Hưng Yên
Lần 4 năm 2017	110.000	250.000	11.000.000	Phát hành cho các CDHH giá theo mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu ¹ , theo tỷ lệ 14:11	- Nghị quyết ĐHĐCĐ số 25.05/2017/TĐ-ĐHĐCĐ ngày 25/05/2017(*) - Nghị quyết HĐQT số 25.06/2017/HĐQT ngày 25/06/2017 - Giấy ĐKDN số 0900264799 thay đổi lần 7 ngày 30/06/2017	ĐHĐCĐ TDP; HĐQT TDP; Sở KH&ĐT tỉnh Hưng Yên
Lần 5 năm 2019	29.999	279.999	2.999.900	Phát hành cổ phiếu trả cổ tức cho CDHH theo tỷ lệ 1: 0,12	- Nghị quyết ĐHĐCĐ số 2304/2019/NQ-ĐHĐCĐ-TDP ngày 23/04/2019 - Nghị quyết HĐQT số 187.02/2019/NQ-HĐQT ngày 18/07/2019 về việc triển khai phương án phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2018 - Công văn số 4593/UBCK-QLCB ngày 30/7/2019	ĐHĐCĐ TDP; HĐQT TDP; Sở KH&ĐT tỉnh Hưng Yên; Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

(*) Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 25.05/2017/TĐ-ĐHĐCĐ ngày 25/05/2017 thông qua việc sửa đổi mệnh giá cổ phiếu từ 100.000 đồng/cổ phiếu xuống còn 10.000 đồng/cổ phiếu

MBS

Tổ chức tư vấn

Công ty cổ phần chứng khoán MB

Mốc thời gian	Vốn tăng (triệu đồng)	Vốn điều lệ sau khi tăng (triệu đồng)	Số lượng CP tăng thêm (cổ phần)	Hình thức tăng vốn	Căn cứ pháp lý	Đơn vị cấp
Lần 6 năm 2019	200.000	479.999	20.000.000	Phát hành cổ phiếu riêng lẻ	<p>về việc tài liệu báo cáo phát hành cổ phiếu để trả cổ tức của Công ty</p> <ul style="list-style-type: none"> Báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu để trả cổ tức số 2708/2019/CBTT-TDP ngày 27/8/2019 Công văn số 5348/UBCK-QLCB ngày 05/9/2019 về việc báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu để trả cổ tức của Công ty Nghị quyết ĐHĐCĐ số 2304/2019/NQ-ĐHĐCĐ-TDP ngày 23/04/2019 Nghị quyết HĐQT số 1807/2019/NQ-HĐQT ngày 18/07/2019 về việc về việc triển khai phương án phát hành riêng lẻ cổ phiếu tăng vốn điều lệ Nghị quyết HĐQT số 1708/NQ-HĐQT-TDP ngày 17/08/2019 về việc điều chỉnh phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu Công văn số 5672/UBCK-QLCB ngày 19/9/2019 về việc hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu riêng lẻ của Công ty Nghị quyết HĐQT số 1010/2019/NQ-HĐQT ngày 10/10/2019 về việc thông qua việc điều chỉnh 	<p>ĐHĐCĐ TDP; HĐQT TDP; Số KH&ĐT tỉnh Hưng Yên; Ủy ban Chứng khoán Nhà nước</p>



Bản cáo bạch niêm yết trái phiếu chào bán ra công chúng

Mốc thời gian	Vốn tăng (triệu đồng)	Vốn điều lệ sau khi tăng (triệu đồng)	Số lượng CP tăng thêm (cổ phần)	Hình thức tăng vốn	Căn cứ pháp lý	Đơn vị cấp
Lần 7 năm 2020	57.598	537.598	5.759.838	Phát hành cổ phiếu trả cổ tức cho CDHH theo tỷ lệ 1: 0,12	<p>phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ</p> <ul style="list-style-type: none"> Báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu riêng lẻ ngày 09/10/2019 Công văn số 6078/UBCK-QLCB ngày 09/10/2019 về việc báo cáo kết quả chào bán cổ phiếu riêng lẻ của Công ty 	ĐHDCĐ TDP; HQQT TDP; Sở KH&ĐT tỉnh Hưng Yên; Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
					<ul style="list-style-type: none"> Nghị quyết ĐHDCĐ số 2806/2020/NQ-ĐHDCĐ-TDP ngày 28/06/2020 Nghị quyết HQQT số 2210/2020/NQ-HQQT ngày 22/10/2020 về việc triển khai phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu năm 2019 Báo cáo phát hành cổ phiếu để trả cổ tức số 2210/2020/CV-TDP ngày 22/ 10/2020 Công văn số 6642/UBCK-QLCB ngày 05/11/2020 của UBCKNN về phát hành cổ phiếu để trả cổ tức của TDP Công văn số 7282/UBCK-QLCB ngày 11/12/2020 UBCKNN về báo cáo kết quả phát hành 	



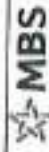
Tổ chức tư vấn

Công ty cổ phần chứng khoán MB



Bản cáo bạch niêm yết trái phiếu chào bán ra công chúng

Mốc thời gian	Vốn tăng (triệu đồng)	Vốn điều lệ sau khi tăng (triệu đồng)	Số lượng CP tăng thêm (cổ phần)	Hình thức tăng vốn	Căn cứ pháp lý	Đơn vị cấp
Lần 8 năm 2021	64.510	602.109	6.451.065	Phát hành cổ phiếu trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 1:0,12	<ul style="list-style-type: none"> cổ phiếu để trả cổ tức của TDP Nghị quyết ĐHĐCĐ số 2204/2021/NQ-ĐHĐCĐ-TDP ngày 22/04/2021 Nghị quyết HĐQT số 1506/2021/NQ-HĐQT-TDP ngày 15/06/2021 về việc triển khai phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2020 Báo cáo phát hành cổ phiếu trả cổ tức số 1506/2021/BC-TDP ngày 15/06/2021 Công văn số 3316/UBCK-QLCB ngày 05/07/2021 của UBCKNN về phát hành cổ phiếu để trả cổ tức Công văn số 3981/UBCK-QLCB ngày 27/07/2021 của UBCKNN về kết quả phát hành cổ phiếu để trả cổ tức 	ĐHĐCĐ TDP; HĐQT TDP; Sở KH&ĐT tỉnh Hưng Yên; Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
Lần 9 năm 2022	72.250	674.359	7.225.038	Phát hành cổ phiếu trả cổ tức cho CĐHH theo tỷ lệ 1:0,12	<ul style="list-style-type: none"> Nghị quyết ĐHĐCĐ số 2404/2022/NQ-ĐHĐCĐ-TDP ngày 24/04/2022 Nghị quyết HĐQT số 0305/2022/NQ-HĐQT-TDP ngày 03/05/2022 về việc triển khai phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2021 Báo cáo phát hành cổ phiếu trả cổ tức số 	ĐHĐCĐ TDP; HĐQT TDP; Sở KH&ĐT tỉnh Hưng Yên; Ủy ban Chứng khoán Nhà nước



Tổ chức tư vấn

Công ty cổ phần chứng khoán MB

Mốc thời gian	Vốn tăng (triệu đồng)	Vốn điều lệ sau khi tăng (triệu đồng)	Số lượng CP tăng thêm (cổ phần)	Hình thức tăng vốn	Căn cứ pháp lý	Đơn vị cấp
Lần 10 năm 2023	80.920	755.280	8.092.053	Phát hành cổ phiếu trả cổ tức cho CĐHH theo tỷ lệ 1: 0,12	<p>06/10/2022/BC-TDP ngày 06/10/2022</p> <ul style="list-style-type: none"> Công văn số 7619/UBCK-QLCB ngày 17/11/2022 của UBCKNN về tài liệu báo cáo phát hành cổ phiếu để trả cổ tức Công văn số 8372/UBCK-QLCB ngày 20/12/2022 của UBCKNN về tài liệu báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu để trả cổ tức của TDP <p>Nghị quyết ĐHĐCĐ số 2804/2023/NQ-ĐHĐCĐ-TDP ngày 28/04/2023</p> <ul style="list-style-type: none"> Nghị quyết HĐQT số 0905/2023/NQ-HĐQT-TDP ngày 09/05/2023 về việc triển khai phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2022 Báo cáo phát hành cổ phiếu trả cổ tức số 0905/2023/BC-TDP ngày 09/05/2023 của TDP Công văn số 3246/UBCK-QLCB ngày 31/05/2023 của UBCKNN về tài liệu báo cáo phát hành cổ phiếu để trả cổ tức Công văn số 4174/UBCK-QLCB ngày 29/06/2023 của UBCKNN về tài liệu báo cáo kết 	<p>DHĐCĐ TDP; HĐQT TDP; Sở KH&ĐT tỉnh Hưng Yên; Ủy ban Chứng khoán Nhà nước</p>



Bản cáo bạch niêm yết trái phiếu chào bán ra công chúng

Mốc thời gian	Vốn tăng (triệu đồng)	Vốn điều lệ sau khi tăng (triệu đồng)	Số lượng CP tăng thêm (cổ phần)	Hình thức tăng vốn	Căn cứ pháp lý	Đơn vị cấp
Lần 11 năm 2024	46.742	802.022	4.674.209	Phát hành cổ phiếu ra công chúng cho CDHH theo tỷ lệ 10:1	<p>quá phát hành cổ phiếu để trả cổ tức của TDP</p> <ul style="list-style-type: none"> Nghị quyết ĐHĐCĐ bất thường số 0809/2023/NQ-ĐHĐCĐ-TDP ngày 08/09/2023. Nghị quyết HĐQT số 2709/2023/NQ-HĐQT-TDP ngày 27/09/2023 về việc triển khai phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ Nghị quyết HĐQT số 0412/2023/NQ-HĐQT-TDP ngày 04/12/2023 về việc sửa đổi bổ sung nội dung Nghị quyết số 2709/2023/NQ-HĐQT-TDP Công văn số 2361/UBCK-QLCB ngày 12/04/2024 của UBCKNN về tài liệu báo cáo kết quả chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng 	ĐHĐCĐ TDP; HĐQT TDP; Sở KH&ĐT tỉnh Hưng Yên; Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

Nguồn: Công ty cổ phần Thuận Đức

[Phần còn lại của trang này được cố ý để trống]



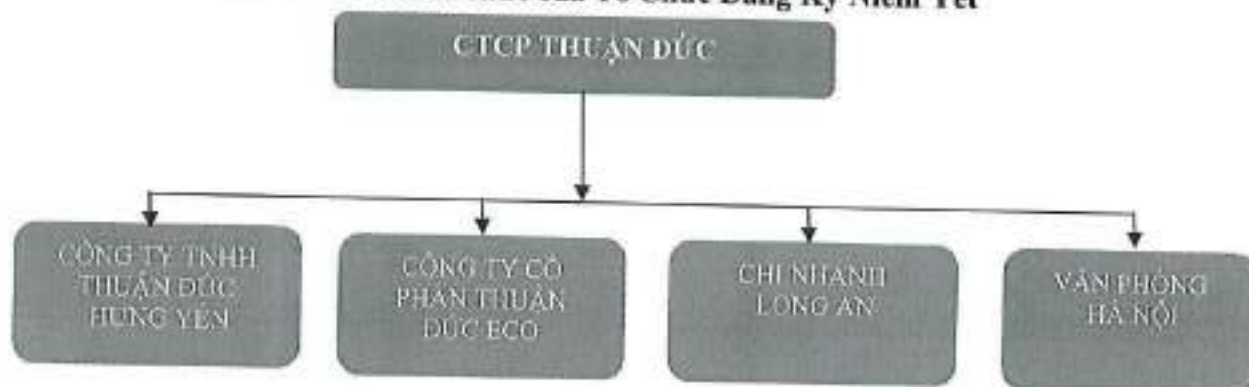
Tổ chức tư vấn

Công ty cổ phần chứng khoán MB

2. Cơ cấu tổ chức của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết

Hiện nay, Công ty cổ phần Thuận Đức hiện có trụ sở Công ty đặt tại thôn Bằng Ngang, thị trấn Lương Bằng, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên, một công ty con (Công ty TNHH Thuận Đức Hưng Yên), một công ty liên kết (Công ty cổ phần Thuận Đức Eco), một chi nhánh tại Long An và một văn phòng tại Hà Nội.

Hình 3: Cơ cấu tổ chức của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết



Nguồn: TDP

❖ Công ty TNHH Thuận Đức Hưng Yên

Địa chỉ: Thôn Lương Hội, Thị trấn Lương Bằng, Huyện Kim Động, Tỉnh Hưng Yên

❖ Công ty cổ phần Thuận Đức Eco

Địa chỉ: Thôn Bằng Ngang, Thị trấn Lương Bằng, Huyện Kim Động, Tỉnh Hưng Yên

❖ Văn phòng Hà Nội

Địa chỉ: TM3 TM4 Tòa H4 Hope Residence, Phố Chu Huy Mân, Phường Phúc Đồng, Quận Long Biên, Hà Nội.

Văn phòng đại diện là văn phòng làm việc của đội ngũ kinh doanh quốc tế, là nơi liên lạc giữa khu vực Hà Nội với trụ sở Công ty và các nhà máy tại Hưng Yên, Thanh Hóa.

❖ Chi nhánh Long An

Địa chỉ: Số 247B, Ấp 4, xã Hướng Thọ Phú, thành phố Tân An, tỉnh Long An, Việt Nam.

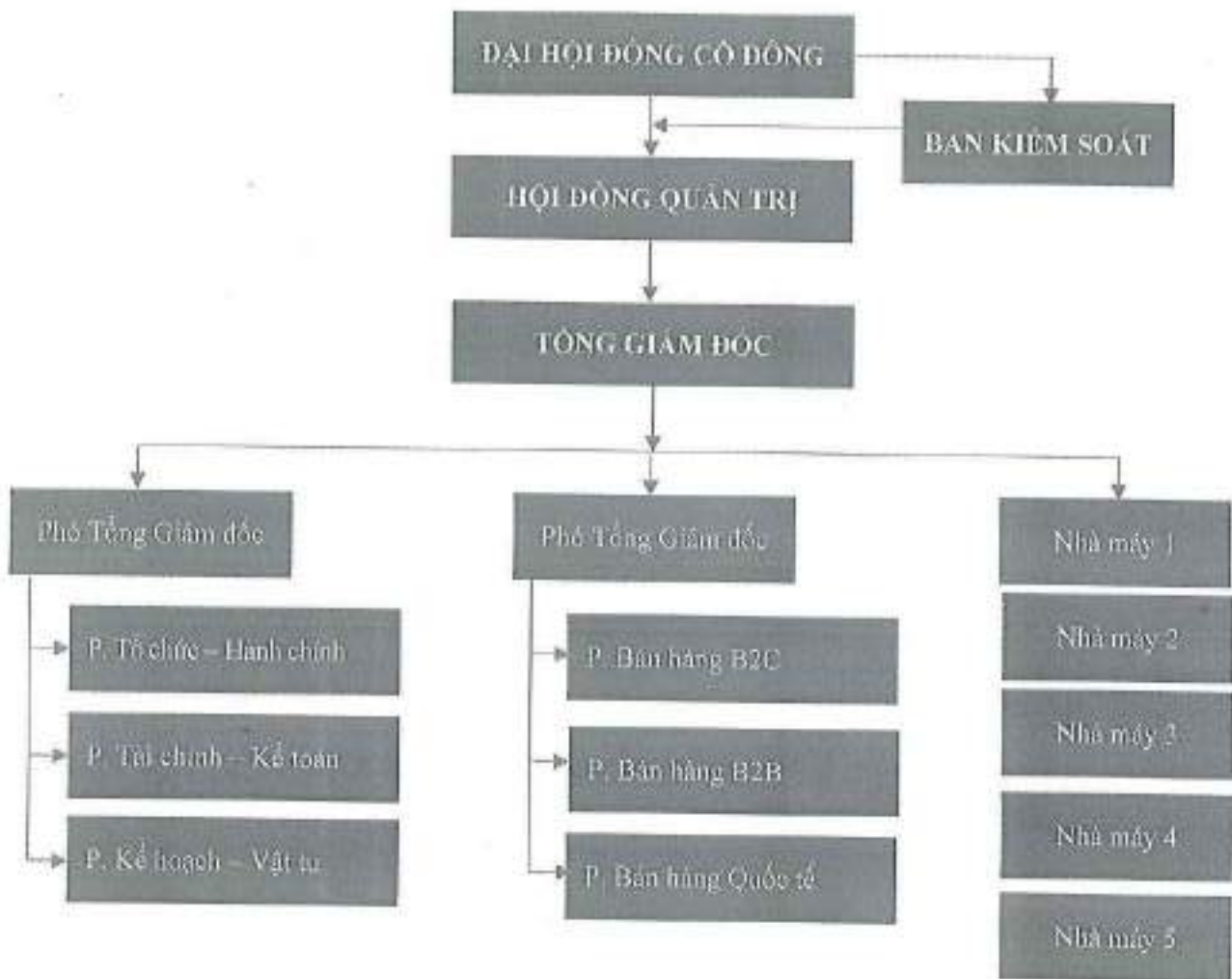
Chi nhánh Long An sẽ giữ vai trò là trung tâm để mở rộng phát triển thị trường khu vực miền Nam Việt Nam.

3. Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết

Hiện tại, Thuận Đức đang áp dụng theo mô hình tổ chức của Công ty cổ phần. Mô hình quản trị này được xây dựng dựa trên mục tiêu phát triển chiến lược kinh doanh của Công

ty, tuân thủ theo các quy định của Pháp luật Việt Nam và các quy định tại Điều lệ Công ty. Qua quá trình phát triển và ngày càng kiện toàn bộ máy quản lý, hiện bộ máy quản lý của công ty có cơ cấu tổ chức như sau:

Hình 4: Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết



Nguồn: TDP

Hiện tại, Công ty cổ phần Thuận Đức đang áp dụng theo mô hình tổ chức của Công ty cổ phần. Mô hình quản trị này được xây dựng dựa trên mục tiêu phát triển chiến lược kinh doanh của Công ty, tuân thủ theo các quy định của Pháp luật Việt Nam và các quy định tại Điều lệ Công ty. Qua quá trình phát triển và ngày càng kiện toàn bộ máy quản lý, hiện bộ máy quản lý của công ty có cơ cấu tổ chức như sau:

3.1 Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả Cổ đông có quyền biểu quyết của Công ty, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một

lần và trong thời hạn 04 (bốn) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác, Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 (sáu) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông được quy định tại Điều lệ của Công ty.

3.2 Hội đồng Quản trị

Hội Đồng quản trị (HDQT) là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. HDQT của Công ty hiện có 7 thành viên, gồm Chủ tịch HDQT, 4 thành viên HDQT và 2 thành viên HDQT độc lập.

3.3 Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát là cơ quan trực thuộc Đại hội đồng cổ đông. Các thành viên của Ban Kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu ra. Ban Kiểm soát kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong đó tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập BCTC nhằm đảm bảo lợi ích hợp pháp của các cổ đông. Ban Kiểm soát hoạt động độc lập với HDQT và Ban Tổng giám đốc. Ban Kiểm soát của Công ty gồm 3 thành viên, bao gồm Trưởng Ban Kiểm soát, Phó Ban Kiểm soát và 01 thành viên Ban Kiểm soát. Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm soát được quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và tại Điều lệ của Công ty.

3.4 Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết gồm có 01 (một) Tổng Giám đốc, 02 (hai) Phó Tổng Giám đốc. Tổng Giám đốc do HDQT bổ nhiệm, là người chịu trách nhiệm trước HDQT về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu. Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng do HDQT bổ nhiệm theo đề xuất của Tổng Giám đốc.

Ban Tổng Giám đốc hiện nay của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết là những người có kiến thức chuyên môn sâu rộng, nhiều kinh nghiệm trong việc quản lý và điều hành trong lĩnh vực bao bì...

3.5 Các phòng ban



Bảng 2: Cơ cấu tổ chức và trách nhiệm của các phòng ban tại TDP

STT	Bộ phận	Trách nhiệm chính
1.	Phòng Tổ chức - Hành chính - Tiền lương	Trách nhiệm quản lý nhân sự, vận hành chung nội bộ công ty và các phòng ban; quản lý ban hành và kiểm soát quy trình quy định nội bộ của công ty. Quản lý tiền lương và phúc lợi cho người lao động, đảm bảo chính sách cho người lao động công ty.
2.	Phòng Tài chính – Kế toán	Trách nhiệm quản lý tài chính, ghi nhận và báo cáo định kỳ tới các cấp quản lý nội bộ. Quản lý tài chính và các nghĩa vụ tài chính với nhà nước, báo cáo tài chính cho cổ đông và đối tác.
3.	Phòng Kế hoạch – Vật tư	Xây dựng kế hoạch đầu tư, kế hoạch sản xuất và vật tư phục vụ sản xuất Mua sắm đầu tư thiết bị vật tư phục vụ sản xuất kinh doanh thường xuyên của công ty.
4.	Phòng Bán hàng B2C	Kinh doanh bán các mặt hàng tới các đại lý B2C trong nước loại hàng phổ thông và bao bì nông sản, trong lĩnh vực nông lâm nghiệp.
5.	Phòng Bán hàng B2B	Phụ trách kinh doanh bán các mặt hàng tới các đại lý B2B trong nước, sản phẩm bao bì phục vụ nhu cầu các ngành nông nghiệp, chăn nuôi, phân bón, bao nông sản cần in ấn với chất lượng cao, đựng sản phẩm giá trị cao.
6.	Phòng Bán hàng quốc tế	Tìm kiếm khách hàng và phụ trách bán các mặt hàng tới shopping xuất khẩu ra thị trường quốc tế phục vụ nhu cầu của Châu Âu, Châu Mỹ, Nhật Bản ...
7.	Khởi công nghệ	Chịu trách nhiệm chính việc lắp đặt, bảo trì, duy tu sửa chữa, nâng cấp đại tu máy móc thiết bị cho toàn hệ thống các nhà máy sản xuất của công ty.

3.6 Các nhà máy

Bảng 3: Danh sách các nhà máy của TDP

STT	Nhà máy	Địa chỉ	Hoạt động sản xuất chính
1.	Nhà máy 1A	Thôn Bằng Ngang, TT. Lương Bằng, Huyện Kim Động, Tỉnh Hưng Yên	- Năm hoạt động: từ năm 2007. - Đang sản xuất: hạt tái sinh... - Công suất thiết kế 43.061 tấn hạt nhựa/năm. - Công suất thực tế 100% công suất thiết kế.
2.	Nhà máy 1B	Thôn Bằng Ngang, TT.	- Năm hoạt động: 2015.

STT	Nhà máy	Địa chỉ	Hoạt động sản xuất chính
		Lương Bằng, Huyện Kim Động, Tỉnh Hưng Yên	<ul style="list-style-type: none"> - Đang sản xuất: bao PP, manh, sợi... - Công suất thiết kế: 7.500 tấn sợi, 7.814 tấn dệt manh và 11.616 tấn bao bi/năm. - Công suất thực tế 100% công suất thiết kế.
3.	Nhà máy 2	Thôn Bằng Ngang, TT. Lương Bằng, Huyện Kim Động, Tỉnh Hưng Yên	<ul style="list-style-type: none"> - Năm hoạt động: từ năm 2017. - Đang sản xuất Túi Shopping XK; túi shopping nội địa - Công suất thiết kế 150 triệu túi xuất khẩu/năm. Công suất thực tế 100% công suất thiết kế.
4.	Nhà máy 3	Thôn Lương Hội, TT. Lương Bằng, Huyện Kim Động, Tỉnh Hưng Yên	<ul style="list-style-type: none"> - Năm hoạt động: từ năm 2017. - Đang sản xuất: Bao PP, bao BOPP; bao ống.... - Công suất thiết kế 9.000 tấn sợi, 8.933 tấn dệt manh và 14.221 tấn bao bi/năm. Công suất thực tế: 100% công suất thiết kế.
5.	Nhà máy 4	Thôn Bằng Ngang, TT. Lương Bằng, Huyện Kim Động, Tỉnh Hưng Yên	<ul style="list-style-type: none"> - Năm hoạt động: từ năm 2022. - Đang sản xuất: vải không dệt, túi dân nhiệt...; - Công suất thiết kế 290 triệu túi/năm. Công suất thực tế: 10,208 tấn vải PP không dệt; 25,2 tấn túi dân nhiệt.
6.	Nhà máy 5	Thôn Thái Lai, Xã Thái Hòa, Huyện Triệu Sơn, Tỉnh Thanh Hóa	<ul style="list-style-type: none"> - Hoàn thành giai đoạn 1 năm 2020 và dự kiến đi vào hoạt động: năm 2024. - Sản phẩm dự kiến: Bao bi PP... - Công suất thiết kế 50.000 tấn sản phẩm/năm.
7.	Nhà máy sản xuất bao bi và túi xách siêu thị xuất khẩu	Lô CN5, khu B- Khu công nghiệp Bim Sơn, thị xã Bim Sơn, tỉnh Thanh Hóa	<ul style="list-style-type: none"> - Dự kiến đi vào xây dựng: năm 2024. - Sản phẩm dự kiến: Bao bi dệt PP, túi sách siêu thị chất lượng cao. - Công suất thiết kế 72.000 tấn sản phẩm/năm. Công suất thực tế.
8.	Nhà máy sản xuất bao bi Thuận Đức JB	Thôn Bằng Ngang, TT. Lương Bằng, Huyện Kim Động, Tỉnh Hưng Yên	<ul style="list-style-type: none"> - Dự kiến đi vào xây dựng: năm 2024. - Sản phẩm dự kiến: Bao Jumbo và các loại bao bi khác. - Công suất thiết kế 14.980 tấn sản phẩm/năm đã điều chỉnh.

4. Thông tin về cổ đông

4.1 Danh sách cổ đông sáng lập

Công ty Cổ phần Thuận Đức được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh 0503000198 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hưng Yên cấp lần đầu ngày 22/01/2007, cấp thay đổi số 0900264799 lần thứ 16 ngày 21/05/2024.

Đến thời điểm hiện tại, các quy định hạn chế chuyển nhượng của cổ đông sáng lập đã hết hiệu lực.

4.2 Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần tại thời điểm ngày 13/06/2024

Bảng 4: Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty

TT	Tên cổ đông	Năm sinh	Quốc tịch	Số ĐKDN/CMND	Địa chỉ	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu/VĐL (%)
1	Nguyễn Đức Cường	1970	Việt Nam	020070000067	NQ02-10 Vinhomes	27.346.034	34,10
2	Ngô Kim Dung	1972	Việt Nam	020172000113	Riverside 2, Việt Hung, Long Biên, Hà Nội	5.766.284	7,19
Tổng cộng						33.112.318	41,29

Nguồn: Danh sách cổ đông chốt tại ngày 13/06/2024 của Công ty

❖ Thông tin về cổ đông lớn:

- Thông tin về cổ đông lớn ông Nguyễn Đức Cường: Chi tiết tại nội dung 12.1.1 của Bản Cáo Bạch này
- Thông tin về cổ đông lớn bà Ngô Kim Dung: Chi tiết tại nội dung 12.1.2 của Bản Cáo Bạch này.

❖ Lợi ích liên quan đến Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết:

- Lợi ích liên quan của ông Nguyễn Đức Cường với Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết: Chi tiết tại nội dung 12.1.1 của Bản Cáo Bạch này
- Lợi ích liên quan của bà Ngô Kim Dung với Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết: Chi tiết tại nội dung 12.1.2 của Bản Cáo Bạch này.

4.3 Cơ cấu cổ đông

Bảng 5: Cơ cấu cổ đông tại thời điểm ngày 13/06/2024

TT	Cổ đông	Số lượng (người)	Số cổ phần	Tỷ lệ (%)
I	Cổ đông trong nước	434	80.173.196	99,96%
1	Cổ đông tổ chức	5	250	0,0%
	Trong đó: Nhà nước	-	-	-
2	Cổ đông cá nhân	429	80.172.946	99,96%
II	Cổ đông nước ngoài	13	29.006	0,04%
1	Cổ đông tổ chức	4	24.766	0,03%
2	Cổ đông cá nhân	9	4.240	0,01%
III	Cổ đông là tổ chức kinh tế có NĐT nước ngoài nắm giữ trên 50% VDL	0	0	0
	Tổng cộng	447	80.202.202	100%

Nguồn: Danh sách cổ đông tại ngày chốt 13/06/2024

5. Thông tin về công ty mẹ, công ty con của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối đối với Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết, những công ty mà Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối

5.1 Công ty mẹ của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết: Không có

5.2 Công ty con của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết

Bảng 6: Danh sách công ty con của TDP

Đơn vị: triệu đồng

Tên Công ty	Vốn điều lệ		Tỷ lệ sở hữu tại 31/12/2022 (%)	Tỷ lệ QBB tại 31/12/2022 (%)	Tỷ lệ sở hữu tại 31/12/2023 (%)	Tỷ lệ QBB tại 31/12/2023 (%)	Tỷ lệ sở hữu tại 31/03/2024 (%)	Tỷ lệ QBB tại 31/03/2024 (%)
	Vốn đăng ký	Vốn thực góp tại 31/03/2024						
Công ty TNHH Thuận Đức Hưng Yên	210.000	210.000	100	100	100	100	100	100

Công ty TNHH Thuận Đức Hưng Yên

- Trụ sở: Thôn Lương Hội, Thị trấn Lương Bằng, Huyện Kim Động, Tỉnh Hưng Yên
- Giấy chứng nhận ĐKDN: 0901003006

- Điện thoại: 02213810705
- Ngày thành lập: 06/12/2016
- Hoạt động kinh doanh chính: Sản xuất bao bì từ các sản phẩm nhựa PP và các hoạt động khác theo Giấy Chứng nhận ĐKDN
- Vốn điều lệ đăng ký: 210.000.000.000 đồng
- Vốn điều lệ thực góp: 210.000.000.000 đồng
- Tỷ lệ sở hữu phần vốn góp của TDP tại CT TNHH Thuận Đức Hưng Yên tại ngày 31/03/2024: 100%

5.3 Công ty liên doanh, liên kết

Bảng 7: Danh sách công ty liên kết của TDP

Đơn vị: triệu đồng

Tên Công ty	Vốn Điều lệ		Tỷ lệ sở hữu tại 31/12/2022 (%)	Tỷ lệ QBQ tại 31/12/2022 (%)	Tỷ lệ sở hữu tại 31/12/2023 (%)	Tỷ lệ QBQ tại 31/12/2023 (%)	Tỷ lệ sở hữu tại 31/03/2024 (%)	Tỷ lệ QBQ tại 31/03/2024 (%)
	Vốn đăng ký	Vốn thực góp tại 31/03/2024						
Công ty cổ phần Thuận Đức Eco	425.000	425.000	37,3	37,3	48,9	48,9	48,9	48,9

Công ty cổ phần Thuận Đức Eco

- Trụ sở: Thôn Bằng Ngang, Thị trấn Lương Bằng, Huyện Kim Động, Tỉnh Hưng Yên
- Mã số thuế: 0901027871
- Điện thoại: 02216336789
- Ngày thành lập: 22/01/2018
- Hoạt động kinh doanh chính: Sản xuất túi xuất khẩu từ các sản phẩm nhựa PP và các hoạt động khác theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp.
- Vốn điều lệ đăng ký: 425.000.000.000 đồng
- Vốn điều lệ đã góp tại ngày 31/03/2024: 425.000.000.000 đồng

- Tỷ lệ sở hữu CP của TDP tại CTCP Thuận Đức Eco tại ngày 31/03/2024: 48,9%

6. Hoạt động kinh doanh

6.1 Sản lượng sản phẩm

❖ Sản lượng sản xuất

Bảng 8: Sản lượng sản xuất theo sản phẩm giai đoạn 2022 - Quý 1/2024 (hợp nhất)

TT	Tên sản phẩm	DVT	Năm 2022	Năm 2023	Quý 1/2024
1	Hạt nhựa tái sinh	Tấn	18.914	13.711	3.081
2	Manh dệt PP	Tấn	8.385	6.964	1.976
3	Bao bì PP	tấn	5.873	6.111	1.404
4	Túi shopping	Cái	113.834.374	78.685.775	25.149.246

Nguồn: TDP

Trước năm 2023, nhờ nhu cầu của khách hàng tăng cao, cùng với năng lực sản xuất và khả năng đáp ứng tiêu chuẩn chất lượng của Công ty ngày càng được cải thiện, sản lượng sản xuất các sản phẩm của công ty liên tục tăng trưởng trong những năm gần đây.

Tuy vậy, sang năm 2023 sản lượng sản xuất của Công ty chỉ đạt 72,5% so với năm 2022, nguyên nhân do nhu cầu về các sản phẩm nhựa tại các thị trường truyền thống của Công ty sụt giảm cùng với xu hướng tiêu dùng đang dịch chuyển dần sang các tệp sản phẩm chất lượng cao cấp sử dụng ít nguyên liệu tái sinh hơn.

❖ Doanh thu, lợi nhuận gộp

[Phần còn lại của trang này được cố ý để trống]

Bảng 9: Cơ cấu doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ giai đoạn 2022 - Quý 1/2024 (hợp nhất)

Đơn vị: triệu đồng

TT	Nội dung	Năm 2022		Năm 2023		Quý 1 năm 2024	
		Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	3.247.709	100,0	3.819.724	100,0	1.097.861	100,0
1.1	Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	3.241.161	99,8	3.814.839	99,9	1.096.391	99,9
1.2	Doanh thu khác	6.549	0,2	4.885	0,1	1.470	0,1
2	Giảm trừ doanh thu	(13)	0,0	(16)	-	0	0,0
3	Doanh thu thuần	3.247.696	100	3.819.708	100	1.097.861	100

Nguồn: BCTC HN năm 2022, 2023 đã được kiểm toán, BCTC HN Quý I/2024

Bảng 10: Cơ cấu doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ giai đoạn 2022 - Quý 1/2024 (Công ty mẹ)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Nội dung	Năm 2022		Năm 2023		Quý 1 năm 2024	
		Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.916.665	100,00	3.380.423	100,00	859.831	100,00
1.1	Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	2.913.416	99,9	3.374.797	99,8	858.631	99,9
1.2	Doanh thu khác	3.249	0,11	5.625	0,17	1.200	0,00
2	Giảm trừ doanh thu	-	-	(16)	-	-	-
3	Doanh thu thuần	2.916.665	100	3.380.406	100	859.831	100

Nguồn: BCTC riêng năm 2022, 2023 đã được kiểm toán, BCTC riêng Quý I/2024

Bảng 11: Lợi nhuận gộp theo sản phẩm giai đoạn 2022 - Quý 1/2024 (hợp nhất)

Đơn vị: triệu đồng

TT	Nội dung	Năm 2022		Năm 2023		Quý 1 năm 2024	
		Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
1	Bao PP	110.902,0	30,0	95.016	27,0	21.826	23,3
2	Hạt nguyên sinh	24.192,3	6,6	60.239	17,1	12.668	13,5
3	Hạt tái sinh	8.506,0	2,3	4.419	1,3	599	0,6
4	Manh	40.839,8	11,1	34.442	9,8	8.244	8,8
5	Sợi	36,1	0,0	-	0	1.655	1,8
6	Túi shopping	177.278,9	48,0	148.455	42,1	47.882	51,2
7	Vải không dệt, túi dán nhiệt	505,6	0,1	3.980	1,1	214	0,2
8	Khác	6.881,3	1,9	5.873	1,6	440	0,6
	Tổng cộng	369.142,0	100,0	352.424	100,0	93.527	100,0

Nguồn: TDP

Bảng 12: Lợi nhuận gộp Công ty theo sản phẩm giai đoạn 2022 - Quý 1/2024 (công ty mẹ)

Đơn vị: triệu đồng

TT	Nội dung	Năm 2022		Năm 2023		Quý 1/2024	
		Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
1	Bao PP	48.176,9	16,2	51.199	17,6	9.874	13,1
2	Hạt nguyên sinh	39.740	13,3	47.761	16,4	9.360	12,4
3	Hạt tái sinh	8.731,6	2,9	6.643	2,3	861	1,1
4	Manh	27.560,3	9,2	27.486	9,5	6.707	8,9
5	Sợi	-	-	-	-	-	-
6	Túi shopping	169.670,7	56,9	148.455	51,1	47.888	63,7
7	Vải không dệt, túi dán nhiệt	171,7	0,1	3.980	1,4	214	0,3
8	Khác	3.920,2	1,3	4.931	1,7	293	0,4
	Tổng cộng	297.971,4	100,0	290.454	100,0	75.197	100

Nguồn: TDP

6.2 Nguyên vật liệu

6.2.1. Nguồn nguyên vật liệu

❖ Nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm trong năm:

Bảng 13: Nguyên vật liệu được sử dụng trong sản xuất và đóng gói các sản phẩm giai đoạn 2020-2023 (hợp nhất)

STT	Tên nguyên vật liệu	Đơn vị	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023
1	Hạt nhựa	Tấn	7.923	8.790	10.137	12.020
2	Mực in	Tấn	152,3	161,4	223,11	293,98
3	Dung môi	Tấn	163,8	164,5	301,02	405,73
4	Hộp carton	Hộp	563.634	656.724	933.193	100.927
5	Tem dán	Chiếc	31.958.475	32.859.547	45.293.539	55.971.436

Nguồn: Báo cáo thường niên năm 2023 của TDP

❖ Nguyên vật liệu được tái chế sử dụng:

Bảng 14: Nguyên vật liệu tái chế sử dụng trong sản xuất của TDP giai đoạn 2020-2023 (Hợp nhất)

STT	Tên nguyên vật liệu	Đơn vị	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023
1	Phế liệu nhựa	Tấn	3.181	4.178	8.074	10.953
2	Bao phế	Tấn	9.078	10.125	10.661	11.028

Nguồn: Báo cáo thường niên năm 2023 của TDP

6.2.2. Sự ổn định của nguồn nguyên vật liệu

Sự ổn định của các nguồn cung cấp này được công ty đảm bảo qua quá trình hoạt động lâu năm trong ngành đã 17 năm. Khối sản xuất nhựa tái sinh tích lũy được kinh nghiệm, uy tín với các nhà cung cấp phế liệu được đảm bảo và bao phủ tới 50% thị trường và gần 100 đối tác lâu năm trong nghề.

Ảnh hưởng của giá cả nguyên vật liệu tới doanh thu, lợi nhuận là phần đáng kể trong chi phí công ty, giá bán ra phụ thuộc một phần vào giá cả nguyên vật liệu công ty sử dụng. Công ty xây dựng các quy định quản trị chi phí chặt chẽ, áp dụng chuyển đổi số và tái cơ cấu lao động nhằm giảm chi phí và nâng cao hơn hiệu suất sử dụng nguyên liệu.

6.3. Chi phí sản xuất

Bảng 15: Cơ cấu chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố giai đoạn 2022 - Quý 1/2024 (hợp nhất)

Khoản mục	Năm 2022		Năm 2023			Quý 1/2024	
	Giá trị	% Doanh thu	Giá trị	% Doanh thu	+/- 2023/2022 (%)	Giá trị	% Doanh thu
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.647.249	81,51	3.102.253	81,22	17,19%	854.029	77,79
Chi phí nhân công	168.356	5,18	192.726	5,05	14,50	67.054	6,11
Chi phí khấu hao và hao mòn	62.656	1,93	63.951	1,67	2,10	14.818	1,35
Chi phí dịch vụ mua ngoài	215.953	6,65	176.225	4,61	(18,40)	46.794	4,26
Chi phí bằng tiền khác	53.308	1,64	45.998	1,20	(13,70)	15.072	1,37
Tổng	3.147.522	96,92	3.581.152	93,75	13,80	997.768	90,88

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2022, 2023 đã được kiểm toán, BCTC hợp nhất Quý 1/2024

Bảng 16: Cơ cấu chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố giai đoạn 2022 - Quý 1/2024 (công ty mẹ)

Khoản mục	Năm 2022		Năm 2023			Quý 1/2024	
	Giá trị	% Doanh thu	Giá trị	% Doanh thu	% +/- 2023/2022	Giá trị	% Doanh thu
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.253.610	77,27	2.747.583	81,28	21,92	630.496	73,33
Chi phí nhân công	150.762	5,20	130.321	3,90	(13,6)	55.059	6,40
Chi phí khấu hao và hao mòn	45.784	1,60	46.164	1,40	(0,8)	10.486	1,22
Chi phí dịch vụ mua ngoài	209.506	7,20	163.700	4,80	(21,9)	44.320	5,15
Chi phí bằng tiền khác	40.935	1,40	32.010	0,90	(21,8)	12.053	1,40
Tổng	2.700.597	92,60	3.119.778	92,30	(39,0)	752.414	87,51

Nguồn: BCTC riêng năm 2022, 2023 đã được kiểm toán, BCTC riêng Quý 1/2024

6.4. Trình độ công nghệ

Với dây chuyền công nghệ hiện đại, được lắp đặt từ các nước tiên tiến nhất trên thế giới cùng với đội ngũ quản lý sản xuất giàu kinh nghiệm trong ngành sản xuất bao bì và túi xuất khẩu, Thuận Đức tự tin sản xuất đa dạng các chủng loại sản phẩm chất lượng cao, xâm nhập vào thị trường các nước khó tính nhất trên thế giới như Châu Âu, Nhật Bản, Hàn Quốc,...

Sự sát sao, quyết liệt chỉ đạo, xuyên suốt trong mọi hoạt động vận hành của Ban lãnh đạo Công ty đã góp phần làm lên vị thế của Thuận Đức như ngày hôm nay. Điển hình, Thuận Đức đã thành lập một bộ phận chuyên trách phụ trách công nghệ của các nhà máy trong hệ thống có tên là Khối Công nghệ. Khối Công nghệ có trách nhiệm cập nhật các công nghệ hiện tại, tiên tiến nhất nhằm đánh giá, tham mưu cho Ban lãnh đạo Công ty đưa vào vận hành sản xuất. Việc duy trì cập nhật, cải tiến công nghệ sản xuất đã đem lại hiệu quả rất tích cực. Các dây chuyền máy móc thiết bị tại một số phân xưởng đã được cải tiến nâng cao hiệu suất, giảm công đoạn thời gian giúp giảm nhân công vận hành. Cụ thể như tại Bộ phận Kiểm điểm, đóng thùng hay phân xưởng sợi, xưởng tráng ghép, ...

6.5. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm/dịch vụ

- Hệ thống quản lý chất lượng đang áp dụng: Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2015, Hệ thống quản lý chất lượng về môi trường Iso 14001:2015.
- Bộ phận kiểm tra chất lượng của Công ty: Mỗi nhà máy thành lập phòng kiểm soát chất lượng sản phẩm có vai trò kiểm soát chất lượng từ nguyên vật liệu đầu vào đến các công đoạn sản xuất và đầu ra của thành phẩm.

6.6. Hoạt động Marketing

Sau hơn 17 năm thành lập và hoạt động, TDP đã xây dựng được hệ thống bán hàng trong nước và xuất khẩu. Theo đó, thị trường trong nước chiếm tỷ trọng 60% đến 70% hoạt động sản xuất của Thuận Đức với thị phần chính tập trung vào khu vực miền Bắc, bước đầu mở rộng thị trường vào khu vực miền Nam, Tây Nguyên. Các sản phẩm chủ đạo là bao bì (bao bì phân bón, bao bì nông nghiệp, bao bì thức ăn chăn nuôi) cung cấp cho các doanh nghiệp trong nước, và bao dệt PP dùng để đựng nông sản như ngô, gạo.

Thị trường xuất khẩu chiếm tỷ trọng 30% đến 40% hoạt động sản xuất của Thuận Đức. Các sản phẩm của Thuận Đức đã được xuất khẩu sang các nước Châu Âu, Châu Mỹ, trong những năm gần đây mở rộng thị trường sang Châu Đại Dương và Châu Phi giúp TDP tìm kiếm được thêm nhiều khách hàng trên toàn thế giới với túi siêu thị PP và túi Jumbo là các dòng sản phẩm chính. Các nước trong liên minh châu Âu EU chiếm 55% thị trường xuất khẩu của Thuận Đức, thị trường Mỹ chiếm 40% và 5% còn lại là các nước Châu Á và Châu Úc.

❖ Hình thức phân phối:

Nhân viên kinh doanh đi mở các điểm đại lý và thúc đẩy bán hàng thông qua chính sách đại lý phù hợp. Hiện nay, Thuận Đức đã có hơn 400 đại lý trên khắp cả nước, hơn 500

khách hàng doanh nghiệp.

❖ **Kênh bán hàng:**

- Bán hàng trực tiếp: Nhân viên kinh doanh đi mời bán trực tiếp cho các doanh nghiệp có nhu cầu. Mỗi bộ phận bán hàng sẽ được gán các chỉ tiêu kinh doanh và chế độ thưởng phạt rõ ràng.
- Thương mại điện tử: Công ty có cửa hàng online trên trang thương mại điện tử Alibaba. Đồng thời, tận dụng các kênh marketing online như facebook, youtube, google,... để quảng bá, giới thiệu sản phẩm.

❖ **Đội ngũ phân phối:**

- Đội kinh doanh quốc tế: chuyên bán dòng túi siêu thị cho các khách hàng nước ngoài, đội ngũ kinh doanh có khả năng giao tiếp ngoại ngữ tốt, linh hoạt, nắm bắt tốt thị hiếu thị trường quốc tế. TDP hiện là nhà cung cấp và đối tác chiến lược cho các nhà bán lẻ lớn trên thế giới như Carrefour, Ly Eco Limited, Evenplast Sas, B4U Importadoar,...
- Đội kinh doanh B2B: chuyên bán sản phẩm bao bì B2B đến các doanh nghiệp trong nước có nhu cầu sử dụng bao bì. Đội ngũ kinh doanh B2B có khả năng giao tiếp tốt, nhanh nhẹn, ngoại hình tốt. TDP hiện là nhà cung cấp chính cho khoảng 500 doanh nghiệp uy tín trong nước như Công ty CP KKF, Công ty TNHH MTV Biotech Quế Lâm, Công ty TNHH Sunjin F&F và hơn 400 đại lý bán lẻ trên toàn quốc.
- Đội kinh doanh B2C: chuyên bán sản phẩm bao bì B2C đến các đại lý cả nước, chăm sóc và mở rộng thêm hệ thống đại lý.

6.8. *Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền*



Thuận Đức JSC.

Công ty cổ phần Thuận Đức đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu số 267877 theo Quyết định số 55852/QĐ-SHTT, ngày 05/09/2016 của Cục sở hữu trí tuệ.

6.9. Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết

Bảng 17: Các hợp đồng lớn đã được thực hiện, hoặc đã được ký kết nhưng chưa thực hiện của TDP trong giai đoạn 2022 – Quý 1/2024

TT	Tên hợp đồng	Số hợp đồng	Ngày ký	Sản phẩm	Đối tác	Địa chỉ	Thời gian thực hiện	Giá trị HĐ (đồng)
1	Hợp đồng đầu ra							
1	Hợp đồng mua bán hàng hóa	104/2024/HĐ MB/TĐ-PDV	05/04/2024	Hạt nhựa nguyên sinh LDPE HP0723JN	CTCP vận tải và tiếp vận Phương Đông Việt	Lầu 8, Cao ốc Citilight, số 45 Võ Thị Sáu, phường Đa Kao, Quận 1, TP Hồ Chí Minh	Từ 07/04/2024 đến 09/04/2024	4.232.250.000
2	Hợp đồng mua bán hàng hóa	0801.02/2024/HĐMB/TĐ-VIETTEL	08/01/2024	Hạt nhựa nguyên sinh LDPE-FC21HN	Công ty TNHH một thành viên Logistics Viettel	306 Đường Lý Thường Kiệt, phường 6, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh	Trong tháng 1/2024	5.660.000.000
3	Hợp đồng mua bán hàng hóa	1702/2024/HĐ MB/TĐ-ĐT	17/02/2024	Hạt nhựa nguyên sinh HDPE KT 10000UE	CTCP đầu tư Đức Trung	Số 213 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP Hồ Chí Minh	Trong tháng 2/2024	5.365.800.000
4	Hợp đồng mua bán hàng hóa	1211/2021/HĐ MB/TĐ-DK	11/12/2021	Hạt nhựa nguyên sinh PP J1105T	CTCP Đại Kim	Số 2 đường Kim Giang, P. Kim Giang, quận Thanh Xuân, Hà Nội	Trong vòng 20 ngày kể từ ngày ký hợp đồng	6.775.560.000
5	Hợp đồng mua bán hàng hóa	3006/2023/HĐ MB/TĐ-SH	30/06/2023	Hạt nhựa nguyên sinh LLDPE 222WJ	Công ty TNHH du lịch và thương mại Sông Hồng	68 đường Lê Văn Lương, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội	Trong tháng 7/2023	5.643.000.000
6	Hợp đồng ngoại thương mua bán hàng hóa	PIPO 416.14	15/10/2022	Túi dùng trong siêu thị	BU-B4U IMPORTADOR A, EXP E COMERCIO DE SACOLAS LTDA	RUA ONZE DE JUNHO, 189 TERREO, SALA 705 BAIRRO FAZENDA - ITAJAI	Trước ngày 8/7/2023	1.028.677.923



Bản cáo bạch nhiệm yết trái phiếu chào bán ra công chúng

TT	Tên hợp đồng	Số hợp đồng	Ngày ký	Sản phẩm	Đối tác	Địa chỉ	Thời gian thực hiện	Giá trị HD (đồng)
7	Hợp đồng ngoại thương mua bán hàng hóa	PI034-260623	04/04/2023	Túi dùng trong siêu thị	ATRIUM CO	188 COMMERCE BLVD, JOHNSTOWN, OH 43031, USA	Trước ngày 8/7/2023	1.054.215.607
8	Hợp đồng mua bán hàng hóa	2210/2021/HD MB/TĐ-SV	22/10/2021	Hạt nhựa nguyên sinh Polypropylene J900N	Công ty cổ phần Tập đoàn Đầu tư SV	Tầng 11, Tòa nhà Prime Centre, 53 Quang Trung, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội	Trong vòng 20 ngày làm việc kể từ ngày ký hợp đồng	6.912.640.000
9	Hợp đồng ngoại thương mua bán hàng hóa	PI262.267-040922	06/02/2022	Shopping Bag-Túi dùng trong siêu thị	ACT GLOBAL TRADING INC	2785 Pacific Coast Highway Suite #324 Torrance, California 905057066	Từ khi ký hợp đồng đến 17/09/2022	39.319,98 USD
10	Hợp đồng ngoại thương mua bán hàng hóa	PI242-040922	29/06/2022	Shopping Bag-Túi dùng trong siêu thị	GREAT PACKAGING	Carretera de Fuencarral N° 44, Edif 5, Oficina 29, 28108, Alcobendas, Madrid	Từ khi ký hợp đồng đến 17/09/2022	44.340,8 USD
11	Hợp đồng mua bán hàng hóa	0212/2022/HD MB/TĐ-DT	12/02/2022	Hạt nhựa nguyên sinh LLDPE EFDA-7047	Công ty cổ phần Quan hệ Quốc tế - Đầu tư Sản xuất	Số 508 đường Trường Chinh, P. Ngã Tư Sở, Q. Đống Đa, Hà Nội	Trong vòng 20 ngày kể từ ngày ký hợp đồng	7.240.000.000
12	Hợp đồng mua bán hàng hóa	1812/2022/HD MB/TĐ-PD	18/12/2022	Hạt nhựa nguyên sinh PP HY301	Công ty TNHH Thiết bị Phụ Tùng Phương Duyên	Số 4, nhà C8A, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Hà Nội	Trong vòng 20 ngày kể từ ngày kí hợp đồng	7.282.000.000
II	Hợp đồng mua hàng hóa							



Bản cáo bạch niêm yết trái phiếu chào bán ra công chúng

TT	Tên hợp đồng	Số hợp đồng	Ngày ký	Sản phẩm	Đối tác	Địa chỉ	Thời gian thực hiện	Giá trị HD (đồng)
1	Hợp đồng mua bán hàng hóa	1503/PG-ID-2024	15/03/2024	Hạt nhựa nguyên sinh các loại	Công ty TNHH nhựa Phú Gia	Số nhà 130, ngõ 559, phố Kim Ngur, P. Vĩnh Tuy, Q. Hai Bà Trưng, Hà Nội	Trong tháng 3/2024	3.602.205.000
2	Hợp đồng mua bán	2603/HDMB/TP-TĐ	26/03/2024	Hạt nhựa nguyên sinh các loại	CTCP tập đoàn nhựa Super Trường Phát	Số T151, lô đất H4, khu đấu giá 31 ha, thị trấn Trầu Quỳ, huyện Gia Lâm, Hà Nội	Trong thời gian 7-10 ngày, kể từ ngày 26/03/2024	3.183.565.000
3	Hợp đồng mua bán	090424/TABN-TĐ	09/04/2024	Hạt nhựa nguyên sinh các loại	CTCP Trường An Bắc Ninh	KCN Thuận Thành 3, phường Thanh Khương, thị xã Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh	15 ngày, kể từ ngày 09/04/2024	3.173.830.000
4	Hợp đồng mua bán hạt nhựa	18-24/PT-TĐ	19/02/2024	Hạt nhựa nguyên sinh các loại	CTCP xuất nhập khẩu máy và phụ tùng	558, Nguyễn Văn Cù, P. Gia Thụy, Q. Long Biên, TP Hà Nội	Chậm nhất ngày 05/03/2024	11.446.727.633
5	Hợp đồng kinh tế	1303/HDMB/KK-TĐ/2023	13/03/2023	Hạt nhựa nguyên sinh HDPE BL6200+HDP E FE 0235GC	Công ty TNHH đầu tư phát triển thương mại Kim Khánh	Số nhà 19, ngõ 149 phố Ô Cách, phường Việt Hưng, Quận Long Biên, Hà Nội	Tháng 03/2023	5.466.501.250
6	Hợp đồng mua bán	2704/TABN-TĐ	27/04/2023	Hạt nhựa nguyên sinh LLDPE 218WJ	CTCP Trường An Bắc Ninh	KCN Thuận Thành 3, phường Thanh Khương, thị xã Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh	Tháng 5/2023	4.731.375.000
7	Hợp đồng bán hàng	S221208	12/12/2022	Hạt nhựa Polypropylene NSJ105G	Công ty TNHH MTV Marubeni Việt Nam	Phòng 1203, tòa nhà Sun Wah, 115 Nguyễn Huệ, Quận 1, TPHCM	từ khi ký hợp đồng đến 31/12/2022	5.616.000.000



Bản cáo bạch niêm yết trái phiếu chào bán ra công chúng

TT	Tên hợp đồng	Số hợp đồng	Ngày ký	Sản phẩm	Đối tác	Địa chỉ	Thời gian thực hiện	Giá trị HD (đồng)
8	Hợp đồng mua bán	HS-TD14122022-001	14/12/2022	Hạt nhựa Polypropylene các loại (chỉ tiết theo hợp đồng)	Công ty TNHH Hòa Chất Hycosung Vina	Lô 01CN- 08CN, khu công nghiệp Cái Mép, Phường Tân Phước, Thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.	Trong tháng 1/2023	8.605.520.000
9	Hợp đồng mua bán	1403TD-HNSG/HĐKT 2022	14/03/2022	Hạt nhựa PP HP563S	Công ty cổ phần hóa nhựa Sài Gòn	45A, Nguyễn Văn Bá, KP 3, P.Bình Thọ, TP Thủ Đức, TP Hồ Chí Minh	Từ ngày 25/03/2022 đến 29/04/2022	18.500.000.000
10	Hợp đồng mua bán	036/TM-TD.22	26/02/2022	Hạt nhựa PP nguyên sinh mã Y130	Công ty TNHH XNK Trung Mỹ	Số 9A, Nguyễn Du, P.Nguyễn Du, Q. Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội	Từ ngày ký hợp đồng đến 04/03/2022	7.260.000.000

Nguồn: TDP

7. Kết quả hoạt động kinh doanh

7.1 Tóm tắt một số chỉ tiêu chủ yếu về hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổ Chức Đăng Ký Niên Yết trong 02 năm gần nhất

Bảng 18: Một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh giai đoạn 2022 - Quý 1/2024 (công ty mẹ)

Đơn vị: nghìn đồng

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	% +/- 2023/2022	Quý 1/2024
Tổng giá trị tài sản	2.897.448.031	3.254.926.204	12,34	3.459.571.393
Vốn chủ sở hữu	800.633.568	845.612.742	5,62	909.979.056
Doanh thu thuần	2.916.664.656	3.380.405.835	15,90	859.831.116
Lợi nhuận thuần từ hoạt động KD	108.773.331	75.060.944	(30,99)	18.467.399
Lợi nhuận khác	(4.121.974)	(8.430.631)	(104,53)	(1.069.836)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	104.651.357	66.630.313	(36,33)	17.397.563
Lợi nhuận sau thuế	81.708.870	44.979.175	(44,95)	11.053.179
Tỷ lệ chi trả cổ tức	12%	12%	0	
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế trên bình quân vốn chủ sở hữu	10,75%	5,46%	(49,18)	

Nguồn: BCTC riêng năm 2022 và 2023 đã được kiểm toán, BCTC riêng Quý 1/2024

Năm 2023, doanh thu thuần tăng 15,9% so với năm 2022, nhưng trong cơ cấu doanh thu, doanh thu sản xuất năm nay có sự suy giảm so với năm 2022 do yếu tố cầu thị trường chung và doanh thu xuất khẩu suy giảm, đồng thời công ty điều chỉnh giảm nhẹ giá bán chung các mặt hàng để thúc đẩy doanh số trong thời điểm cầu thị trường khó khăn. Bên cạnh đó trong đầu năm 2023 thị trường xuất khẩu có sự suy yếu về lượng cầu và bắt đầu hồi phục dần vào cuối năm, các đơn hàng vào cuối năm 2023 chưa xuất hàng sẽ được thực hiện vào giai đoạn đầu năm 2024 khi các đơn hàng xuất khẩu hoàn thành. Mặt khác thị trường trong nước bắt đầu ổn định lại và bù đắp được phần doanh thu tới từ xuất khẩu. Đây là nguyên nhân chính làm lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh giảm 30,99%, lợi nhuận khác giảm 104,53% và tổng lợi nhuận kế toán trước thuế giảm 36,33%. Bên cạnh đó, lợi nhuận Công ty bị ảnh hưởng nhiều do yếu tố lãi suất vay vốn toàn thị trường có xu hướng tăng và tổng cầu các thị trường quốc tế không đạt như kỳ vọng; mức lãi suất cao toàn thị trường mới giảm đi từ giữa quý IV/2023 ảnh hưởng tới chi phí lãi vay toàn công ty cũng

như cộng hưởng thêm tới từ chính sách thuế TNDN tại ND 132/2020, làm cho các chi phí thuế của công ty tăng cao hơn. Vì vậy lợi nhuận sau thuế của công ty giảm 44,95% và tỷ lệ lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu giảm 49,18%.

**Bảng 19: Một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh giai đoạn 2022 - Quý 1/2024
(hợp nhất)**

Đơn vị: nghìn đồng

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	% +/- 2023/2022	Quý I/2024
Tổng giá trị tài sản	3.321.100.590	3.671.189.004	10,54	3.859.397.374
Vốn chủ sở hữu	813.727.275	856.071.085	5,20	927.467.279
Doanh thu thuần	3.247.695.870	3.819.708.105	17,61	1.097.861.407
Lợi nhuận thuần từ hoạt động KD	127.959.026	79.322.850	(38,01)	26.598.923
Lợi nhuận khác	(4.577.512)	(8.801.825)	(92,28)	(1.285.419)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	123.381.515	70.521.025	(42,84)	25.313.504
Lợi nhuận sau thuế	93.744.633	42.343.810	(54,83)	17.825.911
Tỷ lệ chi trả cổ tức	12%	12%	0,00	0%
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế trên bình quân vốn chủ sở hữu	12,22%	5,07%	(58,50)	

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2022 và 2023 đã kiểm toán, BCTC hợp nhất Quý I/2024

Mặc dù doanh thu thuần hợp nhất năm 2023 tăng so với năm 2022 với tỷ lệ 17,61%, nhưng doanh thu tăng nhiều chủ yếu từ bán mặt hàng có tỷ suất lợi nhuận không cao và hạ giá bán chung các mặt hàng, tuy nhiên chi phí tài chính, mà chủ yếu là chi phí lãi vay tăng nhiều so với cùng kỳ năm 2022 là ảnh hưởng chính dẫn tới lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh bị sụt giảm với tỷ lệ 38,01%. Bên cạnh đó, lợi nhuận khác giảm 92,28% và trong đầu năm 2023 thị trường xuất khẩu có sự suy yếu về lượng cầu và bắt đầu hồi phục dần các đơn hàng vào cuối quý IV/2023 nhưng chưa tới thời điểm giao hàng. Mặt khác lợi nhuận bị ảnh hưởng nhiều do yếu tố lãi suất vay vốn toàn thị trường có xu hướng tăng suốt thời gian dài và tổng cầu các thị trường quốc tế không đạt như kỳ vọng; mức lãi suất cao toàn thị trường tín dụng ảnh hưởng tới chi phí lãi vay toàn công ty cũng như cộng hưởng thêm tới từ chính sách thuế TNDN tại ND 132/2020 làm cho các chi phí thuế của công ty ảnh hưởng nhiều dẫn tới lợi nhuận suy giảm. Đây là nguyên nhân chính làm tổng lợi nhuận kế toán trước

thuế giảm 42,84%, lợi nhuận sau thuế giảm 54,85% và tỷ lệ lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu giảm 58,50%.

Ý kiến của Tổ chức kiểm toán độc lập đối với các báo cáo tài chính: Chấp nhận toàn bộ

7.2 Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết

❖ Thuận lợi:

- Cơ cấu sản xuất nguyên liệu nhựa toàn cầu tiếp tục xu hướng chuyển dịch sang châu Á và Trung Quốc, Châu Á được kỳ vọng sẽ là các khu vực có mức tăng trưởng nhanh về nhu cầu các sản phẩm nhựa trong tương lai.
- Theo xu hướng chung của thế giới đang chuyển dịch sang các sản phẩm nhựa thân thiện với môi trường. Chính phủ Việt Nam đã có những quyết sách cụ thể ưu tiên chú trọng việc sử dụng sản phẩm thân thiện với môi trường. Yếu tố thân thiện với môi trường đang dần trở thành một tiêu chí thiết yếu trong xu hướng tiêu dùng các sản phẩm của các thị trường phát triển. Vì vậy chuyển đổi sản xuất sang các sản phẩm nhựa có khả năng phân hủy tốt là xu hướng tất yếu của ngành nhựa thế giới.
- Các hiệp định thương mại tự do ASEAN, EU... luôn mở ra cơ hội cho xuất khẩu, cùng các ngành kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn. Đồng thời, việc xóa bỏ một số dòng thuế theo các hiệp định CPTPP, EVFTA sau năm thứ 7 trong đó có sản phẩm túi siêu thị Thuận Đức đang sản xuất, tạo cơ hội thúc đẩy xuất khẩu hàng hóa của công ty sang các thị trường EU, Canada, Nhật Bản ...thuận lợi hơn rất nhiều.
- Được sự quan tâm, giúp đỡ hỗ trợ của Lãnh đạo tỉnh Hưng Yên, các ban ngành hữu quan trong tỉnh cùng các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp, cải cách các thủ tục hành chính đảm bảo cho doanh nghiệp có cơ hội phát triển kinh doanh.
- TDP tự chủ được nguồn nguyên liệu đầu vào nhờ sử dụng nguyên liệu tái sinh và tái chế lại được các sản phẩm lỗi, hỏng, phế trong sản xuất được quay vòng tuần hoàn liên tục nên hạn chế được lãng phí trong sản xuất.

❖ Khó khăn

- Cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn trên thế giới ngày càng gay gắt hơn, gia tăng căng thẳng địa chính trị; xung đột quân sự giữa Nga – U-crai-na diễn biến phức tạp và kéo dài, xung đột tại dải Gaza leo thang, các cuộc tấn công hoạt động vận tải tại Biển Đỏ đã ảnh hưởng tới chuỗi cung ứng hàng hóa, dầu thô, lương thực toàn cầu, gia tăng rủi ro đối với an

toàn hàng hải, ảnh hưởng tới triển vọng tăng trưởng của các quốc gia trên thế giới. Trong khi, các đối tác xuất khẩu lớn của Thuận Đức là khách hàng tại EU, Mỹ và Nhật Bản cũng chịu nhiều tác động từ tình hình kinh tế vĩ mô nhiều biến động với tăng trưởng kinh tế chậm và tỷ lệ lạm phát vẫn ở mức cao.

- Từ đầu năm 2023 đến nay giá dầu và giá các mặt hàng nguyên, nhiên vật liệu đầu vào sản xuất trên phạm vi toàn cầu liên tục tăng, giá cước vận chuyển quốc tế cao 3-4 lần so với thời kỳ bình ổn. Trước áp lực lạm phát tăng cao, nhiều ngân hàng trung ương trên thế giới đã tiến hành thắt chặt chính sách tiền tệ. Các ngân hàng liên tục điều chỉnh lãi suất. Ngân hàng Nhà nước đang tiếp tục duy trì công cụ hạn mức tín dụng để kiểm soát lạm phát mục tiêu và thanh khoản hệ thống ngân hàng, trong bối cảnh thị trường trái phiếu doanh nghiệp âm ảm, khiến việc tiếp cận vốn của doanh nghiệp còn khó khăn. Những tác động từ tăng trưởng nền kinh tế nêu trên gây ảnh hưởng tới hoạt động kinh doanh của công ty. Mặt khác, các quốc gia Châu Mỹ, Châu Âu là các thị trường trọng tâm tiêu thụ sản phẩm Công ty vẫn phải áp dụng các biện pháp thắt chặt tiền tệ để kiểm soát lạm phát dẫn đến tình hình kinh doanh ở các thị trường đó đều gặp khó khăn, làm cho nhu cầu sử dụng sản phẩm giảm mạnh.
- Ngoài những khó khăn trong năm 2023 công ty đã nỗ lực vượt qua, năm 2024 được dự báo là năm còn nhiều biến động và khó khăn. Công ty có thể chịu tác động thêm bởi các yếu tố khác như: tình trạng lạm phát trên thế giới vẫn còn kéo dài khiến cho các nước thắt chặt chính sách tiền tệ; người dân tiết giảm chi phí tiêu dùng dẫn đến nhu cầu sử dụng sản phẩm giảm gây khó khăn cho thị trường xuất khẩu; bất ổn từ các vấn đề địa chính trị; xung đột thương mại tác động đến giá nguyên vật liệu đầu vào và chi phí logistics tăng cao.
- Năm 2024 là năm thứ 18 đi vào hoạt động của Công ty, máy móc thiết bị phục vụ sản xuất đang trong quá trình phải đầu tư duy tu, nâng cấp và bảo dưỡng thường xuyên.

8. Vị thế của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết trong ngành

8.1 Vị thế của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết trong ngành

- ❖ **Đứng vị trí số 2 trong bản xếp hạng 10 Doanh nghiệp bao bì uy tín năm 2023 được Vietnam Report chính thức công bố ngày 02/10/2023**

Trong năm 2023, Công ty cổ phần Thuận Đức vinh dự đứng vị trí số 2 trong bảng xếp hạng 10 Doanh nghiệp bao bì uy tín năm 2023 được Vietnam Report chính thức công bố ngày 02 tháng 10 năm 2023. Bảng xếp hạng dựa trên 3 tiêu chí chính: (1) Năng lực tài chính thể hiện trên báo cáo tài chính năm gần nhất; (2) Uy tín truyền thông được đánh giá bằng

phương pháp Media Coding – mã hóa các bài viết về công ty trên các kênh truyền thông có ảnh hưởng; (3) Khảo sát đối tượng nghiên cứu và các bên liên quan được thực hiện trong tháng 8-9/2023.

Công ty cổ phần Thuận Đức có bề dày kinh nghiệm, dây chuyền sản xuất hiện đại, quy mô không ngừng mở rộng.

Với 18 năm phát triển, TDP đã trở thành một đơn vị uy tín được hơn 500 doanh nghiệp và người tiêu dùng trong nước lựa chọn, đồng thời cũng là nhà cung cấp chính và đối tác chiến lược của khoảng hơn 20 tập đoàn bán lẻ trên thế giới.

Trong suốt quá trình phát triển, TDP đã không ngừng cải tiến kỹ thuật, công nghệ. Các cơ sở sản xuất của TDP được trang bị dây chuyền sản xuất hiện đại tuân thủ một quy trình kiểm soát chất lượng nghiêm ngặt. 100% máy móc, thiết bị chính được nhập khẩu sau khi được khảo sát kỹ lưỡng, sau đó điều chỉnh tối ưu phù hợp với thực tế sản xuất trên 10 năm của đội ngũ kỹ thuật quản lý am hiểu sâu về lĩnh vực.

Trên cơ sở đầu tư công nghệ, kỹ thuật hiện đại đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế, TDP đã và đang mở rộng quy mô sản xuất. Hiện tại, Công ty đang sở hữu 05 nhà máy bao gồm 4 nhà máy tại Kim Động, tỉnh Hưng Yên đang hoạt động, 1 nhà máy tại Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Đồng thời Công ty cũng đang có kế hoạch mở rộng thêm nhà máy tại Bim Sơn, tỉnh Thanh Hóa, và nhà máy tại Hưng Yên Thuận Đức JB để mở rộng năng lực sản xuất và hoàn thiện chuỗi các sản phẩm trong ngành nhựa PP bao bì đựng công nghiệp. Các nhà máy với công suất lớn, hoạt động liên tục, hệ thống máy móc tự động sẽ tạo sản lượng lớn, đảm bảo nguồn cung ổn định cho thị trường trong nước và quốc tế.

❖ **Quy trình sản xuất khép kín, đạt chuẩn quốc tế**

Dây chuyền sản xuất khép kín từ khâu thu mua đến khâu phân phối sản phẩm nên hoạt động sản xuất của các nhà máy của TDP mang tính chủ động cao, tự chủ về nguồn nguyên liệu.

Đặc biệt, Công ty sở hữu nhà máy sản xuất hạt nhựa tái chế từ vỏ bao xi măng đập – một trong những nguyên liệu đầu vào chính để sản xuất túi siêu thị PP với công suất khoảng 43.061 tấn hạt nhựa giúp chủ động nguồn nguyên liệu. Điều này không chỉ giúp gia tăng doanh thu mà còn đảm bảo tính ổn định trong sản xuất cho TDP. Đây là một trong những yếu tố then chốt giúp TDP cạnh tranh và đứng vững trong ngành hơn 10 năm qua.

Vấn đề chất lượng sản phẩm luôn được TDP đặt lên hàng đầu, đặc biệt với những đơn hàng xuất khẩu phục vụ cho các khách hàng quốc tế với tiêu chuẩn khắt khe. Do đó xuyên suốt quá trình phát triển, TDP đã chú trọng xây dựng toàn diện bộ quy chuẩn về chất lượng, về sử dụng lao động, tiêu chuẩn bảo vệ môi trường, vệ sinh thực phẩm, nhà xưởng, trang thiết bị bảo hộ cho người lao động theo các tiêu chuẩn quốc tế. Hiện nay, TDP đã đạt được chứng chỉ quốc tế như: ISO 9001:2015, ISO 14001:2015, ICS, BSCI. Đây cũng là một lợi thế đảm bảo cho sự phát triển bền vững của TDP ở hiện tại và tương lai trong môi trường cạnh tranh ngày càng cao của thị trường nội địa và với tham vọng không ngừng lớn mạnh vươn ra thị trường quốc tế. TDP là một trong những công ty hàng đầu trong sản xuất và xuất khẩu túi siêu thị PP ở Việt Nam.

Ngoài ra, đội ngũ bán hàng của Công ty cũng có nhiều năm kinh nghiệm trong kinh doanh túi siêu thị PP và trong lĩnh vực xuất khẩu. Công tác marketing không ngừng được mở rộng, nâng cao để ngày càng mở rộng thị trường trong nước và tăng cường tiếp cận với thị trường xuất khẩu. Hiện nay, ngoài việc tiếp cận khách hàng và bán hàng trực tiếp, TDP còn đang tìm kiếm thị trường tiêu thụ qua các kênh thương mại điện tử B2B, trang web quảng cáo, xúc tiến thương mại, tham gia các hội trợ trưng bày sản phẩm, tăng cường kết nối khách hàng ... Mạng lưới khách hàng của TDP phủ khắp cả nước với hơn 500 doanh nghiệp nội địa và hơn 20 đối tác là tập đoàn nước ngoài từ những thị trường khó tính như Nhật Bản, Châu Âu...

8.2 Triển vọng phát triển ngành

❖ Tận dụng tốt cơ hội từ các FTA để mở rộng thị trường

Tiềm năng xuất khẩu toàn ngành bao bì nói chung và Công ty nói riêng dựa trên điều kiện thuận lợi từ các hiệp định thương mại tự do (FTA). Hiện nay, Việt Nam đã ký kết 16 FTA song phương và đa phương, tạo thuận lợi cho thương mại quốc tế, xuất khẩu bao bì cũng được hưởng lợi từ đây.

Xét trong giai đoạn tháng 1/2022 đến hết tháng 6/2023, giá trị thương mại hai nhóm HS.3923 và HS.4819 lần lượt đại diện cho bao bì nhựa và bao bì giấy, bốn thị trường xuất khẩu bao bì lớn nhất của Việt Nam bao gồm: Hoa Kỳ, Nhật Bản, Hàn Quốc, Đức; xếp theo sau đó là Anh, Hà Lan, Australia, Campuchia. Giá trị xuất khẩu sang 8 thị trường này chiếm 75,5% lượng xuất khẩu bao bì của Việt Nam. Trong giai đoạn này, xuất khẩu bao bì sang 27 quốc gia có giá trị trên 10 triệu USD, chiếm 96,4% giá trị xuất khẩu bao bì.

Hầu hết các quốc gia trên đều nằm trong ít nhất một FTA mà Việt Nam đang là thành viên. Thuế suất thuế nhập khẩu vào thị trường trên cho mặt hàng bao bì hầu hết về 0,0%, phần nhỏ các mặt hàng vẫn chịu thuế nhưng đều không quá 5,0%. Do đó, vị thế của bao bì Việt Nam trên trường quốc tế còn có được nâng cao hơn nữa khi các vấn đề liên quan tới chuỗi cung ứng đang dần hạ nhiệt, những khó khăn về chi phí nguyên vật liệu đầu vào được giảm bớt nhờ chi phí logistics giảm.

❖ **Xu hướng bao bì bền vững ngày được quan tâm**

Theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường 2020, đến tháng 1/2024, các doanh nghiệp sẽ bắt buộc phải thực hiện EPR. Theo đó, nhà sản xuất, nhập khẩu có hai trách nhiệm: (1) tái chế đối với sản phẩm, bao bì áp dụng đối với sản phẩm, bao bì có giá trị tái chế; (2) xử lý chất thải áp dụng đối với sản phẩm, bao bì chứa chất độc hại, khó có khả năng tái chế hoặc gây khó khăn cho thu gom, xử lý. Với trách nhiệm thứ nhất, nhà sản xuất, nhập khẩu sẽ thực hiện tái chế từ năm 2024 trở đi và được lựa chọn giữa hai hình thức: tự mình tổ chức tái chế hoặc đóng góp tài chính vào Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam để hỗ trợ tái chế sản phẩm, bao bì.

Ngoài ra, trong Quyết định số 889/QĐ-TTg đặt ra mục tiêu đến năm 2030, 100% siêu thị, trung tâm thương mại sử dụng sản phẩm bao bì thân thiện môi trường thay thế cho sản phẩm bao bì nhựa sử dụng một lần, khó phân hủy. Nghị định số 08/2022/NĐ-CP quy định về các loại bao bì, tiêu chuẩn kỹ thuật đối với bao bì, yêu cầu về nhãn hàng hóa trên bao bì cần công bố thông tin về chất ô nhiễm khó phân hủy trong sản phẩm. Do vậy, chuyển đổi sang bao bì bền vững không chỉ là xu hướng, mà đã trở thành điều tất yếu đối với các doanh nghiệp trong lĩnh vực này. Các quy định về bao bì bền vững không chỉ tạo ra nhiều thách thức mà còn đem lại cơ hội cho doanh nghiệp. Sự nhạy bén và linh hoạt trong thích nghi với thay đổi này có thể giúp các doanh nghiệp tận dụng những lợi ích dài hạn của việc thúc đẩy sự bền vững trong hoạt động kinh doanh.

❖ **Triển vọng ngành nhựa tái sinh**

Những năm gần đây, sản phẩm nhựa có xu hướng chuyển dịch sang các sản phẩm thân thiện với môi trường. Đây là những điểm thuận lợi cho Công ty cổ phần Thuận Đức thâm nhập sâu vào thị trường thế giới.

Ngành công nghiệp Nhựa ở Việt Nam dù còn non trẻ so với các ngành công nghiệp lâu đời khác như cơ khí, điện – điện tử, hoá chất, dệt may... nhưng đã có sự phát triển mạnh mẽ trong những năm gần đây. Trong đó, nhựa bao bì và nhựa gia dụng là hai mảng chiếm tỷ

trọng lớn nhất trong cơ cấu giá trị ngành nhựa. Nguyên liệu nhựa của Việt Nam hiện nay vẫn phụ thuộc chủ yếu vào nhập khẩu, đặc biệt là nhựa nguyên sinh.

Tận dụng nhựa phế liệu để tái sinh, đưa vào sản xuất sản phẩm, kéo dài vòng đời của nguyên liệu nhựa để đem lại hiệu quả về mặt kinh tế luôn là mục tiêu hướng đến ở các quốc gia, ngay cả ở các khu vực kinh tế hàng đầu như Mỹ, Nhật Bản và EU. Giá thành thành phẩm nguyên liệu nhựa tái sinh sau khi nhập khẩu để tái chế luôn thấp hơn hạt nhựa nguyên sinh khoảng 30%, thậm chí 40%. Trong cơ cấu giá thành hầu hết các sản phẩm nhựa, chi phí nguyên liệu chiếm tỷ trọng 60 – 70%, nếu chi phí nguyên liệu giảm bao nhiêu, giá thành sản phẩm sẽ giảm tương ứng. Tuy nhiên, hiện nay nhựa PP cũng là một loại nguyên liệu phụ thuộc lớn vào việc nhập khẩu. Việc bị động về nguồn nguyên liệu, kéo theo thiếu chủ động về giá nguyên liệu đã là một lực cản lớn cho doanh nghiệp nhựa trong nước.

Tuy nhiên, nhiều doanh nghiệp Việt đã chủ động được nguồn nguyên liệu PP, trong đó có Công ty cổ phần Thuận Đức. Nhờ vậy mà doanh nghiệp tạo được lợi thế cạnh tranh, giảm giá thành sản phẩm, tăng lợi nhuận và tái đầu tư cho nghiên cứu phát triển các sản phẩm nhựa kỹ thuật cao.

8.3 So sánh về tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp trong cùng ngành

Bảng 20: Các chỉ số tài chính cơ bản của một số doanh nghiệp trong cùng ngành

Nội dung	Đơn vị	TDP	BMP	CSM	APH	AAA
Tổng tài sản	Triệu đồng	3.671.189	3.255.001	3.884.301	12.372.476	11.583.446
Vốn chủ sở hữu	Triệu đồng	856.071	2.689.729	1.324.200	5.727.428	5.963.871
Doanh thu thuần	Triệu đồng	3.819.724	5.156.984	5.234.907	14.521.936	12.621.514
Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	42.344	1.041.006	60.375	219.283	309.194

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất 2023 đã kiểm toán của TDP, BMP, CSM, APH, AAA

8.4 Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Tổ Chức Đăng Ký Niên Yết so với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, xu thế chung trên thế giới

❖ Định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước và xu thế chung của thế giới

Trong 02 năm gần đây, xu thế chung của toàn cầu là tiến tới giảm thiểu chất thải nhựa, khuyến khích phát triển các sản phẩm từ nhựa tái sinh, thân thiện với môi trường. So với

các sản phẩm nhựa truyền thống khác, nhựa tái sinh mang nhiều ưu điểm vượt trội hơn hẳn, đang ngày càng được thế giới ưa chuộng, đặc biệt là ở các nước phát triển do đặc tính thân thiện với môi trường, tiết kiệm năng lượng do có thể tái chế sau khi đã qua sử dụng. Sản phẩm nhựa tái chế đang dần thay thế sản phẩm nhựa truyền thống, sản lượng nhựa tái chế tăng trung bình 11% trong 10 năm trở lại đây – mức tăng trưởng ấn tượng nhất trong ngành nhựa thế giới. Sự phát triển của các ngành sản phẩm cuối như thực phẩm, xây dựng, thiết bị điện tử, ô tô, ... sẽ là điểm tựa cho sự tăng trưởng của ngành nhựa, đặc biệt là trong phân khúc nhựa bao bì và nhựa xây dựng. Hiện nay, vấn đề giải quyết ô nhiễm rác thải nhựa đã được các quốc gia, lãnh đạo các tập đoàn đa quốc gia khẳng định là mối quan tâm chung toàn cầu, đưa ra các cam kết mạnh mẽ về chống rác thải nhựa. Nhiều quốc gia trên thế giới đã có những hành động cụ thể để giảm thiểu và cấm sử dụng một số sản phẩm nhựa không thân thiện môi trường. Đồng thời, tăng cường tái chế, tái sử dụng và tuần hoàn chất thải nhựa. Là quốc gia đang phát triển, Việt Nam phải đối mặt với nhiều vấn đề về suy thoái, ô nhiễm môi trường, biến đổi khí hậu, nước biển dâng, đặc biệt là ô nhiễm do rác thải nhựa hay còn gọi là “ô nhiễm trắng”. Nhận thức rõ vấn đề này, trong thời gian qua, Chính phủ đã chỉ đạo quyết liệt việc thực hiện chính sách, chiến lược để kiểm soát ô nhiễm môi trường do sử dụng túi ni lông, sản phẩm nhựa trong sinh hoạt, quản lý chất thải rắn; thực hiện chuyển đổi mô hình tăng trưởng, thúc đẩy xây dựng nền kinh tế tuần hoàn, trong đó chú trọng giảm thiểu, tăng cường tái chế, tái sử dụng, tận dụng tối đa giá trị của rác thải nhựa cho các hoạt động phát triển kinh tế - xã hội.

❖ ***Định hướng phát triển của TDP***

Tiếp tục đẩy mạnh sản xuất các sản phẩm nhựa PP tái chế Công ty đặt mục tiêu phát triển bền vững, duy trì tốc độ tăng trưởng bình quân 20% hàng năm, giữ vững vị trí là một trong những đơn vị hàng đầu về sản xuất các sản phẩm từ nhựa PP, nổi bật là hạt nhựa PP tái chế, bao bì PP và túi siêu thị PP. Định hướng lấy công nghệ hiện đại làm nền tảng cho sự phát triển và lấy chất lượng sản phẩm và sự hài lòng của khách hàng làm trọng tâm. Tiếp tục nghiên cứu, áp dụng các công cụ quản lý tiên tiến, hiện đại của thế giới, đặc biệt là các vấn đề liên quan đến công nghệ sản xuất tự động hóa, công nghệ thông tin và công cụ hỗ trợ làm việc nhằm nâng cao năng suất lao động, cảnh báo rủi ro, giảm hao hụt nguyên vật liệu, tiết kiệm tối đa chi phí sản xuất và sản xuất ra những sản phẩm chất lượng hàng đầu bất kíp xu hướng và đáp ứng yêu cầu khắt khe của thị trường quốc tế. Phát triển nguồn nhân lực để tạo lợi thế cạnh tranh, có các chính sách tuyển dụng, đãi ngộ phù hợp, chú trọng công tác đào tạo, nâng cao chuyên môn, tay nghề cho cán bộ, nhân viên. Tiếp tục mở rộng quy mô

sản xuất, Công ty đầu tư xây dựng 01 nhà máy chuyên sản xuất hạt nhựa PP và các loại sản phẩm bao bì PP tại Thanh Hóa với công suất dự kiến 50.000 tấn/năm và 02 nhà máy chuyên sản xuất túi PP xuất khẩu tại Hưng Yên với tổng công suất dự kiến 30-35 triệu túi/tháng. Khi nhà máy mới này đi vào hoạt động hoàn chỉnh, sản lượng sản xuất của Công ty sẽ nâng lên đáng kể, đảm bảo nguồn cung ổn định cho thị trường trong nước và quốc tế. Sản xuất và xuất khẩu túi siêu thị PP thân thiện với môi trường vẫn là hoạt động mũi nhọn: Ban lãnh đạo Công ty xác định thị trường chủ lực vẫn là xuất khẩu túi siêu thị PP đến các nước EU, Nhật, Canada,... Đồng thời tiếp tục mở rộng thị trường sang một số nước Châu Á, Úc, Hoa Kỳ và Mỹ La tinh. Doanh nghiệp tiêu biểu về thực hiện trách nhiệm xã hội: Trong các hoạt động kinh doanh, Công ty luôn đảm bảo tuân thủ đúng quy định của pháp luật về môi trường. Ngoài chế độ lương, thưởng phù hợp, Công ty cũng thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách khác của Nhà nước đảm bảo quyền lợi cho người lao động. Ngoài ra, Công ty cũng thường xuyên tổ chức hoạt động xã hội mang ý nghĩa như: giúp đỡ các hoàn cảnh khó khăn trong Công ty, trên địa bàn Công ty hoạt động và trên cả nước, tổ chức các chương trình tình nguyện tại các Trung tâm bảo trợ xã hội...

❖ ***Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, và xu thế chung trên thế giới***

Trong tương lai ngành nhựa vẫn đóng vai trò quan trọng trong nền kinh tế Việt Nam. TDP là một trong số ít những doanh nghiệp có đủ điều kiện sản xuất hạt nhựa tái chế theo Quyết định chủ trương đầu tư đối với Nhà máy sản xuất bao bì dệt Thuận Đức với nguyên liệu đầu vào 90% là hạt nhựa nguyên sinh; 10% từ phế liệu tái chế. Đây là cơ sở vững chắc, là tiền đề phát triển thành doanh nghiệp sản xuất bao bì thân thiện với môi trường hàng đầu ở Việt Nam và khu vực. Công ty luôn đặt mục tiêu chất lượng sản phẩm lên hàng đầu, không ngừng cải tiến, nâng cao trình độ kỹ thuật, công nghệ, mở rộng quy mô sản xuất đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của thị trường trong nước và quốc tế. Định hướng phát triển của Công ty tương đối khả quan, phù hợp với sự phát triển của nền kinh tế, chủ trương chính sách của Nhà nước, xu thế chung trên thế giới. Nếu không có những diễn biến bất thường gây ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty thì định hướng phát triển của Công ty sẽ giúp Công ty đạt được những mục tiêu lợi nhuận trong tương lai.

9. Chính sách đối với người lao động

9.1. Số lượng người lao động trong công ty

Số lượng nhân viên tại Công ty và các công ty con tại ngày 31/12/2023 là 1.231 người.

Bảng 21: Cơ cấu lao động của Công ty tại ngày 31/12/2023

STT	Tính chất phân loại	Số lượng	Tỷ lệ
A	Theo trình độ	1.231	100,0%
1	Trên đại học	0	0,0%
2	Đại học	61	5,0%
3	Cao đẳng, trung cấp	42	3,4%
4	Công nhân kỹ thuật	24	1,9%
5	Sơ cấp	27	2,2%
6	Lao động khác	1.077	87,5%
B	Theo tính chất hợp đồng lao động	1.231	100,0%
1	Lao động hợp đồng có thời hạn 1-3 năm	0	0,0%
2	Hợp đồng không xác định thời hạn	1.185	96,3%
3	Lao động trong thời gian thử việc	46	3,7%
C	Theo giới tính	1.231	100,0%
1	Nam	701	56,9%
2	Nữ	530	43,1%

Nguồn: TDP

9.1.2. Chính sách đào tạo, lương thưởng, trợ cấp

❖ Chính sách đào tạo

- Công ty luôn chú trọng quan tâm đầu tư cả về số lượng và chất lượng nguồn nhân lực. Bộ máy điều hành công ty và cán bộ quản lý các cấp đều là chuyên gia có trình độ cao, gắn bó lâu dài với Công ty. Công ty có các chính sách ưu đãi, thu hút nhân tài.
- Công ty có xây dựng quy chế đào tạo được công bố công khai tới toàn bộ CBCNV Công ty. Quy chế đào tạo được xây dựng phù hợp theo các yêu cầu của từng vị trí công việc. Quy chế đào tạo được xây dựng phù hợp theo các yêu cầu của từng vị trí công việc. Tuyển dụng lao động đảm bảo nguyên tắc công khai, minh bạch. Tùy theo đặc điểm, điều kiện xã hội, yêu cầu sản xuất trong từng thời kỳ. Công ty sẽ cân đối nhu cầu tuyển dụng lao động sao cho phù hợp và tổ chức đào tạo hội nhập, đào tạo phòng cháy chữa cháy, an toàn vệ sinh thực phẩm cho người lao động.
- Trong năm 2023, Công ty tổ chức buổi đào tạo về “cách trình bày báo cáo quản trị trên Excel” đối với khối trực tiếp sản xuất tổ chức đào tạo chứng chỉ vận hành máy móc cho người lao động gồm đào tạo vận hành xe nâng an toàn, vận hành cầu trục Pa lăng điện, vận hành máy cắt nguyên phụ liệu, vận hành máy nén khí.

❖ Chế độ làm việc của người lao động

- Thời gian làm việc, chế độ nghỉ phép, nghỉ lễ, tết, thai sản: thực hiện theo đúng quy định của Luật lao động. Thời gian làm việc: không quá 8h/ngày, 48h/tuần. Trường hợp làm thêm giờ do yêu cầu sản xuất kinh doanh không quá 4h/ngày, 200h/năm.
- Điều kiện làm việc: môi trường làm việc khang trang, thoáng mát. Công ty trang bị đầy đủ đồng phục và bảo hộ lao động.
- An toàn lao động: có những biện pháp hạn chế tối đa các mối nguy hại đến sức khỏe của người lao động như đồ bảo hộ (trang phục, mũ nón, khẩu trang ...). Tổ chức huấn luyện an toàn lao động và phòng cháy chữa cháy hàng năm cho lao động toàn công ty.

❖ **Chế độ lương, thưởng, phúc lợi và đãi ngộ**

- Công ty xây dựng quy chế lương, thưởng, phúc lợi phù hợp đảm bảo mức thu nhập cho người lao động và các chế độ theo quy định của Nhà nước. Hàng năm, Công ty tiến hành đánh giá, xếp loại loại lao động để khen thưởng.
- Phúc lợi: Công ty thực hiện đầy đủ các chế độ phúc lợi theo quy định của Luật lao động và thỏa ước lao động tập thể của Công ty: khám sức khỏe định kỳ, đóng BHXH, BHYT, BHNT đầy đủ, các loại phụ cấp: tăng ca, điện thoại, xăng xe, công tác phí, cấp phát sửa, mở rộng xe tuyến phục vụ CBCNV đi làm,...
- Công đoàn: hoạt động công đoàn cũng thường xuyên quan tâm đến quyền lợi của người lao động (thăm hỏi ốm đau, sinh đẻ, ma chay, hiếu hì,...)
- Tổ chức khám sức khỏe định kỳ mỗi năm 1 lần cho người lao động, với lao động làm việc trong môi trường đặc biệt được khám sức khỏe 2 lần/năm.

10. Chính sách cổ tức

Căn cứ theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, chính sách phân phối cổ tức do Hội đồng quản trị đề nghị và Đại hội đồng cổ đông quyết định như sau:

- Công ty chỉ được chi trả cho cổ đông khi kinh doanh có lãi và đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật.
- Cổ đông được chia cổ tức tương đương với phần vốn góp và tùy theo đặc điểm tình hình kinh doanh theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
- Tỷ lệ cổ tức sẽ được Đại hội đồng cổ đông quyết định dựa trên đề xuất của Hội đồng quản trị, với căn cứ là kết quả hoạt động kinh doanh của năm hoạt động và phương án hoạt động

kinh doanh của các năm tới.

Trong hai năm 2022, 2023, Công ty thực hiện chi trả cổ tức cho cổ đông như sau:

Bảng 22: Chính sách chi trả cổ tức của TDP năm 2022-2023

STT	Nội dung	Năm 2022	Năm 2023
1	Trả cổ tức bằng cổ phiếu	12%	10%
2	Trả cổ tức bằng tiền mặt	0	0
	Tổng cộng	12%	10%

Nguồn: TDP

Trong năm 2023, công ty đã thực hiện xong việc chi trả cổ tức của năm 2022. Hiện tại trong năm 2024, công ty đang tiến hành thực hiện chi trả cổ tức của năm 2023 theo phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông.

11. Tình hình hoạt động tài chính

11.1 Các chỉ tiêu cơ bản

11.1.1. Trích khấu hao tài sản cố định

❖ Tài sản cố định hữu hình

- Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.
- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.
- Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.
- Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.
- Khấu hao tài sản cố định hữu hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Bảng 23: Số năm khấu hao tài sản cố định hữu hình

Loại tài sản	Thời gian
Nhà cửa vật kiến trúc	05 - 30 năm

Loại tài sản	Thời gian
Máy móc, thiết bị	03 - 20 năm
Phương tiện vận tải	05 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	03 - 10 năm
Tài sản cố định khác	05 - 08 năm

Nguồn: TDP

❖ **Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Bảng 24: Số năm khấu hao tài sản cố định vô hình

Loại tài sản	Thời gian
Phần mềm máy tính	05 - 06 năm

Nguồn: TDP

❖ **Tài sản cố định thuê tài chính**

Tài sản theo hợp đồng thuê tài chính được vốn hóa trên bảng cân đối kế toán hợp nhất tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản theo giá trị thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Khoản tiền gốc trong các khoản thanh toán tiền thuê trong tương lai theo hợp đồng thuê tài chính được hạch toán như khoản nợ phải trả. Khoản tiền lãi trong các khoản thanh toán tiền thuê được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong suốt thời gian thuê tài sản theo lãi suất cố định trên số dư còn lại của khoản nợ thuê tài chính phải trả.

Tài sản thuê tài chính đã được vốn hóa trích khấu hao theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo thời gian ngắn hơn thời gian hữu dụng ước tính và thời hạn thuê tài sản, nếu không chắc chắn là bên thuê sẽ được chuyển giao quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê.

Bảng 25: Số năm khấu hao tài sản cho thuê tài chính

Loại tài sản	Thời gian
Máy móc, thiết bị	08 - 15 năm
Phương tiện vận tải	05 - 10 năm

Nguồn: TDP

11.1.2. Mức lương bình quân cho lao động

Bảng 26: Thu nhập bình quân của nhân sự TDP

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023
Tổng số lượng người lao động (người)	1.307	1.306	1.309	1.231
Thu nhập bình quân (triệu đồng/người/tháng)	8,4	9,06	11,925	12,369

Nguồn: Báo cáo thường niên TDP

Số lượng lao động năm 2023 giảm nhẹ so với năm 2022 do Công ty đã cải tiến, áp dụng quy trình công nghệ sản xuất tiên tiến hiện đại làm tinh nhẹ bộ máy mà vẫn đảm bảo được hoạt động của Công ty. Về chính sách lương và thưởng, việc trả lương của Công ty được thực hiện theo nguyên tắc phân phối lao động. Công ty đảm bảo trả lương thỏa đáng với lao động lành nghề, có trình độ chuyên môn, kỹ thuật và có đóng góp nhiều cho Công ty nhằm khuyến khích cán bộ công nhân viên không ngừng cố gắng. Việc trả lương luôn nhằm đảm bảo công khai minh bạch, song với đó, Công ty thực hiện chính sách khen thưởng cuối năm, thưởng hiệu quả kinh doanh cho cán bộ công nhân viên trong năm 2023. Do vậy, thu nhập của người lao động trong năm 2023 vẫn tăng so với năm trước trong bối cảnh nền kinh tế thế giới và trong nước có nhiều biến động và các doanh nghiệp sản xuất gặp nhiều khó khăn.

11.1.3. Thanh toán các khoản nợ đến hạn

Tại thời điểm 31/12/2022 và 31/12/2023, Công ty không có khoản nợ quá hạn nào.

11.1.4. Các khoản phải nộp theo luật định

Công ty thanh toán các khoản phải nộp đầy đủ và đúng hạn đồng thời tuân thủ các quy định pháp luật. Chi tiết các khoản phải nộp theo luật định tại ngày 31/12/2022, 31/12/2023 và 31/03/2024 như sau:

Bảng 27: Chi tiết các khoản phải nộp theo luật định (hợp nhất)

Đơn vị: đồng

TT	Các loại thuế	31/12/2022	31/12/2023	31/03/2024
1	Thuế thu nhập doanh nghiệp	28.930.266.165	26.702.649.214	29.076.957.819
2	Thuế thu nhập cá nhân	295.595.490	214.539.853	198.540.474
3	Thuế GTGT	0	0	0
4	Các khoản thuế, phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	240.000	225.096.966	225.096.966
Tổng cộng		29.226.101.655	27.142.286.033	29.500.595.259

Nguồn: BCTC hợp nhất đã được kiểm toán năm 2022 và 2023; BCTC hợp nhất Quý I/2024

Bảng 28: Chi tiết các khoản phải nộp theo luật định (Công ty mẹ)

Đơn vị: đồng

TT	Các loại thuế	31/12/2022	31/12/2023	31/03/2024
1	Thuế thu nhập doanh nghiệp	22.661.050.406	21.651.138.201	23.946.002.030
2	Thuế thu nhập cá nhân	206.530.325	200.807.351	180.694.681
3	Thuế GTGT	0	0	0
4	Các khoản thuế khác	240.000	0	0
Tổng cộng		22.867.820.731	21.851.945.552	24.126.696.711

Nguồn: BCTC riêng đã được kiểm toán năm 2022 và 2023; BCTC riêng Quý I/2024

11.1.5. Trích lập các quỹ theo luật định

Hàng năm, TDP trích lập và sử dụng các quỹ theo quy định áp dụng cho các doanh nghiệp là công ty cổ phần và theo điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty. Số dư các quỹ của Công ty qua các năm như sau:

Bảng 29: Tình hình trích lập các quỹ của Công ty hợp nhất

Đơn vị: đồng

TT	Các loại quỹ	31/12/2022	31/12/2023	31/03/2024
1	Quỹ đầu tư phát triển	16.200.000.000	16.200.000.000	16.200.000.000

TT	Các loại quỹ	31/12/2022	31/12/2023	31/03/2024
	Tổng cộng	16.200.000.000	16.200.000.000	16.200.000.000

Nguồn: BCTC hợp nhất đã được kiểm toán năm 2022 và 2023; BCTC hợp nhất Quý I/2024

Bảng 30: Tình hình trích lập các quỹ của Công ty mẹ

Đơn vị: đồng

TT	Các loại quỹ	31/12/2022	31/12/2023	31/03/2024
1	Quỹ đầu tư phát triển	16.200.000.000	16.200.000.000	16.200.000.000
	Tổng cộng	16.200.000.000	16.200.000.000	16.200.000.000

Nguồn: BCTC riêng đã được kiểm toán năm 2022 và 2023; BCTC hợp nhất Quý I/2024

11.1.6. Tổng dư nợ vay của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết

Theo Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2022, 2023 đã được kiểm toán, TDP không có các khoản nợ quá hạn.

Bảng 31: Chi tiết các khoản vay ngân hàng (Công ty mẹ)

Đơn vị: đồng

TT	Đối tượng	31/12/2022	31/12/2023	31/03/2024
I	Vay ngắn hạn	1.588.478.164.446	1.880.577.233.851	1.957.883.502.211
<i>1</i>	<i>Vay ngắn hạn phải trả các tổ chức khác</i>	<i>1.588.478.164.446</i>	<i>1.880.577.233.851</i>	<i>1.957.883.502.211</i>
-	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – CN Sở giao dịch I	581.753.764.110	797.066.847.941	887.109.066.297
-	Ngân hàng Agribank-CN Hưng Yên	298.535.812.396	298.887.657.761	298.969.780.834
-	Ngân hàng TMCP Quân đội – CN Thanh Xuân	249.991.301.449	249.790.752.391	234.699.364.871
-	Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam – CN Sở Giao dịch	89.531.883.396	22.744.301.780	0
-	Ngân hàng Hongleong Việt Nam – CN Hà Nội	65.344.196.121	71.572.697.559	66.366.202.341
-	Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam – CN Hoàn Kiếm	67.354.895.313	67.896.669.970	67.939.078.689
-	Ngân hàng Vpbank – Hội sở	68.643.020.553	0	2.677.516.420
-	Ngân hàng Tpbank – Chi nhánh Bắc Từ Liêm	18.919.730.000	59.962.503.135	60.076.688.840
-	Ngân hàng Sinopacs – CN TP	34.029.967.610	23.697.770.500	19.667.178.900

TT	Đối tượng	31/12/2022	31/12/2023	31/03/2024
	Hồ Chí Minh			
-	Ngân hàng Oceanbank – CN Quảng Ninh	48.960.943.490	49.392.103.823	49.138.278.823
-	Ngân hàng Đại Chúng TNHH KASIKORNBANK – CN TP. HCM	65.412.650.008	99.825.448.429	95.911.615.934
-	Ngân hàng Bangkok Bank – CN Hà Nội	0	139.740.480.562	139.740.480.562
-	Ngân hàng TNHH MTV United Overseas Bank (Việt Nam), CN Hà Nội	0	0	35.588.249.700
II	Vay dài hạn	314.195.182.234	223.281.172.991	264.230.628.837
1	Vay dài hạn ngân hàng	50.123.104.015	23.484.360.993	17.825.246.050
-	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – CN Hưng Yên	23.002.806.050	7.002.806.050	7.002.806.050
-	Ngân hàng TMCP Tiên Phong – CN Thăng Long	8.737.191.942	0	0
-	Ngân TMCP Quân đội – CN Thanh Xuân	11.640.666.023	4.869.114.943	0
-	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – CN Sở giao dịch 1	6.742.440.000	11.612.440.000	10.822.440.000
2	Vay cá nhân dài hạn	0	134.500.000.000	0
	Nguyễn Thị Hạnh	0	30.000.000.000	0
	Vũ Thị Hương	0	30.000.000.000	0
	Phan Ngọc Anh	0	30.000.000.000	0
	Đào Nguyên Cương	0	23.500.000.000	0
	Nguyễn Chí Cách	0	21.000.000.000	0
3	Vay bên liên quan dài hạn	0	40.000.000.000	0
	CTCP Thuận Đức Eco	0	40.000.000.000	0
4	Nợ thuế tài chính	39.442.078.219	25.296.811.998	18.785.382.787
	Nợ thuế tài chính dài hạn (trên 1-5 năm)	39.442.078.219	25.296.811.998	18.785.382.787
5	Trái phiếu	224.630.000.000	0	227.620.000.000
	Tổng cộng	1.902.673.346.680	2.103.858.406.842	2.222.114.131.048

Nguồn: BCTC riêng năm 2022, 2023 đã được kiểm và BCTC riêng Quý I/2024 của TDP

Bảng 32: Chi tiết các khoản vay ngân hàng (hợp nhất)

Đơn vị: đồng

TT	Đối tượng	31/12/2022	31/12/2023	31/03/2024
I	Vay ngắn hạn	1.920.565.420.448	2.184.480.482.987	2.257.886.929.772
<i>1</i>	<i>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>1.920.565.420.448</i>	<i>2.184.480.482.987</i>	<i>2.257.886.929.772</i>
-	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – CN Sở giao dịch 1	581.753.764.110	797.066.847.941	887.109.066.297
-	Ngân hàng Agribank-CN Hưng Yên	298.535.812.396	298.887.657.761	298.969.780.834
-	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội – CN Thanh Xuân	399.928.521.165	399.606.489.658	380.878.550.598
-	Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam – CN Sở Giao dịch	89.531.883.396	22.744.301.780	0
-	Ngân hàng Hongleong Việt Nam – CN Hà Nội	65.344.196.121	71.572.697.559	66.366.202.341
-	Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam – CN Hoàn Kiếm	67.354.895.313	67.896.669.970	67.939.078.689
-	Ngân hàng Vpbank – Hội sở chính	68.643.020.553	0	2.677.516.420
-	Ngân hàng Tpbank – CN Bắc Từ Liêm	18.919.730.000	59.962.503.135	60.076.688.840
-	Ngân hàng Sinopacs – CN TP Hồ Chí Minh	34.029.967.610	23.697.770.500	19.667.178.900
-	Ngân hàng Oceanbank – CN Quảng Ninh	48.960.943.490	49.392.103.823	49.138.278.823
-	Ngân hàng Đại Chúng TNHH KASIKORNBANK – CN TP. HCM	65.412.650.008	99.825.448.429	95.911.615.934
-	Ngân hàng Bangkok Bank – CN Hà Nội	0	139.740.480.562	139.740.480.562
-	Ngân hàng VP Bank – Chi nhánh Thăng Long	39.707.986.163	48.392.891.013	48.918.324.253
-	Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Hai Bà Trưng	142.442.050.123	105.694.620.856	104.905.917.581
-	Ngân hàng TNHH MTV United Overseas Bank (Việt Nam), CN Hà Nội	0	0	35.588.249.700
II	Vay dài hạn	346.055.062.099	227.125.206.359	267.315.688.194

1	Vay dài hạn	75.103.054.468	63.484.360.993	17.825.246.050
-	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – CN Hưng Yên	23.002.806.050	7.002.806.050	7.002.806.050
-	Ngân hàng TMCP Tiên Phong – CN Thăng Long	8.737.191.942	0	0
-	Ngân hàng TMCP Quân đội – CN Thanh Xuân	35.525.041.052	4.869.114.943	0
-	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Sở giao dịch 1	6.742.440.000	11.612.440.000	0
-	Ngân hàng TMCP Tiên Phong	1.095.575.424	0	0
-	Công ty CP Thuận Đức ECO	0	40.000.000.000	0
2	Vay cá nhân dài hạn	0	134.500.000.000	0
-	Nguyễn Thị Hạnh	0	30.000.000.000	0
-	Vũ Thị Hương	0	30.000.000.000	0
-	Phan Ngọc Anh	0	30.000.000.000	0
-	Đào Nguyễn Cường	0	23.500.000.000	0
-	Nguyễn Chí Cách	0	21.000.000.000	0
3	Nợ thuế tài chính	46.322.007.631	29.140.845.366	21.870.442.144
-	Nợ thuế tài chính dài hạn	46.322.007.631	29.140.845.366	21.870.442.144
4	Trái phiếu	224.630.000.000	0	227.620.000.000
	Tổng cộng	2.266.620.482.547	2.411.605.689.346	2.525.202.617.966

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2022, 2023 đã được kiểm toán, BCTC hợp nhất Quý I/2024 của TDP

11.1.7. Tình hình công nợ của Tổ Chức Đăng Ký Niên Yết

- ❖ Tổng số nợ phải thu của Công ty hợp nhất tại 31/12/2022 là 882 tỷ đồng; tổng số nợ phải thu của riêng Công ty mẹ tại 31/12/2022 là 795 tỷ đồng. Tổng số nợ phải thu của Công ty hợp nhất tại 31/12/2023 là 729 tỷ đồng và tại 31/03/2024 là 663 tỷ đồng. Tổng số nợ phải thu của riêng Công ty mẹ tại 31/12/2023 là 663 tỷ đồng và tại 31/03/2024 là 632 tỷ đồng.
- ❖ Tổng số nợ phải trả của Công ty hợp nhất tại 31/12/2022 là 237 tỷ đồng; tổng số nợ phải trả của riêng Công ty tại 31/12/2022 là 191 tỷ đồng. Tổng số nợ phải trả của Công ty hợp nhất tại 31/12/2023 là 401 tỷ đồng và tại 31/03/2024 là 405 tỷ đồng. Tổng số nợ phải trả của riêng Công ty mẹ tại 31/12/2023 là 303 tỷ đồng và tại 31/03/2024 là 326 tỷ đồng.

- ❖ Các khoản phải thu:

Bảng 33: Chi tiết các khoản phải thu của Công ty hợp nhất

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2022	31/12/2023	31/03/2024
Các khoản phải thu ngắn hạn	623.314.640.427	569.066.843.337	505.437.037.710

Chỉ tiêu	31/12/2022	31/12/2023	31/03/2024
Phải thu khách hàng	349.065.116.720	353.652.759.936	310.535.630.839
Trả trước người bán	243.160.238.399	183.553.532.502	141.063.000.310
Phải thu cho vay ngắn hạn	4.050.000.000	0	27.000.000.000
Các khoản phải thu khác	27.039.285.308	31.860.550.899	26.838.406.561
Các khoản phải thu dài hạn	258.494.442.624	159.872.768.346	158.037.960.601
Tổng cộng	881.809.083.051	728.939.611.683	663.474.998.311

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2022, 2023 được kiểm toán và BCTC hợp nhất Quý I/2024

Bảng 34: Chi tiết các khoản phải thu của công ty mẹ

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2022	31/12/2023	31/03/2024
Các khoản phải thu ngắn hạn	587.555.163.268	557.459.597.740	527.206.002.803
Phải thu khách hàng	341.140.530.292	359.779.071.282	361.261.718.179
Trả trước người bán	210.566.087.797	156.899.282.732	130.998.742.958
Phải thu cho vay ngắn hạn	-	-	0
Các khoản phải thu khác	35.848.545.179	40.781.243.726	34.945.541.666
Các khoản phải thu dài hạn	207.046.152.036	105.385.641.714	104.525.124.958
Tổng cộng	794.601.315.304	662.845.239.454	631.731.127.761

Nguồn: BCTC riêng năm 2022, 2023 được kiểm toán của TDP và BCTC riêng Quý I/2024

❖ Các khoản phải trả:

Bảng 35: Chi tiết các khoản phải trả hợp nhất

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2022	31/12/2023	31/03/2024
Phải trả cho người bán	162.359.519.000	284.289.860.730	308.613.140.638
Người mua trả tiền trước	15.797.713.356	63.559.732.187	39.665.555.398
Thuế và các khoản phải nộp cho Nhà nước	29.226.101.655	27.142.286.033	29.500.595.259
Phải trả người lao động	14.564.153.384	13.060.675.303	14.377.452.845
Chi phí phải trả	12.449.750.297	7.892.558.577	7.175.221.763
Doanh thu chưa thực hiện	141.891.821	2.178.595.771	606.029.380
Các khoản phải trả	2.146.080.545	2.849.750.159	4.856.298.225
Tổng cộng	236.685.210.058	400.973.458.760	404.794.293.508

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2022, 2023 đã được kiểm toán và BCTC hợp nhất Quý I/2024

Bảng 36: Chi tiết các khoản phải trả Công ty mẹ

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2022	31/12/2023	31/03/2024
Phải trả cho người bán	130.498.726.505	231.680.329.812	247.715.001.329
Người mua trả tiền trước	15.495.465.014	32.109.433.524	33.778.328.384
Thuế và các khoản phải nộp cho	22.867.820.731	21.851.945.552	24.176.216.501

Chỉ tiêu	31/12/2022	31/12/2023	31/03/2024
Nhà nước			
Phải trả người lao động	9.571.093.946	9.217.466.406	10.056.715.138
Chi phí phải trả	10.957.722.410	6.533.890.618	6.259.244.997
Các khoản phải trả. Phải nộp khác	1.344.956.205	1.888.345.189	3.850.351.914
Tổng cộng	190.735.784.811	303.281.411.101	325.835.858.263

Nguồn: BCTC riêng năm 2022, 2023 đã được kiểm toán và BCTC riêng Quý I/2024 của TDP

11.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng 37: Một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Công ty hợp nhất

Nội dung	Đơn vị	Năm 2022	Năm 2023
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn (<i>Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn</i>)	Lần	1,05	1,02
Hệ số thanh toán nhanh (<i>Tài sản ngắn hạn – Hàng tồn kho/Nợ ngắn hạn</i>)	Lần	0,61	0,51
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	Lần	0,75	0,77
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	3,08	3,29
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho (<i>Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân</i>)	Lần	3,07	2,99
Vòng quay tổng tài sản (<i>Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân</i>)	Lần	1,07	1,09
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu (ROS): (<i>Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần</i>)	%	2,89	1,11
ROEA (<i>Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân</i>)	%	12,22	5,07
ROAA (<i>Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân</i>)	%	3,09	1,21
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	3,94	2,08

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2022, 2023 đã được kiểm toán của TDP

Bảng 38: Một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Công ty mẹ

Nội dung	Đơn vị	Năm 2022	Năm 2023
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn (<i>Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn</i>)	Lần	1,04	1,02
Hệ số thanh toán nhanh (<i>Tài sản ngắn hạn – Hàng tồn kho/Nợ ngắn hạn</i>)	Lần	0,68	0,58
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	Lần	0,72	0,74
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	2,62	2,85
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			

Nội dung	Đơn vị	Năm 2022	Năm 2023
Vòng quay hàng tồn kho (Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân)	Lần	3,77	3,75
Vòng quay tổng tài sản (Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân)	Lần	1,10	1,10
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu (ROS): (Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần)	%	2,80	1,33
ROEA (Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân)	%	10,75	5,46
ROAA (Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân)	%	3,08	1,46
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	3,73	2,22

Nguồn: BCTC riêng năm 2022, 2023 đã được kiểm toán của TDP

12. Thông tin về Hội đồng quản trị, Ban tổng giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng

12.1 Hội đồng quản trị

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Nguyễn Đức Cường	Chủ tịch HĐQT
2	Ngô Kim Dung	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc
3	Nguyễn Kim Anh	Thành viên HĐQT kiêm người phụ trách quản trị
4	Bùi Quang Sỹ	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
5	Phạm Văn Chí	Thành viên HĐQT độc lập
6	Nguyễn Văn Trường	Thành viên HĐQT độc lập
7	Trần Đăng Duy	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc

12.1.1 Ông Nguyễn Đức Cường – Chủ tịch Hội đồng quản trị

- Họ và tên : Nguyễn Đức Cường
- Giới tính : Nam
- Điện thoại liên hệ : 0221 3 810705
- Ngày tháng năm sinh : 16/12/1970
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ thường trú : NQ02-10 Vinhomes Riverside 2, Việt Hưng, Long Biên, Hà Nội
- Trình độ học vấn : Kỹ sư
- Năng lực chuyên môn : Kỹ sư hóa (chuyên ngành nhựa)

Quá trình công tác :

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
1990 – 2002	Học tập và làm việc trong các Doanh nghiệp chế tạo máy và sản xuất ngành nhựa tại Trung Quốc	
2003 – 2006	Công ty cổ phần Tiến Long	Giám đốc
01/2007 – nay	Công ty Cổ phần Thuận Đức	Chủ tịch HĐQT, Đại diện theo pháp luật
01/2018 – nay	Công ty cổ phần Thuận Đức Eco	Chủ tịch HĐQT
07/2014 – nay	Công ty cổ phần Sản xuất Bao bì Thái Yên	Chủ tịch HĐQT
11/2021 – nay	Công ty cổ phần Thuận Đức Bim Sơn	Chủ tịch HĐQT
08/2021 – nay	Công ty cổ phần Thuận Đức JB	Chủ tịch HĐQT
11/2019 – nay	Công ty TNHH Thuận Đức Hưng Yên.	Chủ tịch Công ty

- Chức vụ công tác hiện nay: Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty cổ phần Thuận Đức, Đại diện theo pháp luật
- Chức vụ đang nắm giữ ở các Công ty khác:
 - + Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Thuận Đức Eco
 - + Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Sản xuất bao bì Thái Yên
 - + Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Thuận Đức Bim Sơn
 - + Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Thuận Đức JB
 - + Chủ tịch Công ty TNHH Thuận Đức Hưng Yên.
- Số cổ phần nắm giữ: 27.346.034 cổ phần (tương ứng 34,10 % vốn điều lệ). Trong đó:
 - + Sở hữu cá nhân: 27.346.034 cổ phần (tương ứng với 34,10 % vốn điều lệ)
 - + Được ủy quyền đại diện: 0 cổ phần (tương ứng với 0% vốn điều lệ)
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người có liên quan:

STT	Họ và tên	Quan hệ	Số lượng cổ phần nắm giữ (cổ phần)	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Ngô Kim Dung	Vợ	5.766.284	7,19
2	Nguyễn Kim Anh	Con	1.243.163	1,55
3	Nguyễn Đức Chính	Con	3.245.344	4,05
4	Nguyễn Đức Thịnh	Em trai	1.243.792	1,55
5	Nguyễn Thị Hằng	Em gái	201.552	0,25
6	Nguyễn Văn Tuyển	Em rể	125.881	0,16
7	Dương Ngân Liên	Em dâu	5.285	0,01

- Các khoản nợ đối với Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết: Không
- Lợi ích liên quan đối với Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết:

Nội dung	Năm 2021 (đồng)	Năm 2022 (đồng)	Năm 2023 (đồng)
Thù lao HĐQT/BKS	60.000.000	160.000.000	240.000.000
Tiền lương (*)	773.507.538	735.250.000	746.808.000

Lợi ích khác/Cổ phiếu ESOP	Không có	Không có	Không có
----------------------------	----------	----------	----------

(*) Ông Nguyễn Đức Cường – Chủ tịch Hội đồng quản trị TDP là Người đại diện theo pháp luật của Công ty có tham gia điều hành công ty và được hưởng thu nhập theo chế độ của Công ty.

12.1.2 Bà Ngô Kim Dung – Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc

- Họ và tên : Ngô Kim Dung
- Giới tính : Nữ
- Điện thoại liên hệ: 0221 3 810705
- Ngày tháng năm sinh: 07/04/1972
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ thường trú: NQ02-10 Vinhomes Riverside 2, Việt Hưng, Long Biên, Hà Nội
- Trình độ học vấn: Cử nhân
- Năng lực chuyên môn: Cử nhân kinh tế (Chuyên ngành Quản trị kinh doanh)
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
1993 – 2011	TT. Đồng Đăng, H. Cao Lộc, T. Lạng Sơn	Kinh doanh
10/2012 – nay	Công ty Cổ phần Thuận Đức	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc
01/2018 – nay	Công ty cổ phần Thuận Đức Eco	Thành viên HĐQT

- Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Thuận Đức.
- Chức vụ đang nắm giữ ở các Công ty khác: Thành viên HĐQT CTCP Thuận Đức Eco
- Số cổ phần nắm giữ: 5.766.284 cổ phần (tương ứng 7,19% vốn điều lệ). Trong đó:
 - + Sở hữu cá nhân: 5.766.284 cổ phần (tương ứng với 7,19% vốn điều lệ),
 - + Được ủy quyền đại diện: 0 cổ phần (tương ứng với 0% vốn điều lệ).
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người có liên quan:

STT	Họ và tên	Quan hệ	Số lượng cổ phần nắm giữ (cổ phần)	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Nguyễn Đức Cường	Chồng	27.346.034	34,10
2	Nguyễn Kim Anh	Con	1.243.163	1,55
3	Nguyễn Đức Chính	Con	3.245.344	4,05
4	Nguyễn Thị Lái	Chị dâu	472.055	0,59
5	Nguyễn Thị Vinh	Em dâu	351.232	0,44
6	Ngô Thị Yên	Chị gái	157.351	0,20

STT	Họ và tên	Quan hệ	Số lượng cổ phần năm giữ (cổ phần)	Tỷ lệ sở hữu (%)
7	Ngô Thúy Nga	Chị gái	314.703	0,39

- Các khoản nợ đối với Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết: Không
- Lợi ích liên quan đối với Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết:

Nội dung	Năm 2021 (đồng)	Năm 2022 (đồng)	Năm 2023 (đồng)
Thù lao HĐQT/BKS	36.000.000	120.000.000	180.000.000
Tiền lương	760.874.308	735.250.000	746.808.000
Lợi ích khác/Cổ phiếu ESOP	Không có	Không có	Không có

12.1.3 Bà Nguyễn Kim Anh – Thành viên HĐQT kiêm Người phụ trách quản trị Công ty

- Họ và tên : Nguyễn Kim Anh
- Giới tính : Nữ
- Điện thoại liên hệ: 0221 3 810705
- Ngày tháng năm sinh: 12/03/1993
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ thường trú: NQ 02 – 10 Vinhomes Riverside 2, Việt Hưng, Long Biên, Hà Nội
- Trình độ học vấn: Cử nhân
- Năng lực chuyên môn: Cử nhân Kinh tế (Chuyên ngành Tài chính – Ngân hàng – Bảo hiểm)
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
01/06/2015 – 01/12/2017	Công ty Cổ phần Thuận Đức	Nhân viên Phòng Kinh doanh Quốc tế
01/12/2017 – 01/12/2018	Công ty Cổ phần Thuận Đức	Phó Phòng Kinh doanh Quốc tế
01/12/2018 – 05/2021	Công ty TNHH Hoàng Anh Kinh Bắc	Phó Giám đốc
23/04/2019 – 28/06/2020	CTCP Thuận Đức	Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc
28/06/2020 – nay	CTCP Thuận Đức	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc
05/2021 – nay	CTCP Thuận Đức Eco	Tổng Giám đốc

- Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên HĐQT kiêm người phụ trách quản trị công ty.
- Chức vụ đang nắm giữ ở các Công ty khác: Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Thuận Đức Eco.
- Số cổ phần năm giữ: 1.243.163 cổ phần (tương ứng 1,55% vốn điều lệ). Trong đó:
 - + Sở hữu cá nhân: 1.243.163 cổ phần (tương ứng với 1,55% vốn điều lệ)

+ Được ủy quyền đại diện: 0 cổ phần (tương ứng với 0 % vốn điều lệ)

- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người có liên quan:

STT	Họ và tên	Quan hệ	Số lượng cổ phần nắm giữ (cổ phần)	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Nguyễn Đức Cường	Bố	27.346.034	34,10
2	Ngô Kim Dung	Mẹ	5.766.284	7,19
3	Nguyễn Đức Chính	Em trai	3.245.344	4,05

- Các khoản nợ đối với Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết: Không;

- Lợi ích liên quan đối với Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết:

Nội dung	Năm 2021 (đồng)	Năm 2022 (đồng)	Năm 2023 (đồng)
Thù lao HĐQT/BKS	36.000.000	120.000.000	180.000.000
Tiền lương	273.000.000	0	0
Lợi ích khác/Cổ phiếu ESOP	Không có	Không có	Không có

12.1.4 Ông Bùi Quang Sỹ – Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc

- Họ và tên : Bùi Quang Sỹ
- Giới tính : Nam
- Điện thoại liên hệ: 0221 3 810705
- Ngày tháng năm sinh: 25/12/1978
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ thường trú: Tầng 37 CC Cao cấp 210 Quang Trung, Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội
- Trình độ học vấn: Cử nhân
- Năng lực chuyên môn: Cử nhân Luật – Luật sư
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
2003 – 2005	Thị hành án dân sự TP. Hòa Bình	Chấp hành viên
2005 – 2008	Trung tâm ĐTDĐ CDMA Hà Nội – Công ty cổ phần Bưu chính viễn thông Sài Gòn	Chuyên viên – Trưởng nhóm hỗ trợ và pháp lý
2008 – 2010	Công ty cổ phần Quảng cáo Truyền thông Việt (vietmedia)	Phó Tổng giám đốc
2010 – 2011	Công ty TNHH Xây Dựng Hải Hà	Giám đốc Chi nhánh
2011 – 2012	Công ty cổ phần Đầu tư Kinh doanh Khoáng sản Việt (vietmine.jsc.)	Trợ lý TGD kiêm Trưởng phòng Hành chính nhân sự
2012 – 2015	Công ty CP Casablanca	Trưởng phòng HCNS
2015 – 11/2021	Công ty CP Thuận Đức	Phó Tổng Giám đốc
12/2021 – nay	Công ty cổ phần Thuận Đức	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
01/2018 – nay	Công ty cổ phần Thuận Đức Eco	Thành viên HĐQT

- Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc CTCP Thuận Đức.
- Chức vụ đang nắm giữ ở các Công ty khác: Thành viên HĐQT CTCP Thuận Đức Eco
- Số cổ phần nắm giữ: 48.462 cổ phần (tương ứng 0,06% vốn điều lệ). Trong đó:
 - + Sở hữu cá nhân: 48.462 cổ phần (tương ứng với 0,06% vốn điều lệ)
 - + Được ủy quyền đại diện: 0 cổ phần (tương ứng với 0% vốn điều lệ)
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người có liên quan: Không có.
- Các khoản nợ đối với Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết: Không
- Lợi ích liên quan đối với Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết:

Nội dung	Năm 2021 (đồng)	Năm 2022 (đồng)	Năm 2023 (đồng)
Thù lao HĐQT/BKS	0	120.000.000	180.000.000
Tiền lương	742.874.308	736.450.000	745.308.000
Lợi ích khác/Cổ phiếu ESOP	Không có	Không có	Không có

12.1.5 Ông Phạm Văn Chí – Thành viên Hội đồng Quản trị độc lập

- Họ và tên : Phạm Văn Chí
- Giới tính : Nam
- Điện thoại liên hệ: 0221 3 810705
- Ngày tháng năm sinh: 18/05/1975
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ thường trú: Võ Ninh – Quảng Ninh – Quảng Bình
- Trình độ học vấn: Kỹ sư
- Năng lực chuyên môn: Kỹ sư kỹ thuật in
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
06/2010 – nay	Công ty Cổ phần Thuận Đức	Thành viên HĐQT

- Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên HĐQT độc lập Công ty cổ phần Thuận Đức.
- Chức vụ đang nắm giữ ở các Công ty khác: Không
- Số cổ phần nắm giữ: 19.384 cổ phần (tương ứng 0,02% vốn điều lệ). Trong đó:

- + Sở hữu cá nhân: 19.384 cổ phần (tương ứng với 0,02% vốn điều lệ),
- + Được ủy quyền đại diện: 0 cổ phần (tương ứng với 0% vốn điều lệ).
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người có liên quan: không có
- Các khoản nợ đối với Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết: Không
- Lợi ích liên quan đối với Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết:

Nội dung	Năm 2021 (đồng)	Năm 2022 (đồng)	Năm 2023 (đồng)
Thù lao HĐQT/BKS	36.000.000	120.000.000	180.000.000
Tiền lương	0	0	0
Lợi ích khác/Cổ phiếu ESOP	Không có	Không có	Không có

12.1.6 Ông Nguyễn Văn Trường – Thành viên Hội đồng Quản trị độc lập

- Họ và tên : Nguyễn Văn Trường
- Giới tính : Nam
- Điện thoại liên hệ : 0221 3 810705
- Ngày tháng năm sinh : 26/12/1985
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ thường trú : Ngõ 56, đường 20 tháng 8, thị trấn Lương Bằng, huyện Kim Động, Tỉnh Hưng Yên
- Trình độ học vấn : Kỹ sư
- Năng lực chuyên môn : Kỹ sư cơ khí giao thông vận tải
- Quá trình công tác :

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
06/2008 – nay	Công ty cổ phần Thuận Đức	Thành viên HĐQT

- Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên HĐQT độc lập Công ty cổ phần Thuận Đức.
- Chức vụ đang nắm giữ ở các Công ty khác: Không
- Số cổ phần nắm giữ: 657.007 cổ phần (tương ứng 0,82 % vốn điều lệ). Trong đó:
 - + Sở hữu cá nhân: 657.007 cổ phần (tương ứng với 0,82 % vốn điều lệ),
 - + Được ủy quyền đại diện: 0 cổ phần (tương ứng với 0 % vốn điều lệ).
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người có liên quan:

STT	Họ và tên	Quan hệ	Số lượng cổ phần nắm giữ (cổ phần)	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Đặng Thùy Dung	Vợ	9,296	0,01

- Các khoản nợ đối với Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết: Không
- Lợi ích liên quan đối với Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết:

Nội dung	Năm 2021 (đồng)	Năm 2022 (đồng)	Năm 2023 (đồng)
Thù lao HĐQT/BKS	36.000.000	120.000.000	180.000.000
Tiền lương	0	0	0
Lợi ích khác/Cổ phiếu ESOP	Không có	Không có	Không có

12.1.7 Ông Trần Đăng Duy – Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Phó Tổng Giám Đốc

- Họ và tên : Trần Đăng Duy
- Giới tính : Nam
- Điện thoại liên hệ: 0221 3 810705
- Ngày tháng năm sinh: 13/06/1982
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ thường trú: Số 4, Tập thể trạm điều dưỡng Sờ Xây dựng, Phúc Xá, Ba Đình, Hà Nội.
- Trình độ học vấn: Thạc sỹ
- Năng lực chuyên môn: Thạc sỹ quản trị kinh doanh
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
11/2008 – 10/2010	Công ty cổ phần Đầu tư – Phát triển Đô thị Phố Wall	Giám đốc Sản giao dịch bất động sản Phố Wall kiêm Phó Phòng Tư vấn tài chính doanh nghiệp (IB)
09/2010 – 10/2014	Công ty cổ phần Chứng Khoán Woori CBV	Giám đốc khối môi giới và phát triển hệ thống kiêm Phó phòng tư vấn tài chính doanh nghiệp (IB)
08/2014 – 11/2018	Công ty cổ phần Tập đoàn Tiến Bộ	Phó Tổng Giám đốc/ Giám đốc Tài chính
07/2017 – 07/2018	Công ty Cổ phần Thương mại Hà Tây	Thành viên HĐQT

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
2014 – 2018	Giảng viên chuyên đề Chứng khoán và Thị trường Chứng khoán tại Khoa Tài chính	Học viện Ngân hàng
11/2018 – 6/2021	Công ty cổ phần Thuận Đức	Giám đốc Tài chính Chứng khoán và M&A
06/2021 – nay	Công ty cổ phần BDS Đồng Quê	Tổng Giám đốc
07/2021 – 04/2023	Công ty cổ phần Thuận Đức	Trợ lý chủ tịch HĐQT
04/2023-20/12/2023	Công ty cổ phần Thuận Đức	Kế toán trưởng
04/2023 – nay	Công ty cổ phần Thuận Đức	Phó Tổng Giám đốc, Thành viên HĐQT

- Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc CTCP Thuận Đức
- Chức vụ đang nắm giữ ở các Công ty khác: Tổng Giám đốc CTCP bất động sản Đồng Quê
- Số cổ phần nắm giữ: 2.955.744 cổ phần (tương ứng 3,69% vốn điều lệ). Trong đó:
 - + Sở hữu cá nhân: 2.955.744 cổ phần (tương ứng với 3,69% vốn điều lệ)
 - + Được ủy quyền đại diện: 0 cổ phần (tương ứng với 0% vốn điều lệ)
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người có liên quan: không có
- Các khoản nợ đối với Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết: Không
- Lợi ích liên quan đối với Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết:

Nội dung	Năm 2021 (đồng)	Năm 2022 (đồng)	Năm 2023 (đồng)
Thù lao HĐQT/BKS	0	0	120.000.000
Tiền lương	0	0	450.000.000
Lợi ích khác/Cổ phiếu ESOP	Không có	Không có	Không có

12.2 Ban Tổng giám đốc

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Bùi Quang Sỹ	Tổng giám đốc
2	Ngô Kim Dung	Phó Tổng giám đốc
3	Trần Đăng Duy	Phó Tổng giám đốc

12.2.1 Ông Bùi Quang Sỹ – Tổng giám đốc

Thông tin xem ở phần Thành viên Hội đồng quản trị

12.2.2 Bà Ngô Kim Dung – Phó Tổng Giám đốc

Thông tin xem ở phần Thành viên Hội đồng quản trị

12.2.3 Ông Trần Đăng Duy – Phó Tổng giám đốc

Thông tin xem ở phần Thành viên Hội đồng quản trị

12.3 Ban Kiểm soát

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Bùi Huy Hoàng	Trưởng Ban kiểm soát
2	Trần Việt Thắng	Phó Ban Kiểm soát
3	Nguyễn Thị Nguyệt	Thành viên BKS

12.3.1 Ông Bùi Huy Hoàng – Trưởng Ban kiểm soát

- Họ và tên : Bùi Huy Hoàng
- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh: 20/12/1994
- Quốc tịch : Việt Nam
- Điện thoại liên hệ: 0221 3 810705
- Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ thường trú : Xã Đức Hợp, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
- Trình độ học vấn : Cử nhân
- Năng lực chuyên môn: Cử nhân Kinh tế (Chuyên ngành kiểm toán, tài chính doanh nghiệp)
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
2016 – 2020	Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam	Kiểm toán viên
06/2020 – 24/04/2022	Công ty Cổ phần Thuận Đức	Thành viên BKS
24/04/2022 – nay		Trưởng BKS

- Chức vụ công tác hiện nay: Trưởng Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Thuận Đức
- Chức vụ tại các tổ chức khác: Không
- Số cổ phần nắm giữ: 8.000 cổ phần (tương ứng 0,01 % vốn điều lệ). Trong đó:
 - + Sở hữu cá nhân: 8.000 cổ phần (tương ứng với 0,01 % vốn điều lệ),
 - + Được ủy quyền đại diện: 0 cổ phần (tương ứng với 0 % vốn điều lệ).

- Số cổ phần những người có liên quan nắm giữ: Không có.
- Các khoản nợ đối với Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết: Không
- Lợi ích liên quan đối với Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết:

Nội dung	Năm 2021 (đồng)	Năm 2022 (đồng)	Năm 2023 (đồng)
Thù lao HĐQT/BKS	24.000.000	88.000.000	120.000.000
Lợi ích khác/Cổ phiếu ESOP	Không có	Không có	Không có

12.3.2 Ông Trần Việt Thắng – Phó Ban kiểm soát

- Họ và tên : Trần Việt Thắng
- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh: 07/09/1985
- Quốc tịch : Việt Nam
- Điện thoại liên hệ: 0221 3 810705
- Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ thường trú: Thôn Mai Viên – Xã Song Mai – Huyện Kim Động – Tỉnh Hưng Yên
- Trình độ học vấn : Cử nhân
- Năng lực chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
12/2006 – 07/2014	Công ty Thành An 141 – Binh đoàn 11 – BQP	Nhân viên, Trợ lý Ban tài chính
08/2014 – 09/2019	Công ty TNHH MTV 129 – Ban cơ yếu chính phủ	Nhân viên, Trợ lý Ban Tài chính
10/2019 – 24/04/2022	Công ty cổ phần Thuận Đức	Nhân viên kế toán, Phó Ban Nguồn
24/04/2022 – nay	Công ty Cổ phần Thuận Đức	Phó Ban Kiểm soát

- Chức vụ công tác hiện nay: Phó Ban Kiểm soát
- Chức vụ tại các tổ chức khác: Không
- Số cổ phần nắm giữ: 10.000 cổ phần (tương ứng 0,01 % vốn điều lệ). Trong đó:
 - + Sở hữu cá nhân: 10.000 cổ phần (tương ứng với 0,01 % vốn điều lệ)
 - + Được ủy quyền đại diện: 0 cổ phần (tương ứng với 0 % vốn điều lệ)
- Số cổ phần những người có liên quan nắm giữ: không có.
- Các khoản nợ đối với Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết: Không

- Lợi ích liên quan đối với Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết:

Nội dung	Năm 2021 (đồng)	Năm 2022 (đồng)	Năm 2023 (đồng)
Thù lao HĐQT/BKS	0	64.000.000	96.000.000
Lợi ích khác/Cổ phiếu ESOP	Không có	Không có	Không có

12.3.3 Bà Nguyễn Thị Nguyệt – Thành viên Ban kiểm soát

- Họ và tên : Nguyễn Thị Nguyệt
- Giới tính : Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 18/01/1981
- Quốc tịch : Việt Nam
- Điện thoại liên hệ: 0221 3 810705
- Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ thường trú: Thôn Duyên Yên, Xã Ngọc Thanh, Huyện Kim Động, Tỉnh Hưng Yên.
- Trình độ học vấn: Cử nhân
- Năng lực chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
2006 – 2008	Công ty Công ty cổ phần may 01/05	Kế toán công nợ
2008 – 2009	Công ty TNHH bao bì Lâm Việt An	Kế toán tổng hợp
2009 – 2010	Công ty TNHH may Hương Linh	Kế toán tổng hợp
2010 – 24/04/2022	Công ty cổ phần Thuận Đức	Kế toán viên, Trưởng ban nguồn vốn
24/04/2022 – nay	Công ty Cổ phần Thuận Đức	Thành viên Ban kiểm soát, Trưởng ban nguồn vốn

- Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên Ban Kiểm soát
- Chức vụ tại các tổ chức khác: Không
- Số cổ phần nắm giữ: 5.813 cổ phần (tương ứng 0,01 % vốn điều lệ). Trong đó:
 - + Sở hữu cá nhân: 5.813 cổ phần (tương ứng với 0,01 % vốn điều lệ)
 - + Được ủy quyền đại diện: 0 cổ phần (tương ứng với 0 % vốn điều lệ)
- Số cổ phần những người có liên quan nắm giữ: Không có.
- Các khoản nợ đối với Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết: Không
- Lợi ích liên quan đối với Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết:

Nội dung	Năm 2021 (đồng)	Năm 2022 (đồng)	Năm 2023 (đồng)
Thù lao HĐQT/BKS	0	40.000.000	60.000.000
Lợi ích khác/Cổ phiếu ESOP	Không có	Không có	Không có

12.4 Kế toán trưởng: Bà Đào Thị Nga – Kế toán trưởng

- Họ tên : Đào Thị Nga
- Giới tính : Nữ
- Ngày sinh : 08/10/1989
- Quốc tịch : Việt Nam
- Điện thoại liên hệ: 0973776439
- Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ thường trú: Đồng Long, Hùng An, Kim Động, Hưng Yên
- Trình độ học vấn: 12/12
- Năng lực chuyên môn: Cử nhân kế toán
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
2013 – T6/2015	Công ty TNHH Orbital	Chuyên viên Kế toán thuế
T7/2015 – T6/2020	CTCP Thuận Đức	Kế toán thuế, kế toán giá thành
T7/2020 – T8/2022	Công ty TNHH Thuận Đức Hưng Yên	Kế toán trưởng
T9/2022 – 19/12/2023	CTCP Thuận Đức Eco	Kế toán trưởng
20/12/2023 – nay	Công ty Cổ phần Thuận Đức	Kế toán trưởng

- Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên Ban Kiểm soát
- Các khoản nợ đối với Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết: Không
- Lợi ích liên quan đối với Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết:

Nội dung	Năm 2021 (đồng)	Năm 2022 (đồng)	Năm 2023 (đồng)
Thù lao HĐQT/BKS	0	0	0
Lợi ích khác/Cổ phiếu ESOP	Không có	Không có	Không có

13. Tài sản

Giá trị tài sản theo Báo cáo tài chính hợp nhất và Báo cáo tài chính riêng được kiểm toán tại

thời điểm ngày 31/12/2022 và 31/12/2023 và 31/03/2024 như sau:

Bảng 39: Tình hình tài sản của Công ty hợp nhất tại thời điểm ngày 31/12/2022

Đơn vị: đồng

Tài sản	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
Tài sản cố định hữu hình	729.272.318.473	260.093.832.490	469.178.485.983
Nhà cửa và vật kiến trúc	226.516.761.449	44.402.085.162	182.114.676.287
Máy móc thiết bị	434.922.410.165	178.448.110.709	256.474.299.456
Phương tiện vận chuyển	53.408.903.029	32.687.225.624	20.721.677.405
Thiết bị văn phòng	10.585.766.012	4.239.006.325	6.346.759.687
Tài sản cố định khác	3.838.477.818	317.404.670	3.521.073.148
Tài sản cố định vô hình	3.359.892.500	763.765.186	2.596.127.314
Phần mềm	3.359.892.500	763.765.186	2.596.127.314
Tổng cộng	732.632.210.973	260.857.597.676	471.774.613.297

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2022 đã được kiểm toán của TDP

Bảng 40: Tình hình tài sản của Công ty mẹ tại thời điểm ngày 31/12/2022

Đơn vị: đồng

Tài sản	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
Tài sản cố định hữu hình	529.796.641.864	205.635.178.186	324.161.463.678
Nhà cửa và vật kiến trúc	153.750.514.734	31.427.619.986	122.322.894.748
Máy móc thiết bị	322.769.684.380	142.722.391.601	180.047.292.779
Phương tiện vận chuyển	46.601.845.228	28.953.209.866	17.648.635.362
Thiết bị văn phòng	5.863.397.522	2.358.327.561	3.505.069.961
Tài sản cố định khác	811.200.000	173.629.172	637.570.828
Tài sản cố định vô hình	2.965.467.500	679.108.522	2.286.358.978
Phần mềm	2.965.467.500	679.108.522	2.286.358.978
Tổng cộng	532.762.109.364	206.314.286.708	326.447.822.656

Nguồn: Báo cáo tài chính riêng năm 2022 đã được kiểm toán của TDP

Bảng 41: Tình hình tài sản của Công ty hợp nhất tại thời điểm ngày 31/12/2023

Đơn vị: đồng

Tài sản	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
Tài sản cố định hữu hình	760.572.799.788	314.185.816.874	446.386.982.914
Nhà cửa và vật kiến trúc	226.828.656.804	55.871.564.254	170.957.092.550
Máy móc thiết bị	454.557.099.233	213.163.691.387	241.393.407.846
Phương tiện vận chuyển	64.207.903.029	38.508.530.185	25.699.372.844
Thiết bị văn phòng	11.140.662.904	5.698.307.184	5.442.355.720
Tài sản cố định khác	3.838.477.818	943.723.864	2.894.753.954
Tài sản cố định vô hình	3.918.842.500	1.456.489.516	2.462.352.984
Phần mềm	3.918.842.500	1.456.489.516	2.462.352.984
Tổng cộng	764.491.642.288	315.642.306.390	448.849.335.898

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2023 đã được kiểm toán của TDP

Bảng 42: Tình hình tài sản của Công ty mẹ tại thời điểm ngày 31/12/2023

Đơn vị: đồng

Tài sản	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
Tài sản cố định hữu hình	545.665.695.592	245.869.642.855	299.796.052.737
Nhà cửa và vật kiến trúc	154.062.410.089	39.799.385.382	114.263.024.707
Máy móc thiết bị	327.055.945.861	168.718.910.814	158.337.035.047
Phương tiện vận chuyển	57.400.845.228	33.939.484.191	23.461.361.037
Thiết bị văn phòng	6.335.294.414	3.129.708.296	3.205.586.118
Tài sản cố định khác	811.200.000	282.154.172	529.045.828
Tài sản cố định vô hình	3.524.417.500	1.300.347.856	2.224.069.644
Phần mềm	3.524.417.500	1.300.347.856	2.224.069.644
Tổng cộng	549.190.113.092	247.169.990.711	302.020.122.381

Nguồn: Báo cáo tài chính riêng năm 2023 đã được kiểm toán của TDP

Bảng 43: Tình hình tài sản của Công ty hợp nhất tại thời điểm ngày 31/03/2024

Đơn vị: đồng

Tài sản	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
Tài sản cố định hữu hình	768.897.945.510	328.943.030.391	439.954.915.119
Nhà cửa và vật kiến trúc	226.828.656.804	58.743.751.285	168.084.905.519
Máy móc thiết bị	455.460.553.233	222.104.434.779	233.356.118.454
Phương tiện vận chuyển	71.575.958.387	40.926.811.763	30.649.146.624
Thiết bị văn phòng	11.111.299.268	6.066.155.918	5.045.143.350
Tài sản cố định khác	3.921.477.818	1.101.876.646	2.819.601.172
Tài sản cố định vô hình	3.918.842.500	1.633.330.390	2.285.512.110
Phần mềm	3.918.842.500	1.633.330.390	2.285.512.110
Tổng cộng	772.816.788.010	330.576.360.781	442.240.427.229

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất Quý I/2024 của TDP

Bảng 44: Tình hình tài sản của Công ty mẹ tại thời điểm ngày 31/03/2024

Đơn vị: đồng

Tài sản	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
Tài sản cố định hữu hình	553.360.322.314	256.771.147.174	296.589.175.140
Nhà cửa và vật kiến trúc	154.062.410.089	41.897.143.989	112.165.266.100
Máy móc thiết bị	327.328.880.861	175.090.132.554	152.238.748.307
Phương tiện vận chuyển	64.768.900.586	36.149.008.210	28.619.892.376
Thiết bị văn phòng	6.388.930.778	3.325.576.999	3.063.353.779
Tài sản cố định khác	811.200.000	309.285.422	501.914.578
Tài sản cố định vô hình	3.524.417.500	1.459.317.481	2.065.100.019
Phần mềm	3.524.417.500	1.459.317.481	2.065.100.019
Tổng cộng	556.884.739.814	258.230.464.655	298.654.275.159

Nguồn: Báo cáo tài chính riêng Quý I/2024 của TDP

14. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong các năm tiếp theo

Bảng 45: Kế hoạch sản xuất kinh doanh và lợi nhuận của TDP trong năm 2024

Chỉ tiêu	Năm 2024	
	Giá trị	% +/- 2023
Doanh thu thuần	3.888 (tỷ VNĐ)	2%
Lợi nhuận sau thuế	78 (tỷ VNĐ)	84%
Vốn chủ sở hữu	1.066 (tỷ VNĐ)	25%
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	2%	81%
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	7%	48%
Cổ tức	10%	0%

Nguồn: Nghị quyết ĐHĐCĐ số 1404/2024/NQ-ĐHĐCĐ-TDP ngày 14/04/2024

❖ Căn cứ đạt được kế hoạch doanh thu, lợi nhuận:

Trong năm 2024 TDP sẽ tập trung vào các giải pháp sau:

- + Tăng cường nghiên cứu và phát triển để tạo ra các sản phẩm nhựa chất lượng cao, thân thiện với môi trường và tiết kiệm nguyên liệu. Tiếp tục xem xét, nghiên cứu để đưa ra thị trường các sản phẩm mới của manh PP không dệt, đa dạng hóa sản phẩm phù hợp với thị trường các sản phẩm mới của manh PP không dệt, đa dạng hóa sản phẩm phù hợp với thị hiếu của khách hàng như túi đập nhiệt, túi T-Shirt,...
- + Đầu tư lắp đặt sản xuất màng để gia tăng tính chủ động về nguyên liệu cho các dòng sản phẩm túi và bao tráng ghép.
- + Đa dạng hóa thị trường xuất khẩu để giảm thiểu rủi ro từ thị trường không ổn định. Tiếp tục mở rộng và khai thác các thị trường tiềm năng mới trong lĩnh vực bao bì (nội địa, thị trường châu Á, Châu Mỹ). Tập trung khai thác phân khúc khách hàng, thị trường có khả năng sinh lời cao như Hàn Quốc, Nhật Bản. Tận dụng tối đa các chứng chỉ về tái chế, các hiệp định thương mại để gia nhập các thị trường mới.
- + Duy trì và phát triển áp dụng chuyển đổi công nghệ số vào các quá trình vận hành, quản trị công ty.
- + Giao hàng và lập thủ tục thanh toán nhanh nhất để thu hồi vốn, tăng vốn quay vốn phục vụ cho nhu cầu SXKD, thực hiện triệt để công tác thu hồi công nợ.
- + Thực hiện nâng cấp, sửa chữa, bảo trì thiết bị để bảo đảm luôn ở trạng thái sẵn sàng phục vụ sản xuất, tận dụng thời cơ để có thêm sản lượng vào những thời điểm nhu cầu thị trường tăng đột biến.

- + Nâng cao khả năng cạnh tranh về giá cả và chất lượng sản phẩm. Đặt chất lượng sản phẩm là yếu tố kiên quyết để tồn tại trên thị trường cạnh tranh và luôn lắng nghe ý kiến phản hồi của khách hàng để sẵn sàng chấn chỉnh và thay đổi.
- + Thực hiện tái cấu trúc nhân sự tối ưu hóa năng lực và hiệu suất lao động.
- + Xây dựng ngân sách và tiết giảm các chi phí sản xuất trong mỗi công đoạn.
- + Áp dụng kỷ luật với người lao động trong việc tiết kiệm vật tư, điện năng và nguyên phụ liệu.

TDP cũng dự kiến những điều kiện thị trường thuận lợi để đạt kế hoạch đề ra:

- + Phân khúc bao bì nhựa dự kiến sẽ tiếp tục dẫn đầu với tốc độ tăng trưởng dự kiến từ 7-9%. Nguyên nhân là do nhu cầu sử dụng bao bì nhựa trong lĩnh vực thương mại điện tử, thực phẩm và đồ uống vẫn đang tăng.
- + Không chỉ trên thế giới mà cả thị trường trong nước, nhu cầu sử dụng sản phẩm nhựa tăng cao trong các ngành công nghiệp đặc biệt là các sản phẩm bao bì thân thiện với môi trường. Đây là một trong những đòn bẩy thúc đẩy sản lượng túi siêu thị của Thuận Đức.
- + Thị trường xuất nhập khẩu bị ảnh hưởng nhưng dư địa thị trường từ các hiệp định thương mại tự do mở ra cơ hội cho xuất khẩu và các ngành kinh tế xanh tuần hoàn.

Bảng 46: Hoạt động sản xuất kinh doanh và lợi nhuận của TDP trong Quý I/2024

Chỉ tiêu	Quý I năm 2024	
	Giá trị	% kế hoạch cả năm 2024
Doanh thu thuần	1.098 (tỷ VNĐ)	28,24%
Lợi nhuận sau thuế	18 (tỷ VNĐ)	22,85%
Vốn chủ sở hữu	927 (tỷ VNĐ)	86,96%
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	1,62%	81,18%
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	1,92%	27,45%

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất Quý I năm 2024

Theo báo cáo tài chính hợp nhất Quý I năm 2024, doanh thu thuần của Công ty trong 3 tháng đầu năm 2024 đạt 1.098 tỷ đồng, tương ứng với 28,24% kế hoạch cả năm 2024 và tăng 21,74% so với số liệu cùng kỳ năm 2024, lợi nhuận sau thuế đạt 18 tỷ đồng tương ứng với 22,85% kế hoạch cả năm và tăng 69,6% so với số liệu cùng kỳ năm 2024. Nhìn chung,

tốc độ tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận quý I năm 2024 triển vọng với nhiều điều kiện thị trường thuận lợi.

Ban Tổng giám đốc Công ty đánh giá rằng các thị trường tiêu thụ của Công ty sẽ tăng trưởng hồi phục mạnh so với nền thấp của năm 2023. Mức doanh thu và lợi nhuận hàng quý sẽ tăng trưởng kép lũy tiến ~10% hàng quý đạt được dự báo mức lợi nhuận sau thuế năm 2024 tối thiểu đạt được 78 tỷ đồng. Trên cơ sở các đơn đặt hàng đã nhận và xu hướng trao đổi với các khách hàng, Bộ phận Kinh doanh của Công ty dự báo rằng thị trường xuất khẩu năm 2024 sẽ tăng trưởng mạnh, các đơn đặt hàng khối lượng lớn sẽ tăng đáng kể và kéo dài hơn thời gian đáp ứng của Công ty. Ước tính sản lượng xuất khẩu chuyển giao từ 110 -140 triệu túi tới khách hàng trong năm, Ban lãnh đạo Công ty tập trung hết sức tháo gỡ các rào cản khó khăn trong sản xuất, bổ sung năng lực kiểm đếm hàng hóa và năng lực vận tải đáp ứng kịp thời tiến độ giao hàng tới khách hàng.

15. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Với tư cách là một tổ chức tư vấn tài chính, Công ty cổ phần Chứng khoán MB đã tiến hành thu thập các thông tin, nghiên cứu, phân tích và đánh giá về hoạt động kinh doanh của Công ty cổ phần Thuận Đức cũng như lĩnh vực kinh doanh mà công ty đang hoạt động. Chúng tôi nhận thấy hoạt động kinh doanh của Công ty cổ phần Thuận Đức ổn định và có tiềm năng phát triển. Nếu không có những biến động bất thường gây ảnh hưởng đến hoạt động của doanh nghiệp, thì kế hoạch lợi nhuận mà Công ty đã đề ra trong những năm tới là khả thi. Do đó, kế hoạch doanh thu, lợi nhuận của Công ty năm 2024 có thể đạt được.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng, các ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của một tổ chức tư vấn chuyên nghiệp, dựa trên cơ sở những thông tin được thu thập có chọn lọc và dựa trên lý thuyết về tài chính chứng khoán mà không hàm ý bảo đảm giá trị của cổ phiếu cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo. Nhận xét này chỉ mang tính tham khảo với nhà đầu tư khi tự mình ra quyết định đầu tư.

16. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết

16.1 Thông tin về các hợp đồng thuê đất của Công ty

Bảng 47: Thông tin về các hợp đồng thuê đất của Công ty

TT	Khu đất	Thời hạn thuê		Loại đất	Diện tích (m2)
		Từ ngày	Đến ngày		

TT	Khu đất	Thời hạn thuê		Loại đất	Diện tích (m ²)
		Từ ngày	Đến ngày		
1	GCNQSD.CG 540257(05/09/2017)- thửa đất 336	5/9/2017	7/11/2057	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	17.635
2	GCNQSD.DG 528308(09/06/2022)-sân thương mại dịch vụ số H4-TM4	9/6/2022	9/8/2068	Đất thương mại dịch vụ, đất ở tại đô thị	195,6
3	GCNQSD.DG 528307(09/06/2022)-sân thương mại dịch vụ số H4-TM3	9/6/2022	9/8/2068	Đất thương mại dịch vụ, đất ở tại đô thị	195,1
4	05/2020PLHĐ	22/1/2020	22/1/2025	Thuê kho Rông Vàng 1	14.657
5	04/2019PLHĐ	1/1/2020	1/1/2025	Thuê kho Rông Vàng 2	10.200
6	1962/2022/RV-TĐ	11/1/2022	22/1/2025	Thuê kho Rông Vàng 3	3.373
7	02/2019/HĐTX-MHHY + PLHĐ ngày 12.04.2022	1/7/2019	30/6/2024	Thuê nhà kho Minh Hải	2.532,14
8	18/2022/HĐTK-TĐ	1/5/2022	30/4/2027	Thuê kho Long An	1.225
9	08/2021/HĐKT	01/05/2021	22/01/2025	Thuê kho Rông Vàng 4	7.705
	Tổng cộng				57.717,8

Nguồn: TDP

16.2 Thông tin về các loại trái phiếu đã phát hành nhưng chưa đáo hạn của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết

Cho đến thời điểm của Bản Cáo Bạch này, ngoại trừ Trái Phiếu TDPH2326001 đang được đăng ký niêm yết theo Bản Cáo Bạch này, Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết không có trái phiếu khác còn lưu hành hoặc chưa thanh toán.

17. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả chứng khoán niêm yết (nếu có)

Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết cam kết không có các nghĩa vụ nợ tiềm ẩn, tranh chấp kiện tụng có thể ảnh hưởng đến (i) hoạt động kinh doanh (ii) tình hình tài chính (iii) đợt chào bán hoặc (iv) Phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết.

V. CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT

1. Mã Trái Phiếu: TDP124010

2. Tên Trái Phiếu: Trái Phiếu TDPH2326001

3. Loại chứng khoán

Loại chứng khoán: Trái phiếu doanh nghiệp không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, được bảo đảm bằng tài sản.

Tính chất: là trái phiếu doanh nghiệp không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, được bảo đảm bằng tài sản và xác lập nghĩa vụ trả nợ trực tiếp của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết.

Đặc điểm pháp lý của Trái phiếu:

- Các Trái Phiếu được phát hành và thanh toán bằng đồng Việt Nam, dưới hình thức bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử;
- Tại bất cứ thời điểm nào sau khi được phát hành, Trái phiếu xác lập nghĩa vụ trả nợ trực tiếp đối với Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết;
- Trong trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý Tài Sản Bảo Đảm không đủ để thanh toán cho các nghĩa vụ liên quan đến Trái Phiếu thì phần nghĩa vụ chưa được thanh toán đủ sẽ có thứ tự thanh toán ít nhất ngang bằng với các nghĩa vụ chung không được bảo đảm (dù là nghĩa vụ hiện tại hoặc tương lai) của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết (trừ các trường hợp ưu tiên thanh toán bắt buộc theo các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan).
- Trong thời hạn lưu hành của Trái Phiếu, Người Sở Hữu Trái Phiếu sẽ không được sử dụng quyền đòi thanh toán Trái Phiếu để khấu trừ nghĩa vụ tài chính của mình đối với Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết hoặc bất cứ bên thứ ba nào.

4. Mệnh giá: 100.000 đồng/trái phiếu

5. Tổng số lượng chứng khoán niêm yết: 2.276.200 (Hai triệu hai trăm bảy mươi sáu nghìn hai trăm) trái phiếu (Chiếm 100% số lượng trái phiếu đã phát hành).

Tổng Giá trị trái phiếu đăng ký niêm yết: 227.620.000.000 đồng (Hai trăm hai mươi bảy tỷ sáu trăm hai mươi triệu đồng) (Chiếm 100% giá trị trái phiếu đã phát hành).

6. Số lượng cổ phiếu, trái phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết: Không có

7. Xếp hạng tín nhiệm

Theo Chứng thư kết quả xếp hạng tín nhiệm số 11/2023/CTKQXH-SGR ngày 02/11/2023 do Công ty cổ phần Sài Gòn Phát Thịnh Ratings (Saigon Ratings) phát hành, kết quả xếp hạng tín nhiệm dài hạn của Công ty cổ phần Thuận Đức: Bậc xếp hạng – Thang Quốc gia: BBB; Triển vọng: ổn định.

8. Ngày Phát Hành: 29/03/2024

9. Ngày Đáo Hạn: 29/03/2027

10. Kỳ hạn Trái Phiếu: 03 năm

11. Phương pháp tính giá

Trái Phiếu TDPH2326001 là trái phiếu có kỳ hạn, trả lãi định kỳ và có lãi suất cho 04 Kỳ Thanh Toán Lãi đầu tiên là 11,2%/năm. Lãi suất cho các kỳ tính lãi tiếp theo được tính bằng (i) trung bình cộng của lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng Đồng Việt Nam, trả sau thông thường, áp dụng cho kỳ hạn 12 tháng được công bố trên trang điện tử chính thức của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt nam (mỗi ngân hàng nêu trên gọi riêng là “Ngân Hàng Tham Chiếu” và gọi chung là “Các Ngân Hàng Tham Chiếu”) tại Ngày Xác Định Lãi Suất (“Lãi Suất Tham Chiếu”) cộng với (ii) biên độ 3,8%/năm. Lãi suất áp dụng cho các kỳ tính lãi tiếp theo tối thiểu là 11% trong mọi trường hợp.

Thị giá hay giá của Trái Phiếu (Market value) là giá giao dịch thứ cấp của Trái Phiếu do thị trường quyết định và luôn thay đổi theo quan hệ cung cầu trên thị trường.

Giá của Trái Phiếu là giá trị hiện tại của những dòng tiền trong tương lai dự tính thu được từ Trái Phiếu, được chiết khấu về thời điểm hiện tại với tỷ lệ lợi tức yêu cầu thích hợp của mỗi nhà đầu tư.

Công thức tổng quát tính giá Trái Phiếu trả lãi theo định kỳ như sau:

$$PV = \sum_{t=1}^n \frac{CF_t}{(1+k)^t} + \frac{FV}{(1+k)^n}$$

Trong đó:

PV: là Giá của Trái Phiếu

FV: là Mệnh giá (gốc) của Trái Phiếu

CF_i : là lãi của Trái Phiếu nhận vào kỳ trả lãi thứ i

n : là số kỳ trả lãi còn lại của Trái Phiếu

k : là mức sinh lời kỳ vọng đối với lợi suất Trái Phiếu

Việc xác định giá trái phiếu có thể khác nhau giữa các Nhà Đầu Tư do lợi suất yêu cầu khác nhau, áp dụng các thông lệ thị trường (market convention) khác nhau trong tính toán và khả năng tiếp cận các thông tin thị trường khác nhau. Để tính giá trái phiếu, Nhà Đầu Tư có thể tham khảo các bước tính toán như sau:

- (1) Xác định ngày thanh toán thực tế (ở Việt Nam là ngày $t+1$ so với ngày giao dịch);
- (2) Xác định số kỳ hưởng lãi coupon còn lại và các ngày nhận lãi coupon;
- (3) Xác định các kỳ hưởng lãi coupon theo lãi suất cố định đã công bố áp dụng;
- (4) Xác định các kỳ hưởng lãi coupon theo lãi suất thả nổi và dự phóng theo mô hình phù hợp;
- (5) Xác định mức lợi suất yêu cầu phù hợp (căn cứ lợi suất giao dịch thứ cấp/sơ cấp của tài sản có tính chất tương tự có thời gian đáo hạn tương tự hoặc trên cơ sở dự báo biến động của đường cong lợi suất);
- (6) Lựa chọn phương thức tính ngày (Day-count Convention) phù hợp theo thông lệ thị trường và loại tài sản (ví dụ: Actual/Actual ICMA, Actual/Actual ISDA, Actual/365 Fixed, Actual/360, Actual/364, Actual/365L, Actual/Actual AFB, 30/360...);
- (7) Áp dụng công thức nêu trên để tính giá trái phiếu

Ví dụ minh họa:

Mệnh giá Trái Phiếu (FV):	100.000 Đồng/Trái Phiếu;
Ngày phát hành:	29/03/2024
Ngày đáo hạn (Maturity):	29/03/2027
Kỳ hạn:	36 tháng
Kỳ trả lãi (Frequency):	vào các ngày 29/03, 29/06, 29/09, 29/12 hàng năm
Lãi suất (CPN):	11,2%/năm

Giá định ngày định giá (giá định cũng là ngày giao dịch **01/07/2024** đầu tiên trên sàn dự kiến):

Số kỳ hưởng lãi và ngày nhận lãi còn lại:	11 kỳ vào các ngày 29/09/2024, 29/12/2024, 29/03/2025, 29/06/2025, 29/09/2025, 29/12/2025, 29/03/2026, 29/06/2026, 29/09/2026, 29/12/2026, 29/03/2027
Lãi coupon đã xác định:	11,2%/năm cho các kỳ thanh toán lãi vào ngày 29/09/2024; 29/12/2024; 29/03/2025
Lãi coupon chưa xác định:	Giả định các kỳ tính lãi tiếp theo sau 4 kỳ tính lãi đầu tiên, lãi suất trái phiếu bằng 11%/năm
Lợi suất yêu cầu ² hay Lãi suất chiết khấu (k):	Lợi suất trái phiếu chính phủ kỳ hạn 03 năm là 2,3% (theo thông tin trái phiếu chính phủ đấu thầu thành công ngày phát hành 24/04/2024 tại https://hnx.vn/vi-vn/trai-phieu.html) Giả định mức biên chênh lệch giữa trái phiếu doanh nghiệp và lợi suất trái phiếu chính phủ cùng kỳ hạn 3 năm được yêu cầu bởi nhà đầu tư là 8,5% Như vậy mức lợi suất yêu cầu được xác định là 10,8%/năm
Cơ sở tính ngày (day count convention):	Actual/365

Ngày	Kỳ trả lãi	Số ngày tính lãi trong kỳ	Lãi suất coupon (CPN)	Dòng tiền lãi $CF(i) = \text{Mệnh giá} * \text{CPN} * \text{Số ngày thực tế còn lại của Kỳ Tính Lãi} / 365$	Gốc trái phiếu	$CF / (1+k)^i$	$FV / (1+k)^n$
29/09/2024	2	92	11,20%	2.761,64		2.692,68	
29/12/2024	3	91	11,20%	2.792,33		2.653,87	
29/03/2025	4	90	11,20%	2.761,64		2.559,17	
29/06/2025	5	92	11%	2.772,60		2.503,76	
29/09/2025	6	92	11%	2.772,60		2.439,86	
29/12/2025	7	91	11%	2.742,47		2.352,42	

² Đây chỉ là một ví dụ tham khảo về các xác định lợi suất yêu cầu đối với trái phiếu doanh nghiệp trên cơ sở credit spread đối với trái phiếu chính phủ cùng kỳ hạn theo thông lệ quốc tế. Nhà đầu tư có thể tham khảo thêm lợi suất giao dịch của trái phiếu doanh nghiệp có cùng rating và cùng kỳ hạn hoặc các phương pháp khác để xác định lợi suất yêu cầu.

29/03/2026	8	90	11%	2.712,33		2.268,47	
29/06/2026	9	92	11%	2.772,60		2.259,71	
29/09/2026	10	92	11%	2.772,60		2.202,04	
29/12/2026	11	91	11%	2.742,47		2.123,12	
29/03/2027	12	90	11%	2.712,33	100.000	2.047,36	75.483,36

Với các đặc điểm và giả định nêu trên, tại ngày giao dịch đầu tiên trên sàn HNX dự kiến **01/07/2024**, giá của Trái Phiếu là: 101.586 VND một trái phiếu (bằng tổng của các giá trị PV).

12. Phương pháp tính lợi suất khi đáo hạn

Lợi suất đáo hạn - YTM (Yield To Maturity) là đại lượng đo lường lợi suất (tỷ suất lợi nhuận) mà nhà đầu tư nhận được từ trái phiếu từ khi mua và nắm giữ trái phiếu đến khi đáo hạn. Nói cách khác, YTM là mức lãi suất làm cho giá trị hiện tại của các dòng tiền mà nhà đầu tư nhận được từ trái phiếu bằng với giá trị đầu tư ban đầu (giá mua/giá trị thị trường của Trái Phiếu).

Để xác định YTM, nhà đầu tư có thể áp dụng công thức tương tự công thức định giá Trái Phiếu được trình bày tại mục trên đây.

$$PV = \sum_{t=1}^n \frac{CF_t}{(1+k)^t} + \frac{FV}{(1+k)^n}$$

Ví dụ minh họa:

Một Trái Phiếu có các đặc tính sau:

- Mệnh giá Trái Phiếu: 100.000 đồng/Trái Phiếu;
- Ngày phát hành: 29/03/2024;
- Ngày đáo hạn: 29/03/2027;
- Kỳ trả lãi: vào các ngày 29/03, 29/06, 29/09, 29/12 hàng năm;
- Lãi suất: 11,2%/năm cho 4 kỳ tính lãi đầu tiên, các kỳ tính lãi sau 4 kỳ tính lãi đầu tiên, giả định lãi suất trái phiếu là 11%/năm
- Ngày giao dịch dự kiến: **01/07/2024**
- Giá giao dịch dự kiến: **102.000 VND**
- Lợi suất yêu cầu hay lãi suất chiết khấu /năm: k

Với các đặc điểm trên, nếu nhà đầu tư giao dịch tại ngày 01/07/2024 với giá 102.000 VND và nắm giữ tới khi đáo hạn thì lợi suất trái phiếu khi đáo hạn (k) là:

$$PV = \sum_{t=1}^n \frac{CF_t}{(1+k)^t} + \frac{FV}{(1+k)^n}$$

Áp dụng phương pháp nội suy: $k = 10,61\%/năm$

13. Phương thức thực hiện quyền

13.1. Điều kiện, thời gian thực hiện quyền

13.1.1. Lãi suất

- Lãi suất áp dụng cho 04 Kỳ Thanh Toán Lãi đầu tiên là 11,2%/năm;
- Lãi suất cho các kỳ tính lãi tiếp theo được tính bằng (i) trung bình cộng của lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng Đồng Việt Nam, trả sau thông thường, áp dụng cho kỳ hạn 12 tháng được công bố trên trang điện tử chính thức của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (mỗi ngân hàng nêu trên gọi riêng là “Ngân Hàng Tham Chiếu” và gọi chung là “Các Ngân Hàng Tham Chiếu”) tại Ngày Xác Định Lãi Suất (“Lãi Suất Tham Chiếu”) cộng với (ii) biên độ 3,8%/năm. Lãi suất áp dụng cho các kỳ tính lãi tiếp theo tối thiểu là 11% trong mọi trường hợp.

13.1.2 Tiền lãi

- Trái phiếu sẽ được hưởng lãi cho giai đoạn từ và gồm cả Ngày Phát Hành cho đến nhưng không bao gồm Ngày Đáo Hạn hoặc ngày Trái Phiếu được mua lại trước hạn (dù tự nguyện hay bắt buộc) theo Các Điều Khoản và Điều Kiện Trái Phiếu này (gọi chung là “Ngày Thanh Toán/Hoàn Trả Tiền Gốc Trái Phiếu”).
- Trái Phiếu sẽ ngừng hưởng lãi từ Ngày Thanh Toán/Hoàn Trả Tiền Gốc Trái Phiếu trừ khi tiền gốc Trái Phiếu không được thanh toán đầy đủ hoặc bị từ chối thanh toán vào ngày đó không phù hợp với Các Điều Khoản và Điều Kiện Trái Phiếu này.
- Lãi phát sinh trên gốc mỗi Trái Phiếu mà Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết phải trả cho Người Sở Hữu Trái Phiếu vào mỗi Ngày Thanh Toán Lãi được tính theo công thức sau:

$$\text{Tiền lãi} = (\text{Mệnh giá Trái Phiếu} * \text{Lãi Suất} * \text{Số ngày dư nợ thực tế})/365$$

Trong đó, số ngày dư nợ thực tế (i) đối với Ngày Thanh Toán Lãi đầu tiên sẽ được tính từ và gồm cả Ngày Phát Hành đến nhưng không gồm cả Ngày Thanh Toán Lãi đầu tiên và (ii) đối với mỗi Ngày Thanh Toán Lãi tiếp theo, sẽ được tính từ và gồm cả Ngày Thanh Toán Lãi của Kỳ Hạn Trả Lãi ngay trước đó đến nhưng không gồm cả Ngày Thanh Toán Lãi đó.

- Lãi phát sinh trên gốc mỗi Trái Phiếu bị quá hạn mà Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết phải trả Người Sở Hữu Trái Phiếu được tính theo công thức sau:

$$\text{Tiền lãi} = (\text{Mệnh giá Trái Phiếu} * \text{Lãi Suất} * 150\% * \text{Số ngày quá hạn thực tế}) / 365$$

Trong đó số ngày quá hạn thực tế sẽ được tính từ và gồm cả ngày đến hạn thanh toán có liên quan đến nhưng không gồm cả ngày mà vào ngày đó khoản tiền gốc có liên quan được thanh toán đầy đủ cho những Người Sở Hữu Trái Phiếu.

- Tiền phạt phát sinh trên Lãi Trái Phiếu bị quá hạn mà Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết phải trả Người Sở Hữu Trái Phiếu được tính theo công thức sau:

$$\text{Tiền phạt chậm trả lãi} = (\text{Số dư Lãi Trái Phiếu chậm trả} * \text{Lãi Suất} * 150\% * \text{Số ngày quá hạn thực tế}) / 365$$

Trong đó số ngày quá hạn thực tế sẽ được tính từ và gồm cả ngày đến hạn thanh toán có liên quan đến nhưng không gồm cả ngày mà vào ngày đó khoản tiền gốc có liên quan được thanh toán đầy đủ cho những Người Sở Hữu Trái Phiếu.

13.1.3. Kỳ hạn trả lãi, trả gốc

- Kỳ Hạn Trả Lãi/ Kỳ Tính Lãi là 03 tháng, kể từ và bao gồm ngày đầu tiên của Kỳ Hạn Trả Lãi, cho đến, nhưng không bao gồm ngày đầu tiên của Kỳ Hạn Trả Lãi tiếp theo hoặc Ngày Đáo Hạn trái phiếu. Ngày đầu tiên của Kỳ Hạn Trả Lãi đầu tiên là Ngày Phát Hành. Tiền lãi trái phiếu được trả sau theo định kỳ 03 (ba) tháng một lần kể từ ngày phát hành vào cuối mỗi Kỳ Tính Lãi.
- Kỳ Hạn Trả Gốc: 36 (ba mươi sáu) tháng kể từ Ngày Phát Hành.
- Trừ khi được mua lại trước hạn theo Các Điều Khoản và Điều Kiện Trái Phiếu, Trái Phiếu sẽ đáo hạn và tiền gốc sẽ được thanh toán bằng mệnh giá vào Ngày Đáo Hạn hoặc vào ngày thực hiện quyền mua lại Trái Phiếu của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết hoặc vào ngày đến hạn khác theo Các Điều Kiện Trái Phiếu.

13.1.4. Thanh toán gốc, lãi và các khoản tiền khác theo Trái Phiếu

Việc thanh toán gốc, lãi và các khoản tiền khác theo Trái Phiếu sẽ được thực hiện theo quy định có liên quan của pháp luật Việt Nam và quy chế của VSDC và các quy định dưới đây (trong phạm vi các quy định dưới đây không trái hoặc xung đột với các quy định có liên quan của pháp luật Việt Nam và quy chế của VSDC).

- Gốc lãi và các khoản tiền khác theo Trái Phiếu sẽ được thanh toán vào ngày đến hạn có liên quan thông qua VSDC vào tài khoản chứng khoán của Người Sở Hữu Trái Phiếu;
- Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết sẽ thanh toán gốc Trái Phiếu (cùng với lãi, tiền phạt đã phát sinh nhưng chưa được thanh toán) vào Ngày Thanh Toán/Hoàn Trả Tiền Gốc Trái Phiếu. Để tránh nhầm lẫn, gốc của mỗi Trái Phiếu chính là mệnh giá của Trái Phiếu đó, lãi (gồm cả lãi trên gốc Trái Phiếu hoặc lãi quá hạn, nếu có) và tiền phạt sẽ được tính theo Các Điều Khoản và Điều Kiện Trái Phiếu liên quan.
- Lãi trên gốc Trái Phiếu sẽ đến hạn và được thanh toán sau, định kỳ vào mỗi Ngày Thanh Toán Lãi. Lãi phải thanh toán trên Trái Phiếu là lãi được xác định theo quy định tại Các Điều Khoản và Điều Kiện Trái Phiếu liên quan cho Ngày Thanh Toán Lãi tương ứng.
- Chỉ những Người Sở Hữu Trái Phiếu có tên trên danh sách người sở hữu chứng khoán lưu ký tại Ngày Đăng Ký Cuối Cùng cho một lần thanh toán mới nhận được tiền thanh toán trong lần thanh toán đó.
- Thanh toán vào Ngày Làm Việc.

Nếu ngày đến hạn của một khoản thanh toán theo Trái Phiếu không phải Ngày Làm Việc thì Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết sẽ thanh toán khoản tiền đó vào Ngày Làm Việc ngay sau ngày đó (và không bị coi là vi phạm nghĩa vụ thanh toán).

13.1.5. Quyền của Người Sở Hữu Trái Phiếu

Trừ Trường hợp pháp luật có quy định khác, mỗi Người Sở Hữu Trái Phiếu được ghi tên danh sách Người Sở Hữu Trái Phiếu được quản lý tập trung tại VSDC sẽ là chủ sở hữu duy nhất của Trái Phiếu về mọi phương diện và sẽ có quyền nhận tất cả các khoản thanh toán, thông báo, báo cáo và được hưởng các quyền khác liên quan đến Trái Phiếu đó.

a) Quyền Sở Hữu

Việc quản lý danh sách người sở hữu chứng khoán và các giao dịch liên quan đến Chuyển Quyền Sở Hữu Trái Phiếu sẽ được thực hiện thông qua VSDC, tuân theo quy định pháp luật Việt Nam, quy định VSDC và SGDCCK;

b) Quyền giao dịch Trái Phiếu

- i. Người Sở Hữu Trái Phiếu được tự do Chuyển Quyền Sở Hữu đối với toàn bộ Trái Phiếu của mình (chi tiết tại điểm (a) nêu trên) và sử dụng Trái Phiếu để chuyển nhượng, cho, tặng, để lại, thừa kế, chiết khấu, hoán đổi, chuyển quyền sở hữu, sử dụng Trái Phiếu làm tài sản bảo đảm hoặc tham gia vào các giao dịch trong các quan hệ dân sự và thương mại/tín dụng theo quy định của pháp luật và Các Điều khoản và Điều kiện Trái Phiếu;
- ii. Để tránh nhầm lẫn, Người Sở Hữu Trái Phiếu có thể cầm cố Trái Phiếu tại các tổ chức tín dụng theo quy định hiện hành của pháp luật nếu tổ chức tín dụng tại đó chấp thuận;
- iii. Không ảnh hưởng đến quy định tại Điều Kiện trên, Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết không tham gia các giao dịch khác với Người Sở Hữu Trái Phiếu mà có hiệu lực như một giao dịch mua lại trước hạn trừ trường hợp mua lại trước hạn theo quy định tại Các Điều khoản và Điều kiện Trái Phiếu;
- iv. Việc giao dịch Trái Phiếu sẽ được thực hiện theo các quy định của pháp luật Việt Nam và của VSDC, các quy định trong Các Điều khoản và Điều kiện Trái Phiếu;
- v. Trong thời hạn lưu hành của Trái Phiếu, Người Sở Hữu Trái Phiếu sẽ không được sử dụng quyền đòi thanh toán Trái Phiếu để khấu trừ nghĩa vụ tài chính của mình đối với Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết hoặc bất cứ bên thứ ba nào;

c) Quyền hưởng lãi và các khoản thanh toán khác

Người Sở Hữu Trái Phiếu sẽ được Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết thanh toán đầy đủ gốc, lãi và các khoản tiền khác theo Các Điều khoản và Điều kiện Trái Phiếu đối với Trái Phiếu mình sở hữu theo các quy định dưới đây:

- i. Ít nhất 18 (mười tám) Ngày Làm Việc trước mỗi Ngày Thanh Toán Lãi Trái Phiếu và/hoặc Ngày Mua Lại theo thỏa thuận hoặc Ngày Đáo Hạn Trái Phiếu, Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết sẽ thông báo Ngày Chốt Danh Sách trên trang thông tin điện tử chính thức của mình để chốt danh sách Người Sở Hữu Trái Phiếu được hưởng quyền thanh toán vào ngày đến hạn thanh toán đó;
- ii. Việc thanh toán gốc lãi và các khoản tiền khác (nếu có) liên quan tới Trái Phiếu sẽ được thực hiện theo quy định của pháp luật, VSDC, các quy định trong Các Điều khoản và Điều kiện Trái Phiếu;

d) Quyền nhận thông tin

Người Sở Hữu Trái Phiếu có quyền được nhận các thông báo, thông tin liên quan đến Trái Phiếu, Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết theo đúng các quy định của Các Điều khoản và Điều kiện Trái Phiếu.

e) Quyền khi xảy ra sự kiện vi phạm của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết

Người Sở Hữu Trái Phiếu có quyền được thực hiện các biện pháp xử lý khi xảy ra sự kiện vi phạm nêu tại Các Điều khoản và Điều kiện Trái Phiếu.

13.2. Phương pháp tính và đền bù thiệt hại trong trường hợp không thực hiện được quyền

13.2.1. Mua lại Trái Phiếu theo yêu cầu của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết

Khi Trái Phiếu đang được đăng ký và lưu ký tại Đại Lý Đăng Ký Chuyển Nhượng, Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết được thực hiện quyền chào mua, trong một hoặc nhiều lần, đối với một phần hoặc toàn bộ số Trái Phiếu đang lưu hành theo các điều khoản và điều kiện sau:

- (i) Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết công bố, công khai kế hoạch mua lại Trái Phiếu trước hạn và gửi một thông báo chào mua Trái Phiếu ("**Thông Báo Chào Mua**") đến Người Sở Hữu Trái Phiếu (thông qua Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu), chậm nhất 15 (mười lăm) Ngày Làm Việc trước Ngày Mua Lại Trước Hạn dự kiến hoặc một thời hạn khác dài hơn được quy định tại Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có liên quan. Thông Báo Chào Mua phải nêu rõ số lượng Trái Phiếu được chào mua, phương thức chào mua, giá chào mua, thời hạn để Người Sở Hữu Trái Phiếu đăng ký bán lại Trái Phiếu ("**Thời Hạn Đăng Ký Bán**"), Ngày Mua Lại Trước Hạn dự kiến và Ngày Đăng Ký Cuối Cùng tương ứng. Trong đó, Ngày Đăng Ký Cuối Cùng là Ngày Làm Việc sau ngày của Thông Báo Chào Mua và không muộn hơn Ngày Làm Việc thứ 11 (mười một) trước Ngày Mua Lại Trước Hạn;
- (ii) Sau khi nhận được Thông Báo Chào Mua của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết sẽ thực hiện các thủ tục chào mua phù hợp với các Văn Kiện Trái Phiếu và các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có liên quan (bao gồm việc gửi Thông Báo Chào Mua cho Người Sở Hữu Trái Phiếu); và
- (iii) Người Sở Hữu Trái Phiếu có toàn quyền chấp nhận hoặc từ chối bán lại một phần hoặc toàn bộ số Trái Phiếu được chào mua cho Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết. Trường hợp chấp nhận bán lại Trái Phiếu, Người Sở Hữu Trái Phiếu sẽ gửi thông báo xác nhận bằng văn bản hoặc bằng hình thức khác do Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu quy định, trong đó nêu rõ số lượng Trái Phiếu mà Người Sở Hữu Trái Phiếu đăng ký bán lại ("**Trái Phiếu Đăng Ký**

Bán) đến Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu trước khi kết thúc Thời Hạn Đăng Ký Bán. Kể từ thời điểm Người Sở Hữu Trái Phiếu gửi thông báo đăng ký bán lại Trái Phiếu, Người Sở Hữu Trái Phiếu đồng ý không hủy ngang sẽ chuyển nhượng các Trái Phiếu Đăng Ký Bán cho Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết theo các điều kiện được quy định trong Thông Báo Chào Mua, và Người Sở Hữu Trái Phiếu sẽ không có quyền chuyển nhượng các Trái Phiếu Đăng Ký Bán đó cho bất kỳ Tổ Chức/Cá Nhân nào khác ngoài Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết hoặc sử dụng Trái Phiếu làm tài sản bảo đảm cho bất kỳ nghĩa vụ nào.

Nếu Trái Phiếu đã được đăng ký, lưu ký tại VSDC và niêm yết trên Sở Giao Dịch Chứng Khoán, việc mua lại Trái Phiếu sẽ được thực hiện theo quy định tại đoạn (a) nêu trên (trong phạm vi quy định tại đoạn (a) không trái với quy định của các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có liên quan, quy chế của VSDC và Sở Giao Dịch Chứng Khoán), và các quy định của các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có liên quan và quy chế của VSDC và Sở Giao Dịch Chứng Khoán có hiệu lực tại thời điểm đó.

13.2.2. Mua lại Trái Phiếu trong trường hợp Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết phải mua lại Trái Phiếu trước hạn khi xảy ra sự kiện vi phạm

Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết có nghĩa vụ phải mua lại Trái Phiếu trước hạn theo yêu cầu của Người Sở Hữu Trái Phiếu khi phát sinh Sự Kiện Vi Phạm theo quy định tại Các Điều Khoản và Điều Kiện Trái Phiếu. Trong trường hợp này, Giá Mua Lại của Trái Phiếu được xác định theo công thức tính Giá Mua Lại của Trái Phiếu trong trường hợp mua lại Trái Phiếu theo yêu cầu của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết.

13.3. Sự kiện vi phạm

13.3.1. Các sự kiện vi phạm

Bất kỳ sự kiện nào sau đây sẽ được coi là một sự kiện vi phạm ("**Sự Kiện Vi Phạm**"):

- (a) **Vi phạm Tỷ lệ Bảo Đảm:** Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết và/hoặc Các Bên Bảo Đảm không thực hiện bổ sung Tài Sản Bảo Đảm theo đúng quy định tại Điều 4.3(c) Các Điều Khoản và Điều Kiện Trái Phiếu;
- (b) **Không Thanh Toán:** Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ và đúng hạn bất kỳ khoản tiền gốc hoặc tiền lãi nào của bất kỳ Trái Phiếu nào vào ngày đến hạn thanh toán khoản tiền gốc hoặc tiền lãi đó; và vi phạm đó không được khắc phục trong thời hạn 10 (mười) Ngày Làm Việc kể từ ngày đến hạn;
- (c) **Vi Phạm Mục Đích Phát Hành:** Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết vi phạm mục đích phát hành

Trái Phiếu nêu tại phần có tiêu đề “Mục đích của đợt phát hành” của Bản Cáo Bạch;

- (d) *Vi Phạm quy định pháp luật về phát hành Trái Phiếu:* Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết vi phạm bất kỳ quy định nào của pháp luật áp dụng đối với việc phát hành Trái Phiếu làm ảnh hưởng đến quyền sở hữu và các quyền lợi khác của Người Sở Hữu Trái Phiếu theo Các Điều Khoản Và Điều Khoản Trái Phiếu này mà vi phạm đó không thể khắc phục hoặc không được khắc phục trong thời hạn 15 (mười lăm) Ngày Làm Việc từ ngày Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết nhận được thông báo của Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu hoặc từ cơ quan nhà nước nào có thẩm quyền liên quan đến vi phạm đó;
- (e) *Vi Phạm Các Nghĩa Vụ Khác:* Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết hoặc Các Bên Bảo Đảm vi phạm bất kỳ quy định nào của Các Điều Khoản Và Điều Khoản Trái Phiếu này hoặc bất kỳ Các Hợp Đồng Trái Phiếu nào mà vi phạm đó không thể khắc phục hoặc không được khắc phục trong thời hạn 15 (mười lăm) Ngày Làm Việc kể từ ngày Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết nhận được thông báo của Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu hoặc Tổ Chức Nhận Tài Sản Bảo Đảm về vi phạm đó (để tránh nhầm lẫn, Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết hoặc Các Bên Bảo Đảm cũng bị coi là vi phạm Các Điều Khoản Và Điều Khoản Trái Phiếu này hoặc bất kỳ Các Hợp Đồng Trái Phiếu nào nếu có bất kỳ cam đoan, bảo đảm hoặc khẳng định nào của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết hoặc Các Bên Bảo Đảm trong Các Điều Khoản Và Điều Khoản Trái Phiếu này hoặc Các Hợp Đồng Trái Phiếu có cơ sở xác định, chứng minh là không trung thực, không chính xác hoặc gây nhầm lẫn vào ngày cam đoan, bảo đảm hay khẳng định đó được đưa ra và dẫn đến việc Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết hoặc Bên Bảo Đảm có liên quan (tùy từng trường hợp áp dụng) vi phạm các nghĩa vụ của mình theo quy định tại Các Điều Khoản Và Điều Khoản Trái Phiếu này hoặc Các Hợp Đồng Trái Phiếu tương ứng);
- (f) *Vi Phạm Chéo:*
- (i) Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết không thanh toán bất kỳ Khoản Nợ nào của mình khi đến hạn (hoặc khi kết thúc thời gian ân hạn áp dụng đối với Khoản Nợ đó, nếu có);
- (ii) có bất kỳ Khoản Nợ nào của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết bị tuyên bố đến hạn trước ngày đáo hạn đã định do Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết vi phạm nghĩa vụ liên quan đến Khoản Nợ đó mà Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết không thanh toán đầy đủ Khoản Nợ vào ngày phải trả nợ trước hạn;
- (g) *Mất Khả Năng Thanh Toán:* Không ảnh hưởng đến quy định tại Điều Khoản 9.1(d) Các Điều Khoản và Điều Khoản Trái Phiếu, Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết:

- (i) bị mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật phá sản, hoặc thừa nhận không có khả năng thanh toán nợ đến hạn của mình;
 - (ii) tiến hành bất kỳ thủ tục nào theo luật phá sản để điều chỉnh lại hoặc trì hoãn bất kỳ nghĩa vụ hoặc phân nghĩa vụ nào của mình liên quan đến toàn bộ hoặc trên 50% hoạt động kinh doanh, tài sản hoặc nguồn thu theo báo cáo tài chính kiểm toán gần nhất của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết; hoặc
 - (iii) thực hiện hoặc ký kết bất kỳ cam kết chuyển nhượng hoặc thoả thuận với một hoặc nhiều chủ nợ đối với toàn bộ hoặc trên 50% hoạt động kinh doanh, tài sản hoặc nguồn thu theo báo cáo tài chính kiểm toán gần nhất của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết dẫn đến việc Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết mất khả năng thanh toán.
- (h) *Phá Sản, Giải Thể*: (i) Đối với Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết: Khi một tòa án/cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam ban hành lệnh hoặc quyết định hoặc bản án về việc phá sản, thanh lý hoặc giải thể Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết hoặc khi Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết tiến hành bất kỳ thủ tục nào để phá sản, thanh lý hay giải thể chính Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết hoặc Bên Bảo Đám (trừ trường hợp Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết hoặc Bên Bảo Đám bị giải thể hoặc thanh lý liên quan đến việc sáp nhập và công ty tồn tại sau sáp nhập sẽ tiếp nhận toàn bộ nghĩa vụ theo Trái Phiếu hoặc nghĩa vụ liên quan đến Tài Sản Bảo Đám tương ứng) (gọi tắt là "**Sự Kiện Phá Sản, Giải Thể**"); (ii) Đối với một Bên Bảo Đám bất kỳ: Khi có bất kỳ Bên Bảo Đám nào có Sự Kiện Phá Sản, Giải Thể và Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết không khắc phục được hậu quả của Sự Kiện Phá Sản, Giải Thể của Bên Bảo Đám đó hoặc không bổ sung/thay thế Tài Sản Bảo Đám để đảm bảo Tỷ Lệ Bảo Đám được quy định tại Các Điều Khoản Và Điều Kiện Trái Phiếu này trong thời hạn 15 (mười lăm) Ngày Làm Việc kể từ ngày xảy ra Sự Kiện Phá Sản, Giải Thể.
- (i) *Cưỡng Chế Thực Hiện Nghĩa Vụ*: Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền tiến hành thủ tục thi hành án, tịch thu, tịch biên (hoặc bất kỳ thủ tục pháp lý nào khác có hiệu lực tương tự) đối với (i) trên 50% tài sản hoặc doanh thu của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết tính theo báo cáo tài chính kiểm toán gần nhất của kỳ lập báo cáo gần nhất và (ii) việc thi hành án, tịch thu, tịch biên hoặc thủ tục pháp lý đó không được dỡ bỏ hoặc chấm dứt trong thời hạn 60 (sáu mươi) Ngày Làm Việc kể từ lúc bắt đầu;
 - (j) *Ngừng Hoạt Động Kinh Doanh*: Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết hoặc một Bên Bảo Đám bất kỳ ngừng hoặc có nguy cơ ngừng tất cả hoặc phần lớn các hoạt động chính của mình; hoặc ngừng hoặc có nguy cơ ngừng thực hiện tất cả hoặc trên 50% (năm mươi phần trăm) công

việc kinh doanh chính đang được tiến hành vào Ngày Phát Hành hoặc Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết; hoặc một Bên Bảo Đám bất kỳ tiến hành bất kỳ hành động nào làm cho Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết hoặc Bên Bảo Đám đó ngừng thực hiện công việc kinh doanh chính của mình hoặc trên 50% (năm mươi phần trăm) công việc kinh doanh hoặc làm cho giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc các giấy tờ tương đương) của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết hoặc của Bên Bảo Đám đó bị thu hồi hoặc hủy bỏ. Để làm rõ, quy định này không bao gồm các trường hợp không tồn tại do việc thanh lý, phá sản, giải thể quy định tại Điều Khoản 9.1(g) và 9.1(h) Các Điều Khoản và Điều Khoản Trái Phiếu. Không trái nội dung điều khoản này, khi một Bên Bảo Đám bất kỳ có hoặc gây ra sự kiện Ngừng Hoạt Động Kinh Doanh như mô tả bên trên được xem là Sự Kiện Vi Phạm khi Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết không khắc phục hậu quả của sự kiện Ngừng Hoạt Động Kinh Doanh hoặc không bổ sung/thay thế Tài Sản Bảo Đám để đảm bảo Tỷ Lệ Bảo Đám đã được quy định tại Các Điều Khoản Và Điều Khoản Trái Phiếu này trong thời hạn 15 (mười lăm) Ngày Làm Việc kể từ ngày xảy ra sự kiện Ngừng Hoạt Động Kinh Doanh này;

- (k) *Bất Hợp Pháp*: Việc Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết và Các Bên Bảo Đám thực hiện hoặc tuân thủ nghĩa vụ của mình theo Trái Phiếu, Các Điều Khoản Và Điều Khoản Trái Phiếu hoặc bất kỳ Các Hợp Đồng Trái Phiếu nào mà Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết hoặc Bên Bảo Đám có liên quan là một bên trong Các Hợp Đồng Trái Phiếu đó trở nên bất hợp pháp theo quy định của pháp luật có liên quan;
- (l) *Cho Phép Và Chấp Thuận*: Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết không tiến hành hay thực hiện bất kỳ hành động, yêu cầu hoặc thủ tục nào (kể cả việc xin các chấp thuận, phê chuẩn, cho phép hoặc tiến hành việc đăng ký, thông báo) mà cần phải được tiến hành hoặc thực hiện bởi Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết để: (i) cho phép Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết phát hành Trái Phiếu và thực hiện và tuân thủ các nghĩa vụ của mình theo Trái Phiếu, Các Điều Khoản Và Điều Khoản Trái Phiếu hoặc bất kỳ Các Hợp Đồng Trái Phiếu nào một cách hợp pháp và/hoặc (ii) đảm bảo rằng các nghĩa vụ của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết theo Trái Phiếu, Các Điều Khoản Và Điều Khoản Trái Phiếu hoặc bất kỳ Các Hợp Đồng Trái Phiếu nào là có tính ràng buộc và có thể thi hành đối với Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết mà vi phạm này không khắc phục được hoặc không có phương án khắc phục được Người Sở Hữu Trái Phiếu chấp thuận, trong vòng 15 (mười lăm) Ngày Làm Việc kể từ ngày vi phạm hoặc kể từ ngày Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết nhận được thông báo của bất kỳ Người Sở Hữu Trái Phiếu nào hoặc Tổ Chức Nhận Tài Sản Bảo Đám về vi phạm đó.

- (m) Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết và/hoặc bất kỳ Công Ty Con nào của mình bất kể do chịu ảnh hưởng của bên thứ ba hoặc tự ngừng/có nguy cơ ngừng hoạt động kinh doanh gây giảm ít nhất 20% tổng tài sản của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết.
- (n) Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết vi phạm pháp luật dẫn đến việc bị xét xử hoặc được tin một cách hợp lý là sẽ bị xét xử hình sự, hoặc Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết bị phạt, bị đình chỉ kinh doanh... do vi phạm pháp luật dẫn đến làm giảm 20% vốn chủ sở hữu theo Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán/soát xét gần nhất.

13.3.2. Biện pháp xử lý khi có sự kiện vi phạm

- (a) Khi một Sự Kiện Vi Phạm xảy ra: mà Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết không khắc phục được hoặc không có phương án khắc phục trong thời gian quy định về khắc phục Sự Kiện Vi Phạm được quy định tại từng Sự Kiện Vi Phạm:
 - (i) Bất kỳ Người Sở Hữu Trái Phiếu nào cũng có quyền gửi thông báo bằng văn bản cho Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu để yêu cầu tuyên bố Trái Phiếu đến hạn.
 - (ii) Ngay khi Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu biết (i) có Sự Kiện Vi Phạm xảy ra hoặc (ii) nhận được thông báo theo quy định tại đoạn (i) trên đây, Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu có quyền nhưng không có nghĩa vụ xác minh lại thông tin, sẽ gửi thông báo bằng văn bản cho Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết về tính hợp lý của Sự Kiện Vi Phạm được đề cập và việc tuyên bố Trái Phiếu đến hạn;
 - (iii) Sau 15 (mười lăm) Ngày Làm Việc hoặc một thời hạn khác theo quyết định của Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu kể từ ngày Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết nhận được thông báo của Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu mà không khắc phục được vi phạm hoặc nhận được thông báo nhưng không phản hồi hoặc Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết xác nhận về tính hợp lý của Sự Kiện Vi Phạm, Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu phải gửi thông báo cho Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết (đồng thời cũng gửi cho Tổ Chức Nhận Tài Sản Bảo Đám và đăng tải trên website của Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu) để tuyên bố rằng Trái Phiếu ngay lập tức đến hạn và phải được Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết mua lại. Trừ trường hợp có cơ sở rõ ràng, đáng tin cậy để xác định Sự Kiện Vi Phạm đã được khắc phục trước khi Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết nhận được thông báo nêu tại điểm này, các Trái Phiếu sẽ đến hạn và phải được Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết mua lại trong vòng 10 (mười) Ngày Làm Việc kể từ ngày Trái Phiếu bị tuyên bố đến hạn ("**Ngày Mua Lại Trái Phiếu Trước Hạn**") với giá mỗi Trái Phiếu bằng tổng của 100% mệnh giá Trái Phiếu đó và lãi (kể cả lãi quá hạn)

đã phát sinh nhưng chưa được thanh toán trên Trái Phiếu đó. Nếu Ngày Mua Lại Trước Hạn không phải là một Ngày Lâm Việc, Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết phải mua lại Trái Phiếu vào Ngày Lâm Việc ngay sau đó.

- (b) Nếu Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán đối với Trái Phiếu được Người Sở Hữu Trái Phiếu yêu cầu mua lại theo Các Điều Khoản và Điều Kiện Trái Phiếu, Tổ Chức Nhận Tài Sản Bảo Đảm sẽ có quyền xử lý Tài Sản Bảo Đảm theo Các Hợp Đồng Bảo Đảm và phù hợp với quy định pháp luật có liên quan.

Để tránh nhầm lẫn, Người Sở Hữu Trái Phiếu sẽ không tự mình (mà sẽ thông qua Tổ Chức Nhận Tài Sản Bảo Đảm) thực hiện việc xử lý Tài Sản Bảo Đảm theo Các Hợp Đồng Bảo Đảm trừ khi Tổ Chức Nhận Tài Sản Bảo Đảm không thể thực hiện việc đó theo quy định của pháp luật Việt Nam hoặc quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

14. Mục đích sử dụng vốn thu được từ phát hành trái phiếu

Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết dùng vốn huy động được từ đợt chào bán Trái Phiếu để để cơ cấu lại các khoản nợ, cụ thể thanh toán một phần và hoặc toàn bộ các khoản thanh toán gốc, lãi và các nghĩa vụ tài chính đến hạn của các khoản vay ngắn/dài hạn của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết. Toàn bộ số tiền thu được từ việc chào bán Trái Phiếu ra công chúng là 227.620.000.000 VND được Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết sử dụng phù hợp với mục đích chào bán nêu trên, cụ thể là thanh toán tiền gốc, lãi và các nghĩa vụ tài chính đến hạn của các khoản vay ngắn hạn tại các tổ chức tín dụng theo thứ tự ưu tiên giảm dần như sau:

STT	Tên ngân hàng	Nội dung	Giá trị (triệu VND)
1	Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Thanh Xuân	Trả nợ hợp đồng tín dụng	100.000
2	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (Agribank) – Chi nhánh Hưng Yên	Trả nợ hợp đồng tín dụng	20.000
3	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	Trả nợ hợp đồng tín dụng	107.620
	Tổng cộng		227.620

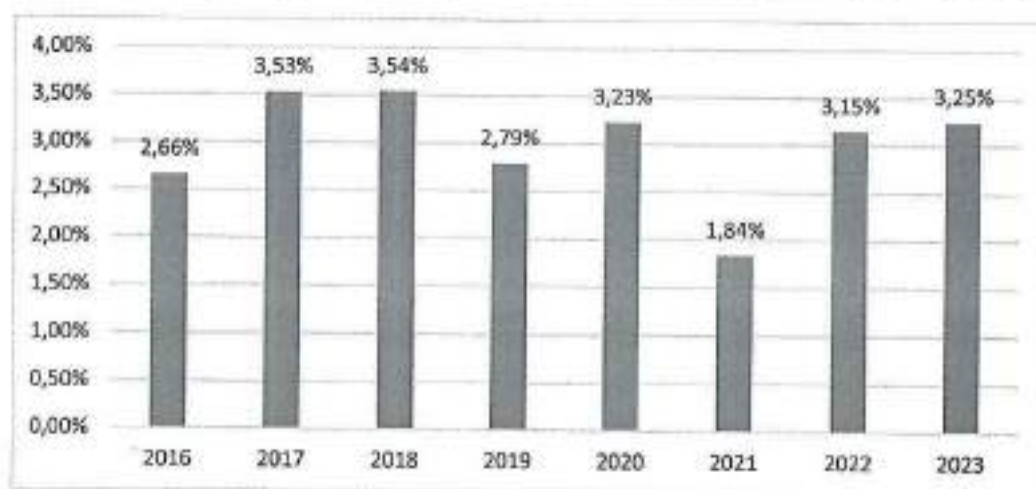
Tính đến thời điểm của Bản Cáo Bạch này, Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết đã sử dụng hết số tiền thu được từ phát hành Trái Phiếu.

15. Đánh giá tác động của tình hình lạm phát đối với trái phiếu niêm yết

Thông thường, khi tỷ lệ lạm phát tăng, lãi suất thị trường sẽ có xu hướng tăng tương ứng và khiến cho nhà đầu tư đòi hỏi mức sinh lời từ các tài sản đầu tư cao hơn hay nói cách khác

là mức lãi suất chiết khấu sẽ tăng lên. Giá trị Trái Phiếu được tính toán dựa trên cơ sở chiết khấu các dòng tiền phát sinh trong tương lai về thời điểm hiện tại, do đó chịu tác động trực tiếp bởi lãi suất thị trường. Khi lãi suất thị trường tăng, giá trị trái phiếu sẽ giảm, và ngược lại. Ngược lại, nếu tỷ lệ lạm phát giảm kéo theo lãi suất thị trường giảm sẽ làm tăng giá trị Trái Phiếu do Trái phiếu đang cho nhà đầu tư mức lợi suất hấp dẫn hơn thị trường. Như vậy, tỷ lệ lạm phát và lãi suất thị trường có mối quan hệ ngược chiều với giá của Trái Phiếu.

Hình 5: Tốc độ tăng CPI bình quân so với năm trước (giai đoạn 2016-2023)



Nguồn GSO

Tình hình lạm phát ở Việt Nam trong những năm qua đã được kiểm soát tốt. Trong bối cảnh áp lực lạm phát tại các quốc gia trên thế giới ngày càng tăng cao do áp lực tăng giá cước vận chuyển, tăng giá nguyên vật liệu cho sản xuất dưới tác động của đại dịch Covid-19, CPI năm 2021 của Việt Nam chỉ tăng 1,84% so với năm 2020, thấp hơn khá nhiều so với mục tiêu 4% mà Quốc hội đề ra. CPI năm 2022 cũng được kiểm soát trong mức tốt, chỉ 2,59% trong tình cảnh kinh tế toàn cầu biến động. Năm 2023, chính phủ tiếp tục có nhiều chính sách kiểm soát lạm phát trong bối cảnh kinh tế toàn cầu nhiều biến động. CPI bình quân quý IV/2023 tăng 3,54% so với quý IV/2022. Tính chung cả năm 2023, CPI tăng 3,25% so với năm trước, đạt mục tiêu Quốc hội đề ra.

Trong trường hợp diễn biến kinh tế vĩ mô trong thời hạn Trái Phiếu không có biến động bất thường, Trái Phiếu niêm yết dự kiến sẽ không chịu ảnh hưởng quá lớn đến từ tình hình lạm phát và lãi suất.

16. Cam kết về tỷ lệ đảm bảo

16.1 Phương thức bảo đảm toàn bộ gốc và lãi trái phiếu

Trái phiếu được bảo đảm toàn bộ gốc và lãi trái phiếu theo phương thức bảo đảm bằng tài sản.

16.2 Tài Sản Bảo Đảm

Tại ngày phát hành Trái Phiếu, Tài Sản Bảo Đảm của trái phiếu là 20.434.104 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Thuận Đức (mã chứng khoán: TDP), đã được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Tổng Công ty lưu ký và bù trừ Chứng khoán Việt Nam. Giá trị tài sản bảo đảm tại ngày phát hành là 547.593.118.992 đồng dựa trên chứng thư thẩm định giá số 0208.02-23/CT-ĐG/VAE do Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam phát hành ngày 02/08/2023.

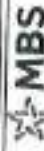
Tại ngày của Bản cáo bạch này, Tài Sản Bảo Đảm của Trái Phiếu bao gồm cổ phiếu Công ty cổ phần Thuận Đức (mã chứng khoán: TDP) được sở hữu bởi các Bên Bảo Đảm. Các Tài Sản Bảo Đảm này chỉ bảo đảm cho các nghĩa vụ được bảo đảm của Trái Phiếu TDPH2326001 mà không bảo đảm cho bất kỳ nghĩa vụ nào khác. Chi tiết về các Tài Sản Bảo Đảm như sau:

[Phần còn lại của trang này được cố ý để trống]

TT	Họ và tên của Bên Bảo Đám	Số DKSH	Ngày cấp	Nơi cấp	Địa chỉ	Số lượng Cổ Phiếu Thẻ Chấp (cổ phiếu)	Văn bản xác nhận đăng ký biện pháp bảo đảm	Hợp đồng thế chấp số
1	Nguyễn Đức Cường	020070000067	10/05/2021	Cục CS QL HC về TTXH	NQ02-10 Vinhomes Riverside 2, Việt Hưng, Long Biên, Hà Nội	21.062.318	Văn bản xác nhận đăng ký biện pháp bảo đảm ngày 14/09/2023 và 04/06/2024 do VSDC cấp	Số 01A/2023/MBS/IBHN-HDCCCP ngày 18/08/2023
2	Ngô Kim Dung	020172000113	10/05/2021	Cục CS QL HC về TTXH	NQ02 - 10 Vinhomes Riverside 2, Việt Hưng, Long Biên, Hà Nội	3.062.787	Văn bản xác nhận đăng ký biện pháp bảo đảm ngày 10/08/2023 và 04/06/2024 do VSDC cấp	Số 02A/2023/MBS/IBHN-HDCCCP ngày 18/08/2023
3	Nguyễn Đức Chính	020201000058	02/05/2021	Cục CS QL HC về TTXH	NQ02-10 Vinhomes Riverside 2, Việt Hưng, Long Biên, Hà Nội	611.618	Văn bản xác nhận đăng ký biện pháp bảo đảm ngày 10/08/2023 và 04/06/2024 do VSDC cấp	Số 03A/2023/MBS/IBHN-HDCCCP ngày 18/08/2023
4	Nguyễn Đức Thịnh	020072000085	25/04/2021	Cục CS QL HC về TTXH	NQ07-30 Vinhomes Riverside 2, Việt Hưng, Long Biên, Hà Nội	224.104	Văn bản xác nhận đăng ký biện pháp bảo đảm ngày 10/08/2023 do VSDC cấp	Số 04A/2023/MBS/IBHN-HDCCCP ngày 18/08/2023
5	Nguyễn Kim Anh	020193009048	17/04/2023	Cục CS QL HC về TTXH	Nq02 - 10 Vinhomes Riverside 2, Việt Hưng, Long Biên, Hà Nội	252.868	Văn bản xác nhận đăng ký biện pháp bảo đảm ngày 10/08/2023 và 04/06/2024 do VSDC cấp	Số 05A/2023/MBS/IBHN-HDCCCP ngày 18/08/2023
6	Đào Nguyễn Cương	033092005231	24/09/2021	Cục CS QLHC về	Thôn Mai Xá, Song Mai, Kim Động, Hưng Yên	1.365.619	Văn bản xác nhận đăng ký biện pháp bảo đảm ngày 03/06/2024 do	Số 01/2024/MBS/IBHN-HDCCCP ngày 30/05/2024

TT	Họ và tên của Bên Bảo Đám	Số ĐKSH	Ngày cấp	Nơi cấp	Địa chỉ	Số lượng Cổ Phiếu Thẻ Chấp (cổ phiếu)	Văn bản xác nhận đăng ký biện pháp bảo đảm	Hợp đồng thế chấp số
				TTXH			VSDC cấp	
7	Vũ Thị Hương	033190009956	01/05/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Hiệp Cường, Kim Động, Hưng Yên	997.158	Văn bản xác nhận đăng ký biện pháp bảo đảm ngày 03/06/2024 do VSDC cấp	Số 02/2024/MBS/IBHN-HDCCCP ngày 30/05/2024
8	Phan Ngọc Anh	033088006211	13/08/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Hiệp Cường, Kim Động, Hưng Yên	374.251	Văn bản xác nhận đăng ký biện pháp bảo đảm ngày 03/06/2024 do VSDC cấp	Số 03/2024/MBS/IBHN-HDCCCP ngày 30/05/2024
9	Đào Nguyễn Dương	033082010879	25/06/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Thôn Mai Xá, Song Mai, Kim Động, Hưng Yên	1.743.939	Văn bản xác nhận đăng ký biện pháp bảo đảm ngày 03/06/2024 do VSDC cấp	Số 04/2024/MBS/IBHN-HDCCCP ngày 30/05/2024
10	Trần Đăng Chính	033092005190	09/05/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Đội 5, Đào Đặng, Trung Nghĩa, TP Hưng Yên, Hưng Yên	592.096	Văn bản xác nhận đăng ký biện pháp bảo đảm ngày 03/06/2024 do VSDC cấp	Số 05/2024/MBS/IBHN-HDCCCP ngày 30/05/2024
11	Nguyễn Chí Cách	033085002365	25/06/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Thôn Mai Xá, Song Mai, Kim Động, Hưng Yên	894.064	Văn bản xác nhận đăng ký biện pháp bảo đảm ngày 03/06/2024 do VSDC cấp	Số 06/2024/MBS/IBHN-HDCCCP ngày 30/05/2024

Tổ chức tư vấn



Công ty cổ phần chứng khoán MB

11/2024/03/05/2024



TT	Họ và tên của Bên Bảo Đám	Số DKSH	Ngày cấp	Nơi cấp	Địa chỉ	Số lượng Cổ Phiếu Thẻ Chấp (cổ phiếu)	Văn bản xác nhận đăng ký biện pháp bảo đảm	Hợp đồng thế chấp số
	Tổng cộng							
	Thông tin về Tổ Chức Nhận Tài Sản Bảo Đám là:							
	CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MB							

Địa chỉ: Tầng 7-8, tòa nhà MB, số 21 Cát Linh, phường Cát Linh, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: 02473.045688

Website: <https://mbs.com.vn/>

16.3 Cam kết bảo đảm

- (i). Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết và Các Bên Bảo Đảm cam kết tạo lập và duy trì các biện pháp bảo đảm cần thiết để đảm bảo rằng tại bất kỳ thời điểm nào trong khi còn bất kỳ Trái Phiếu nào đang lưu hành, Tỷ Lệ Bảo Đảm của Trái Phiếu tuân thủ quy định tại các Văn Kiện Trái Phiếu. Tại mọi thời điểm Nhà Đầu Tư hoàn tất thực hiện thanh toán tiền mua Trái Phiếu, Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết phải bảo đảm Tỷ Lệ Bảo Đảm không thấp hơn 180%.

Tỷ Lệ Bảo Đảm của Trái Phiếu được xác định tại mỗi Ngày Định Giá theo công thức sau:

$$\text{Tỷ Lệ Bảo Đảm} = \frac{S + FS}{O - C - FC} \times 100\%$$

Trong đó:

S: Tổng giá trị Cổ Phiếu Thẻ Chấp xác định theo biên bản định giá;

FS: Tổng giá trị Tài Sản Hình Thành Trong Tương Lai không bao gồm Quyền nhận cổ tức bằng tiền;

O: Tổng mệnh giá các Trái Phiếu đang lưu hành và được chưa thanh toán gốc tại thời điểm định giá;

C: là tổng giá trị của các Tài Sản Bảo Đảm bằng tiền mặt/giấy tờ có giá do tổ chức tín dụng phát hành/sổ tiết kiệm/hợp đồng tiền gửi;

FC: Tài Sản Hình Thành trong tương lai là Quyền nhận cổ tức bằng tiền.

- (ii). Tại bất kỳ thời điểm định giá định kỳ, định giá lại nếu Tỷ Lệ Bảo Đảm thấp hơn 180% (Một trăm tám mươi phần trăm). Tổ Chức Nhận Tài Sản Bảo Đảm (hành động thay mặt cho Những Người Sở Hữu Trái Phiếu) gửi thông báo yêu cầu Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết hoặc các Bên Bảo Đảm có liên quan bổ sung Tài Sản Bảo Đảm để đảm bảo Tỷ lệ Bảo Đảm sau khi bổ sung Tài Sản Bảo Đảm không thấp hơn 180% (Một trăm tám mươi phần trăm) đối với giá tính theo bình quân gia quyền theo khối lượng của 20 phiên giao dịch trước Ngày Định Giá. Thời gian bổ sung Tài Sản Bảo Đảm là 10 (mười) Ngày Làm Việc kể từ ngày Tổ Chức Nhận Tài Sản Bảo Đảm đưa ra yêu cầu bổ sung Tài Sản Bảo Đảm ("**Thông Báo Bổ Sung Tài Sản Bảo Đảm**"). Trong thời gian bổ sung, nếu do biến động thị trường các tỷ lệ này vượt ngưỡng yêu cầu, thì được xem là một trong các phương án đã được Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết khắc phục.
- (iii). Tại bất kỳ thời điểm định giá hoặc định giá lại nào, nếu Tỷ Lệ Tài Sản Bảo Đảm lớn hơn

hoặc bằng 230% (Hai trăm ba mươi phần trăm), thì Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết hoặc các Bên Bảo Đảm có quyền yêu cầu giải chấp một phần Tài Sản Bảo Đảm để Tỷ Lệ Tài Sản Bảo Đảm giảm xuống không thấp hơn 180% (Một trăm tám mươi phần trăm) hoặc Khi Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết thực hiện Mua Lại Trước Hạn một phần của Trái Phiếu đang lưu hành, khiến cho Tỷ lệ Tài Sản Bảo Đảm lớn hơn 180% thì Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết có quyền lựa chọn rút bớt bất kỳ Tài Sản Bảo Đảm nào cho đến khi Giá Trị Tài Sản Bảo Đảm còn lại bằng **180%** tổng Dư Nợ Trái Phiếu tại thời điểm đó.

Trong thời gian 21 (hai mươi một) Ngày Làm Việc kể từ ngày Tổ Chức Nhận Tài Sản Bảo Đảm và/hoặc Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết gửi thông báo cho Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết, Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết và/hoặc Bên Bảo Đảm phải hoàn tất việc thông báo rút Tài Sản Bảo Đảm cho Tổ Chức Nhận Tài Sản Bảo Đảm. Tỷ Lệ Tài Sản Bảo Đảm được xác định theo nguyên tắc sau:

Tỷ Lệ Tài Sản Bảo Đảm là tỷ lệ được xác định tại mỗi kỳ định giá theo công thức:

$$\text{Tỷ lệ Tài Sản Bảo Đảm} = \frac{S}{O-C} \times 100\%$$

Trong đó:

- S:** Tổng giá trị Cổ Phiếu Thế Chấp xác định theo biên bản định giá;
- O:** Tổng mệnh giá các Trái Phiếu đang lưu hành chưa thanh toán gốc tại thời điểm định giá;
- C:** là tổng giá trị của các Tài Sản Bảo Đảm bằng tiền mặt/giấy tờ có giá do tổ chức tín dụng phát hành/sổ tiết kiệm/hợp đồng tiền gửi;

Để tránh hiểu lầm, trong mọi trường hợp rút tài sản đảm bảo, Giá Trị Tài Sản Bảo Đảm sẽ được định giá lại tại 1 ngày làm việc trước ngày rút tài sản với giá định tài sản đảm bảo đã được rút. Trong trường hợp giá trị thị trường giảm xuống so với giá tại ngày Thông báo rút tài sản đảm bảo, số lượng tài sản sẽ được tính toán lại sao cho giá trị tài sản định giá lại không được dưới 180% tổng mệnh giá trái phiếu lưu hành.

Để làm rõ, Tổ Chức Nhận Tài Sản Bảo Đảm sẽ phản hồi cho Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết và Bên Bảo Đảm về giá trị Tài Sản Bảo Đảm được quyền rút trong vòng 05 (năm) Ngày Làm Việc kể từ ngày nhận được yêu cầu.

16.4 Phương án xử lý Tài Sản Bảo Đảm

Trong vòng 10 (mười) Ngày Làm Việc kể từ ngày nhận được Thông Báo Bổ Sung Tài Sản Bảo Đảm, nếu Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết và/hoặc (các) Bên Bảo Đảm không hoàn tất việc bổ sung Tài Sản Bảo Đảm theo quy định tại các Hợp Đồng Bảo Đảm khi Tỷ Lệ Bảo Đảm thấp hơn 180% (Một trăm tám mươi phần trăm) thì Tổ Chức Nhận Tài Sản Bảo Đảm (hành động thay Những Người Sở Hữu Trái Phiếu) sẽ được phép tiến hành bất kỳ hành động nào mà Tổ Chức Nhận Tài Sản Bảo Đảm cho là phù hợp, cần thiết hoặc nên làm phù hợp với quy định của pháp luật để ngăn chặn hoặc khắc phục bất kỳ vi phạm nào nêu trên. Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết và/hoặc Bên Bảo Đảm phải chịu trách nhiệm hoàn trả/bồi thường bất kỳ thiệt hại, phí, tổn hại nào mà Tổ Chức Nhận Tài Sản Bảo Đảm đã bỏ ra để ngăn chặn hoặc khắc phục hành vi vi phạm nào nêu trên bao gồm nhưng không giới hạn việc toàn quyền đề nghị Công Ty Lưu Ký Chứng Khoán đóng/mở chức năng rút/chuyển tiền trên Tài Khoản Lưu Ký Chứng Khoán, và toàn quyền bán Cổ Phiếu Thế Chấp đảm bảo cho nghĩa vụ nợ của Trái Phiếu theo quy định tại Các Hợp Đồng Bảo Đảm có liên quan.

Chi tiết các nội dung về tài sản bảo đảm, cam kết bảo đảm, phương án xử lý Tài Sản Bảo Đảm sẽ được quy định chi tiết tại Các Điều Khoản và Điều Kiện Trái Phiếu kèm theo Hợp đồng Đại diện Người Sở Hữu Trái Phiếu, các Hợp đồng Bảo Đảm.

Để làm rõ, các Hợp Đồng Bảo Đảm là bất kỳ hợp đồng nào trong số các hợp đồng sau:

- i. Hợp Đồng Thế Chấp Cổ Phiếu
- ii. Hợp Đồng Quản lý Tài Sản Bảo Đảm;
- iii. Tất cả văn bản, thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế của bất kỳ hợp đồng, thỏa thuận hoặc tài liệu nào liên quan đến các hợp đồng nêu tại mục (i) và (ii) trên đây;
- iv. Các hợp đồng/văn bản thỏa thuận mà theo đó Các Bên Bảo Đảm đồng ý và cam kết dùng các tài sản của Các Bên Bảo Đảm để cầm cố, thế chấp hoặc tạo lập biện pháp bảo đảm khác để bảo đảm cho các Nghĩa Vụ Được Bảo Đảm, bao gồm nhưng không giới hạn bất kỳ thỏa thuận nào được ký kết bởi Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết hoặc Bên Bảo Đảm khác có liên quan và Tổ Chức Nhận Tài Sản Bảo Đảm, theo đó Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết hoặc Bên Bảo Đảm có liên quan cầm cố/thế chấp tài sản thuộc sở hữu của mình cho Tổ Chức Nhận Tài Sản Bảo Đảm (hành động thay mặt và vì lợi ích của Những Người Sở Hữu Trái Phiếu) để bảo đảm cho Nghĩa Vụ Được Bảo Đảm.

17. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài

Theo quy định tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng Khoán và Điều lệ của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết không giới hạn về tỷ lệ sở hữu Trái Phiếu đối với nhà đầu tư nước ngoài.

18. Các loại thuế có liên quan

Những nội dung tóm tắt dưới đây không phải là những phân tích có tính toàn diện về các điểm cần lưu ý về thuế có thể ảnh hưởng tới quyết định mua, sở hữu hoặc bán Trái Phiếu và không nhằm mục đích giải quyết các vấn đề về thuế đối với các nhà đầu tư. Vì vậy, các nhà đầu tư Trái Phiếu nên tham khảo ý kiến các chuyên gia về các loại thuế có liên quan áp dụng đối với những trường hợp cụ thể.

❖ Thuế thu nhập cá nhân

Thu nhập từ lãi Trái Phiếu và thu nhập từ việc chuyển quyền sở hữu Trái Phiếu của cá nhân được xem là thu nhập chịu thuế theo hướng dẫn tại Thông tư số 111/2013/TT-BTC được sửa đổi và bổ sung tại Thông tư số 92/2015/TT-BTC và sẽ được khấu trừ với mức như sau:

- Thu nhập từ lãi Trái Phiếu được xem là thu nhập đầu tư vốn. Thuế suất Thuế thu nhập cá nhân với thu nhập đầu tư vốn là 5%.
- Thu nhập từ chuyển nhượng Trái Phiếu được xem là khoản thu nhập từ chuyển nhượng vốn (chứng khoán). Thuế suất Thuế thu nhập cá nhân với thu nhập từ chuyển nhượng vốn là 0,1% trên giá chuyển nhượng chứng khoán từng lần.

❖ Thuế thu nhập doanh nghiệp

Các tổ chức được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam và các tổ chức được thành lập và hoạt động theo pháp luật nước ngoài (tổ chức nước ngoài) đáp ứng đủ điều kiện áp dụng phương pháp kê khai doanh thu chi phí theo hướng dẫn tại Thông tư số 78/2014/TT-BTC được sửa đổi bổ sung tại Thông tư số 96/2015/TT-BTC sẽ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp.

Các tổ chức nước ngoài không đáp ứng đủ điều kiện áp dụng phương pháp kê khai thuế thu nhập doanh nghiệp trên cơ sở kê khai doanh thu chi phí sẽ được khấu trừ và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp trên thu nhập từ lãi thu được từ Trái Phiếu và thu nhập từ việc chuyển nhượng Trái Phiếu theo quy định tại Thông tư 103/2014/TT-BTC với mức thuế suất áp dụng như sau:

- Mức thuế suất áp dụng đối với lãi từ Trái Phiếu là 5%;
- Mức thuế suất áp dụng đối với thu nhập từ việc chuyển nhượng Trái Phiếu là 0,1% trên tổng doanh thu chuyển nhượng Trái Phiếu tại thời điểm chuyển nhượng.

❖ **Thuế giá trị gia tăng**

Theo các quy định tại Thông tư 219/2013/TT-BTC, lãi Trái Phiếu và thu nhập từ việc chuyển nhượng Trái Phiếu thuộc đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng.

❖ **Khấu trừ thuế**

Các khoản thanh toán liên quan đến Trái Phiếu sẽ được Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết thanh toán sau khi đã khấu trừ bất kỳ loại thuế, phí hoặc bất cứ loại lệ phí nào ("Thuế") do bất kỳ cơ quan có thẩm quyền hoặc bất kỳ cơ quan nào của Chính phủ Việt Nam có quyền ban hành hoặc áp dụng thuế.

Chi phí hành chính liên quan đến Chuyển Quyền Sở Hữu Trái Phiếu sẽ do VSDC ấn định khi Trái Phiếu được Chuyển Quyền Sở Hữu, theo quy định của pháp luật và thông lệ thị trường. Để làm rõ, khoản tiền mà Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết thanh toán theo Trái Phiếu sẽ là khoản tiền còn lại sau khi đã khấu trừ Thuế và Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết không phải thanh toán thêm bất kỳ khoản tiền nào để bù đắp cho Người Sở Hữu Trái Phiếu.



VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT

Tổ chức Tư vấn và Đại Lý Phát Hành, Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu, Tổ chức Quản lý Tài sản Bảo Đảm

Công ty cổ phần Chứng khoán MB

Địa chỉ: Tầng 7-8, tòa nhà MB, số 21 Cát Linh, phường Cát Linh, Q. Đống Đa, TP.Hà Nội.
Điện thoại: +84 24 7304 5688
Website: www.mbs.com.vn

Tổ chức kiểm toán

Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2022 và năm 2023 được kiểm toán:

Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam

Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 8, CornerStone Building, 16 Phan Chu Trinh, quận Hoàn Kiếm, TP.Hà Nội.
Điện thoại: (024) 3831 5100
Website: www.ey.com

VII. PHỤ LỤC

1. Phụ lục I: Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty cổ phần Thuận Đức
2. Phụ lục II: Điều lệ Công ty cổ phần Thuận Đức
3. Phụ lục III: Biên bản xác định giá trị tài sản bảo đảm
4. Phụ lục IV: Giới thiệu những văn bản pháp luật liên quan đến tổ chức đăng ký niêm yết
5. Phụ lục V: Báo cáo tài chính của tổ chức đăng ký niêm yết
 - Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất đã được kiểm toán năm 2022;
 - Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất đã được kiểm toán năm 2023;
 - Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất Quý 1 năm 2024
6. Phụ lục VI: Báo cáo về những tranh chấp pháp luật
7. Phụ lục VII: Hợp đồng Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu

Được lập tại Hưng Yên, ngày 25 tháng 6 năm 2024

TỔ CHỨC NIÊM YẾT
CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN ĐỨC

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Nguyễn Đức Cường

TỔNG GIÁM ĐỐC



Bùi Quang Sỹ

KÊ TOÁN TRƯỞNG



Đào Thị Nga

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT



Bùi Huy Hoàng

Hà Nội, ngày 25 tháng 6 năm 2024

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MB

Phó Giám đốc Khối Dịch vụ Ngân hàng Đầu tư



[Handwritten signature]
Lê Thị Thu Hiền

